

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐẠO UYÊN

ĐÔNG 2018

28

ĐẠO UYÊN ĐÔNG 2018

NXB HỒNG ĐỨC

ISBN: 978-604-89-5150-4



Sách ấn tổng. Không bán.



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI *chủ biên*

ĐẠO UYÊN ĐÔNG 2018

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý – Tập 28

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2018

NỘI DUNG

Giao Cảm – Đạo Uyên	4
THÁNH GIÁO	
Giải Nghĩa <i>Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo</i> – Đức Chí Tôn	5
Nhớ Câu Chánh Niệm – Đức Nam Hải Quan Âm Như Lai	19
Ba Điều Kiện Tối Thiểu... – Đức Đông Phương Chương Quân	20
Dạy Thanh Thiếu Niên – Đức Cao Triều Phát	25
Cầu Nguyện... – Đức Minh Đức Đạo Nhơn, Đức Quan Âm Bồ Tát	27, 33
KHẢO CỨU / SÁNG TÁC / TRAO ĐỔI	
Kinh Vào Học / Kinh Thuyết Pháp – Huệ Khải	37, 48
Sách Giáo Khoa Môn Văn Của Nhóm Cánh Buồm – Trần Văn Chánh	57
Đạo Nghĩa Thầy Trò – Nguyễn Văn Dân	69
Em Về Rộn Rã Niềm Vui (<i>thơ</i>) – Đỗ Thị Kết	71
Nhớ Về Bục Giảng Ngày Xưa (<i>thơ</i>) – Bùi Thụy Đào Nguyên	72
Nhớ Thầy Cũ – Lưu Khôn	73
Phía Ấy, Dòng Sông Quê / Bốn Câu (<i>thơ</i>) – Bùi Thụy Đào Nguyên	80
Đạo Nghĩa Bạn Bè – Thái Hữu Võ	81
Về Một Số Địa Danh Gốc Chằm Ở Trung Bộ – Nguyễn Thanh Lợi	85
Bên Mổ Những Người Thân (<i>thơ</i>) – Bùi Thụy Đào Nguyên	104
Đại Trượng Phu, Chí Quân Tử Với Phú Trưỡng Giả – Trương Vĩnh Ký	105
Lá Thư Calgary – Trần Ngọc Hường	113
Một Khoảng Trời (<i>thơ</i>) – Đỗ Thị Kết	116
Một Hôm (<i>thơ</i>) – Nguyễn Quốc Huân	117
Anh Về / Tình Quê (<i>thơ</i>) – Phan Thành Minh	118
Đừng Vứt Pin – Cần Biết Cần Làm	119
Gió Bốn Phương – Huệ Khải, Lê Anh Minh	121
Kinh Sách Mới In / Phương Danh Ấn Tổng	143, 145

Bìa 1: Thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận). *Ảnh: Kim Trúc*

Bìa 4: Mâm non nhà Đạo. *Ảnh: Kim Trúc* (môn sanh Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)

Kết thúc năm 2018, *Đạo Uyển* hân hạnh gửi tới quý đạo hữu một số nội dung đáng chú ý như sau:

GIÀO CẨM

1. Chúng ta cùng học lại ý nghĩa bài kinh cúng tứ thời *Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo*, do Đức Chí Tôn giảng cơ tại Phước Huệ Đàn (Tam Kỳ, Quảng Nam) giảng giải (tr. 5-18).

2. Chúng ta cùng tìm hiểu nguồn gốc một số địa danh miền Trung, chẳng hạn như *Đà Nẵng*, để biết tại sao thời Pháp thuộc, các tiền bối khai đạo miền Trung lắm khi gọi Đà Nẵng là *Tourane* (tr. 85-103).

3. Đặc biệt, kính mời quý đạo hữu cùng làm quen với bộ sách giáo khoa độc đáo của nhóm *Cánh Buồm*. Những tấm lòng luôn thiết tha với di sản và tiền đồ nền giáo dục Việt Nam sau khi đọc bài viết của học giả Trần Văn Chánh (tr. 57-68) ắt sẽ quan tâm, sốt sắng tìm kiếm những pho sách giáo khoa soạn cho trẻ con, dù mình đang là người lớn, người già.

Chúng tôi dự kiến đầu tháng 01-2019 sẽ phát hành *Đạo Uyển Xuân 2019* để thay cánh thiệp xuân kính trao gửi tới tất cả quý ân nhân, đạo hữu, đạo tâm. Và trong điều kiện cho phép, qua năm mới, chúng tôi sẽ lần lượt trích tuyển dần những trang sách giáo khoa đặc sắc của nhóm *Cánh Buồm* để người lớn chúng ta vui học lại, rồi hướng dẫn con cháu mình tự học theo hoài bão của quý giáo chức tâm huyết biên soạn.

Cuối cùng, xin chúng ta cùng cầu nguyện cho tất cả được an bình trong cơn sàng sẩy ráo riết thời mạt kiếp hạ nguơn.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.



Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo rất hoan hỷ được tin vui, biết rằng lúc 8 giờ 30 sáng Thứ Bảy 15-9-2018, tại 63 Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, HOC VIEN CAO ĐAI TRUYEN GIAO, thuộc Tòa Nội Chánh của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài trang trọng làm lễ khai giảng KHÓA 1 NGÀNH TRỊ SỰ – CAI QUẢN (niên khóa 2018-2019). Đây cũng là dịp Hội Thánh giới thiệu Ban Giám Hiệu Học Viện, trong đó ngài Phối Sư Thượng Hựu Thanh làm Hiệu Trưởng.

Xin kính thành hiệp tâm cầu nguyện Thầy Mẹ, Đức Lý Giáo Tông, Đức Tổng Lý Vô Vi Trần Hưng Đạo, và Liệt Thánh Tông Đồ ban ơn phù trì Học Viện Cao Đài Truyền Giáo trong sứ mệnh đào tạo nhân lực tâm hạnh đức tài giúp Hội Thánh.

ĐỨC CHÍ TÔN GIẢI NGHĨA NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO

Trong một đàn ngày 28-4 Kỷ Hợi (04-6-1959), chưa rõ nơi lập đàn, Đức Chí Tôn dạy:

*NGỌC trong đá trắng, thánh trong người
HOÀNG lệnh Thầy truyền chớ để người
THƯỢNG đặt phải lo ra gánh đạo
ĐỂ tâm chuyển pháp dựng xây đời.*

Thầy mừng các con.⁽¹⁾

(...)

Thầy cho hay sẽ lập pháp y theo bài xưng tụng Ngọc Hoàng nghĩa là từ chữ “Đại La” đến chữ “Hựu tội Đại Thiên Tôn”.⁽²⁾

Thế rồi, để con cái của Thầy hiểu được ý nghĩa sâu kín của bài kinh cúng tứ thời nhan đề *Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu cáo*,⁽³⁾ tại Phước Huệ Đàn (Tam Kỳ, Quảng Nam), một hôm Thầy giảng cơ dạy như sau:

Huệ Khải chú:

⁽¹⁾ Phạm Văn Liêm, *Sự Nghiệp Trung Hưng*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 175.

⁽²⁾ Phạm Văn Liêm, *Sách đã dẫn*, tr. 176.

⁽³⁾ Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo đã in (quyển 16-2): Huệ Khải, *Tìm Hiểu Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2009, 2010).

THƯỢNG ĐẾ TRONG TẤT CẢ

THI

*NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ giáng đàn trung
Phước huệ ban cho các trẻ cùng
PHÁP ĐẠO BỬU CHƯƠng ngày giáng lập
Mừng chung nhân loại gọi ân hồng.*

Thầy là Thượng Đế vô sinh. Thầy vô sinh nên không hình không danh. Thượng Đế là danh tạm gọi cho Thầy là đấng chủ tể càn khôn. Cho đến danh **Đại La Thiên Đế Thái Cực Thánh Hoàng** ⁽⁴⁾ cũng là danh tạm gọi mà thôi.

Thầy kỳ ba đại xá lập Tam Kỳ Phổ Độ gọi là danh không nhất định. Danh không nhất định là “phi thường danh”. Kể ra thường danh của Thầy là Thường Đạo.⁽⁵⁾

Thường Đạo là Thầy thì Thầy cũng có danh. Đã có danh Thường Đạo thì còn có chỗ kêu tên này nọ. Cho nên Thường Đạo cũng chẳng phải danh thường danh.

Thầy đến cùng các con hôm nay đây viết ra chữ. Chữ ấy đọc nên lời đều là cái gì không phải Thầy. Thầy chẳng nói

⁽⁴⁾ Từ đây về sau, những chữ in đậm đều trích ra từ bài *Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo* (sau đây gọi tắt là *Bửu Cáo*). Các chú thích trong bài do Huệ Khải.

⁽⁵⁾ *Đạo Đức Kinh*, chương 1: *Đạo khả đạo phi Thường Đạo. Danh khả danh phi thường danh.* (Đạo mà nói ra được thì không phải là Đạo hằng thường bất biến. Tên mà gọi tên được thì không phải là tên hằng thường bất biến.) Gia Fu Feng và Jane English dịch ra tiếng Anh: *The Tao that can be told is not the eternal Tao; The name that can be named is not the eternal name.* (Tao Te Ching: Lao Tsu: A New Translation, 1972.)

không làm. Chỉ có người Thánh mới nghe được tiếng Thầy trong vạn hữu, mới thấy Thầy khắp vạn phương. Các con có lòng thành kính thì sẽ biết Thầy là chi.

Trong trời đất bao la lồng lộng mông mênh không bến chẳng bờ. Nhưng như chiếc lưới vĩ đại ⁽⁶⁾ có đường chỉ dọc ngang dàn thành mặt sưa ⁽⁷⁾ có mắt. Mắt lưới này vô hình không ai thấy được. Trời là chủ trời đất cầm lưới ấy tung ra, các con ở trong đó. Không một con nào lọt ra ngoài được. Cho nên Thầy có danh là **Đại La Thiên Đế**. Đế là vua trọn lành. Thầy làm chủ tế như một vị vua trị quốc an dân. Thầy làm vua lớn hơn vua dưới thế này nên gọi là Thiên Đế. Thiên chỉ bầu trời (Đại La). Đế chỉ ngôi chủ tế ngự trị. Đế còn có nghĩa bản thể vô sinh bất nhị,⁽⁸⁾ diệu huyền vô đối,⁽⁹⁾ thường tại bất biến. Tuy không phải như vua ngồi trên bệ ngọc ngai vàng cầm quyền sinh sát muôn dân, nhưng Thầy **thống ngự vạn vật** không vật nào chẳng ở trong Thầy, không vật nào Thầy chẳng ở trong. Chi chi cũng có Thầy. Mỗi con sinh ra hay về Thầy đều do con đường âm dương biến hóa. Thầy là vậy nên gọi Đế. Gọi Đế hay gọi **Thái Cực Thánh Hoàng** cũng là danh bày tỏ Thầy là chi. Có điều danh chi cũng không đủ tượng trưng được ngôi Thầy.

Thái Cực là danh lớn vô cùng lớn, hay nói sự hòa hợp âm dương trong Thầy. Thầy không bao giờ chẳng lấy Hòa làm

⁽⁶⁾ **chiếc lưới vĩ đại**: Đại la (*the great net*).

⁽⁷⁾ **sưa**: (Từ Việt cổ) Thưa, không dày.

⁽⁸⁾ **bất nhị**: Không hai. Không âm không dương, không thiện không ác là *bất nhị*. *Bát Nhã Tâm Kinh* có câu: *Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc.*

⁽⁹⁾ **vô đối** 無對: Không có gì sánh được (*peerless, unequalled*).

Đạo. Thái Hòa là Thầy. Đạo còn biến hóa khiến cho muôn loài trở về đường chính nhằm bảo hợp Thái Hòa tức là trở lại cùng Thầy. Thầy là tất cả. Tất cả là Thầy. Chỗ Thầy và tất cả giao hòa không lấy chi lường được, nên gọi Thầy là Thái Cực. Chúng sanh đều có Thái Cực. Thầy là Thánh Hoàng của chúng sinh. Thái Cực Thầy và Thái Cực chúng sinh đồng ở trong quyền phép Thánh Hoàng. Đã là Thánh Hoàng, Thầy không như phạm tục.

Các con ôi, hôm nay các con được ơn Thầy chỉ dạy mấy lời đạo pháp thật là dịp vô cùng quý báu!

Thầy cũng muốn nói ngôi Thầy ngự chẳng khác cung khuyết vàng rồng kinh thành ngọc trắng,⁽¹⁰⁾ nghĩa là chỗ cao sang tốt bậc. Các con có biết chỗ ấy ở đâu chẳng? Hay là nghe vậy biết vậy? Thầy nói chỗ ấy không như các con tưởng tượng. Thầy vô hình thì ngôi Thầy làm gì hữu tướng. Vàng ngọc là thứ ở dưới đất các con coi quý, chứ Thầy không lấy chi làm quý. Chính nơi Thầy ngự không ngoài vạn vật. Ở đâu cũng có Thầy.⁽¹¹⁾ Thầy cỡi sáu rồng bay khắp muôn phương, không ai lường được. Rồng bay lên trời cao vọi vọi, Thầy ngự ở đó nguy nga. Đó là ngôi Cửu Ngũ. Thầy có quyền năng Tạo Hóa. Rồng nằm dưới vực sâu cũng có Thầy ngự đến. Rồng hiện trên mặt đất hay bất cứ ở đâu thời nào cũng có Thầy cả. **Thời thừa lục long du hành bất tức** thì Thầy đâu ngồi một chỗ như ông vua phạm tục.

Lục long là sáu hào dương quẻ Càn, Thánh Nhân mượn chỉ

⁽¹⁰⁾ **cung khuyết vàng rồng: kinh thành ngọc trắng**: Bạch Ngọc Kinh.

⁽¹¹⁾ **Ở đâu cũng có Thầy**: Vô sở bất tại.

sự biến hóa ẩn hiện phi thường của Đạo Trời, người đời phải theo đó mà tu học cho nên Thánh, hay cho nên con Thầy.⁽¹²⁾

Các con ôi! Thầy khuyên các con nên biết Thầy không phải thực phải hư. Thực thì có thể cầm nắm sờ mó được, còn hư thì trái lại. Thầy có khi hiện ra thực tướng Như Lai, lại có khi như hư không, không có gì cả. Hễ lấy mắt mà xem thì Thầy hư, hễ lấy tay sờ thấy Thầy không thực. Tuy không hiện hình nhưng Thầy **dịch sử quần linh**. Mặt trời, mặt trăng và vô lượng tinh cầu vận hành trong hư không, không bao giờ sai luật trái đường. Con kiến bò, con người sống, không con nào ra ngoài luật âm dương tạo hóa. Ai vót gai nhọn, ai vo quả tròn, ai dựng nên trời đất? Thầy là chi không ai thấy, dường như hư nhưng không hư, còn nói thực thì Thầy là chi không phải thực mà nói dường như thực. Thật là mầu nhiệm.

Thầy có nói gì đâu.⁽¹³⁾ Thánh Nhân cảm thấu Thầy thế nào đó rồi đặt kinh xưng tụng Thầy. Kinh sách nói đến Thầy rất nhiều, nhưng chỉ bày tỏ Thầy phần nào theo sở đắc mà thôi. Khoa học ngày nay tiến bộ, nhưng cũng chưa tìm gặp Thầy được.

Xưa nay Thầy đã hóa độ vô số chúng sinh mà nào có ai nghe Thầy nói gì đâu. Phật hay Chúa nói ra lời Thầy cũng chưa đủ gọi là Thầy nói hết. Thế mà chúng sinh đã ngộ. Phải chăng Thầy không nói mà nói thầm kín lặng lẽ trong lòng chúng sinh. Các nhà khoa học bây giờ lên tận cung trăng đều phải nhận Thầy mầu nhiệm. Đó cũng là Thầy **bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa**.

⁽¹²⁾ **cho nên con Thầy**: Con Thầy thì phải giống Thầy.

⁽¹³⁾ **Thầy có nói gì đâu**: Thiên hà ngôn tai. (Khổng Tử)

Thầy là các con, các con là Thầy. Sở dĩ Thầy và các con như thế là vì Đạo, một cái gì ở Thầy, ở các con làm như nhịp cầu giao thông đây đó lại qua. Đạo ấy vô hình, có khi hiện hình người nam hay nữ. Nam nữ là âm dương. Âm dương hiệp lại thành trời đất. Trời đất cũng là âm dương. Trời là dương. Đất là âm. Trời có nước thuộc âm. Đất có lửa thuộc dương.⁽¹⁴⁾ Người nào cũng có âm dương giao hòa. Âm dương là hai khí phân làm bốn tượng. Tượng là khí thành ra Thái Dương, Thiếu Âm, Thái Âm, Thiếu Dương là bốn tượng. Nói ra đã thấy âm dương không tuyệt đối âm, tuyệt đối dương. Thầy đây có khi gọi Mẹ. Mẹ cũng có khi xưng Thầy. Càn và Khôn tuy hai quả khác nhau, nhưng dương cực âm sinh, cơ tiêu trưởng cho thấy âm thịnh dương suy, hay trái lại, chứ thật ra không ngoài Thái Cực nhất nguyên. Thầy là Nhất Nguyên.⁽¹⁵⁾ Thầy biến hóa thành vạn hữu, tướng dụng bất đồng. Tuy chia ra vạn hữu sai biệt nhưng gốc một, Thầy vẫn xây ⁽¹⁶⁾ không giới hạn biên cương. Cỏ cây cũng có Thầy, có âm dương. Trên Thầy có đủ Phật Tiên Thánh Thần cả nam lẫn nữ. Các đấng ấy cũng là âm dương biến hóa. Hoặc nữ hay nam cũng trong Thầy mà ra. Khi là Phật hay Tiên tức là khi Thầy ứng hóa. Cơ mầu nhiệm này chỉ có Thầy mới biết Thầy. Các con chưa đắc đạo, Thầy cũng khó nói ra. Hằng ngày các con đọc tụng **khí phân Tứ Tượng oát triển vô biên** mà làm sao biết được thế nào. Đây Thầy cũng cho biết chút ít. Phật và Chúa mỗi vị một phương. Đạo Phật, đạo Chúa truyền lại môn đồ nam nữ, rồi

⁽¹⁴⁾ Như vậy là trong dương có âm, trong âm có dương.

⁽¹⁵⁾ Nhị nguyên (*dualistic*) thì phân âm dương (hữu vô), Nhất nguyên (*monistic*) thì không âm không dương (không hữu không vô).

⁽¹⁶⁾ **văn xây**: Xoay văn, vận hành.

từ đó truyền ra khắp. Bây giờ Thầy đến viết qua tay đồng tử rồi từ đó Hội Thánh nam và nữ truyền ra cho các con nam nữ. Đạo Pháp trường lưu⁽¹⁷⁾ không biết ngày nào ngưng động.

Các con ơi! Thầy nhìn thấy các con mà lòng Thầy cảm động. Các con phải theo Thầy như người quân tử tự cường bất tức.⁽¹⁸⁾

Thầy là mặt trời ngày ngày chói rọi mười phương. Người thấy mọc ở phương Đông lặn về phương Tây, bảo là Thầy vận hành mãi mãi không bao giờ mỏi mệt. Thiên hành kiện là nghĩa ấy. **Cần kiện cao minh** cũng là nghĩa ấy.

Thầy làm con mắt đoái xem vạn loại thiện ác. Thầy cao minh không có vật nào ngoài tầm mắt Thầy. Thầy thấy thiện thấy ác các con. Song Thầy không vì thiện ác mà bỏ các con. Mặt trời soi cho kẻ ác người thiện như thế nào, thì Thầy cũng vậy. Mắt Thầy cao minh, sự nhìn thấy của Thầy không như thiên hạ. Lòng các con thế nào Thầy đều thấy cả. Thầy có chánh kiến. Các con học Thầy để thấy Thầy ở mỗi con. Cái thiện kia ác nọ không phải của Thầy, của các con, mà của tà kiến. Khi nào các con có Thầy hợp một sự thấy thì không còn phân nhơn ngã thị phi thiện ác. Bây giờ là **huyền phạm quang đại**, cõi màu nhiệm rộng lớn. Bây giờ Thầy và các con

⁽¹⁷⁾ **Đạo Pháp trường lưu:** Câu này trong bài kinh cúng tứ thời *Hỗn Động Tôn Sư*.

⁽¹⁸⁾ *Đại Tượng Truyện* kể Cần có câu: *Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.* (Trời vận hành không ngừng, người quân tử noi theo lẽ đó mà bản thân luôn luôn mạnh mẽ không ngừng.) James Legge (1815-1897) dịch: *Heaven, in its motion, (gives the idea of) strength. The superior man, in accordance with this, nerves himself to ceaseless activity.*

không làm lẫn lộn may họa phước.

Phước là gì, họa thế nào, đều lập phân. Phước ở Trời hay phước thế gian, họa xác thịt hay họa linh hồn, chi chi Thầy và các con rõ cả.

Phước họa đôi đường tương đối. Các con có khi lầm cho phước là họa, họa là phước. Một nhà tu chọn chính nhìn đời thấy khác người tục. Cái chết của Chúa Giêsu là phước hay họa? Phật Thích Ca bỏ nhà vàng ra đi tìm đạo giải thoát là họa hay phước? Hoàng Ngọc Trác tuấn đạo,⁽¹⁹⁾ phước họa thế nào? Bây giờ Thầy nói cho các con rõ dưới mắt Thầy họa hay phước là điều các con chưa thấy rõ.

Hôm nay các con ngồi tu theo đạo pháp tâm truyền như Ngô Đại Tiên ngày trước các con có cho là phước không? Nếu là phước thì bao nhiêu người khác thế nào? Thầy nói thật mọi sự làm theo ý Thầy là phước. Dù cho các con tu mà ích kỷ không nhận rõ Đạo là chi thì suốt đời cũng vô ích. Còn như không tu mà hành thì Thầy không muốn. Hành đạo bằng tâm và thân tu mới có phước. Phật nói dù cho lấy thất bảo cả tam thiên đại thiên thế giới bố thí cũng không bằng công đức thọ trì tứ cú kệ.⁽²⁰⁾ Tứ cú kệ thế nào, các con có biết không? Dù nói ra kệ bốn câu bằng lời hay viết thành văn không đủ nghĩa lý. Công phu từ sơ thiền đến tứ thiền một niệm vô sanh thì công đức vô lượng. Các con gắng tu cho được vậy thì có thể cùng Thầy **nhứt toán họa phước lập phân**.

⁽¹⁹⁾ **tuấn đạo:** Chết vì chịu hy sinh cho tôn giáo của mình thì thành Thánh tử đạo (*martyr*). Đó là trường hợp ngài Huỳnh Ngọc Trác (1898-1945) tại Quảng Ngãi, ngài đắc quả Liễu Tâm Chơn Nhơn.

⁽²⁰⁾ **tứ cú kệ:** Xem phụ đính cuối bài thánh giáo này.

Thầy nói cho các con biết Thầy không phải là trời [*chur thiên, devas*] ⁽²¹⁾ mà là đấng cầm quyền cả ba mươi sáu cõi trời và ba ngàn thế giới.⁽²²⁾ Không những bảy mươi hai địa cầu mà cho đến tứ đại bộ châu cũng do Thầy nắm giữ.⁽²³⁾ Mỗi nơi thế nào các con đâu rõ. Thầy ở khắp mọi nơi. Cả càn khôn không ngoài bàn tay mầu nhiệm của Thầy cầm nắm. Hễ đã có quyền năng như thế thì không một vật nào, một người nào còn mất, sống chết không do Thầy. Khoa học càng tiến bộ càng khám phá cơ tạo hóa của Thầy. Các con đừng tưởng thành bại do người. “*Hành hoặc sử chi, chi hoặc nặc [ni] chi, hành chi phi nơn sở năng dã.*” ⁽²⁴⁾ Mạnh Tử đã biết được Thầy rồi.

Thầy là Đại Từ Phụ, thì dù tiên thiên hay hậu thiên Thầy đều dưỡng dục.⁽²⁵⁾ Các đấng Thần Linh, Thiên Sứ hay ngạ quỷ súc sanh, hoặc Thầy chưa nói đã biết, hoặc Thầy dạy rồi mới hay, trí tuệ hay ngu mê, chi chi cũng có Thầy thương yêu ban cho sự sống. Thầy là thế nên các con xưa nay ngưỡng

vọng.⁽²⁶⁾ Thầy từ đó tế độ các con không phân thiện ác. Tất cả dòng đạo pháp xưa nay các con và cả nhân loại tôn kính tín ngưỡng đều bởi Thầy mà ra. Thầy là lẽ thật, là dòng đạo pháp tổng hợp cổ kim.⁽²⁷⁾ Các con tin Thầy được cứu. Không phải nội các con là bề tôi trung tín của Thầy. Thầy làm chủ cả mười phương Thánh Thần Tiên Phật,⁽²⁸⁾ làm vua cả nhật, nguyệt, tinh thần thượng hạ.⁽²⁹⁾ Các con coi đó biết Thầy là chi. Nói vua, nói chủ là nói quyền năng mầu nhiệm dịch sử hóa độ đó con.⁽³⁰⁾ Phật không hơn Thầy, Thầy là Phật.⁽³¹⁾ Hai mà một, hiển vi vô gián,⁽³²⁾ thể dụng nhất nguyên.⁽³³⁾ Nói chủ là nói cơ mầu nhiệm, dù cho Phật cũng không qua.

Nói là vậy cũng chưa chí Đạo.⁽³⁴⁾ Đạo mà nói ra lời, Thầy mà còn kêu chủ thì sao gọi là **trạm tịch chơn đạo**. Đại Đạo trạm nhiên thường tịch, cũng như nói “*Thượng thiên chi tấi, vô thanh vô xú.*” ⁽³⁵⁾ Đạo ấy vô vi bất ngôn, **khôi mịch tôn**

⁽²¹⁾ *Deva* (tiếng Pali) nghĩa là các vị ở cõi trời (tương đương chữ *gods* trong tiếng Anh). Người Hoa dịch là 天人 (*thiên nhân*: người cõi trời); chữ *thiên* ở đây không viết hoa (tương đương *a god, gods* trong tiếng Anh). Khi viết hoa (*Thiên*) thì có nghĩa là ông Trời, Thượng Đế (tương đương chữ *God* trong tiếng Anh, và không bao giờ có mạo từ *the* ở trước).

⁽²²⁾ Bửu Cáo: *Thượng chương tam thập lục thiên, tam thiên thế giới.*

⁽²³⁾ Bửu Cáo: *Hạ ốc thất thập nhị địa, tứ đại bộ châu.*

⁽²⁴⁾ Làm hoặc sai người khác làm, thôi hoặc bảo người khác thôi, làm hay thôi không phải là khả năng của con người vậy. *Mạnh Tử, Lương Huệ Vương, Hạ, 23.*

⁽²⁵⁾ Bửu Cáo có câu: *Tiên thiên, hậu thiên, tịnh dục Đại Từ Phụ.*

⁽²⁶⁾ Bửu Cáo: *Cổ ngưỡng, kim ngưỡng.*

⁽²⁷⁾ Bửu Cáo: *phổ tế Tổng Pháp Tông.*

⁽²⁸⁾ Bửu Cáo: *Vì Thánh Thần Tiên Phật chi chủ.*

⁽²⁹⁾ Bửu Cáo: *Nãi nhật nguyệt tinh thần chi quân.*

⁽³⁰⁾ Bửu Cáo: *vô vi nhi dịch sử quần linh.*

⁽³¹⁾ Cho nên, nếu Phật tử bảo *Phật lớn hơn Trời*; Cao Đài tử bảo *Trời cao hơn Phật*, thì cả hai đều không phải là chánh kiến.

⁽³²⁾ **hiển vi vô gián**: Dù hiện dù ẩn đều không ngăn cách nhau.

⁽³³⁾ **thể dụng nhất nguyên**: Bản thể (*substance*) và công dụng (*use*) của bản thể cũng là một, không đối lập nhau (vì có đối lập thì thuộc về nhị nguyên).

⁽³⁴⁾ **chí Đạo**: Rất ráo được lẽ Đạo.

⁽³⁵⁾ Những việc Trời làm không tiếng không mùi. *Trung Dung, 33.*

nghiêm, các con xem không thấy, lóng không nghe,⁽³⁶⁾ lạng lẽ im lìm như tro lạnh không hơi chẳng khói. Sở dĩ tôn nghiêm vì Đạo ấy biến hóa vô cùng, **linh oai mạc trắc**. Tất cả kinh báu có công năng giác thể, hay bao nhiêu giáo pháp thần diệu thường lợi ích chúng sinh đều bởi Đạo. Các con không lấy khoa học trắc nghiệm được đâu. Khi là Phật Ấn Độ, khi là Chúa Do Thái, khi là rồng thiêng Lão Tử, khi là Khổng Tử, người bốn phương. Đến bây giờ lại là Thầy vô hình giáo đạo Nam Phương. Chính các con cũng không biết Thầy biến hóa làm sao. Các con chấp rằng nhánh đạo này, nhánh đạo kia hay người này, người kia mới có Thầy ngự đến. Không ngờ Thầy trong tất cả, tất cả là Thầy. Các chi thể trong người con chỗ nào mà chẳng phải con. Dù cho trùng độc ngoại nhập, khi đã ở trong con rồi thì sự sống của con là của nó. Thầy nói thật dù cho hổ lang cắn xé các con cũng không ngoài ý Thầy cho phép. Đó cũng là phép dĩ độc trị độc. Sự biến hóa vô cùng ấy, các con muốn rõ không chi hơn công phu học Dịch tu tâm. Các con muốn cùng Thầy “*Đại minh chung thủy, lục vị thời thành, thời thừa lục long dĩ ngự thiên*”,⁽³⁷⁾ phải tu phải học. Không tu không học làm sao biết “*Càn đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bảo hợp thái hòa, nãi lợi trình*”.⁽³⁸⁾ Dịch Kinh là

⁽³⁶⁾ **xem không thấy, lóng không nghe:** *Thị chi bất kiến, thính chi bất văn*. (Kim Quang Thần Chú)

⁽³⁷⁾ **Đại minh chung thủy, lục vị thời thành, thời thừa lục long dĩ ngự thiên:** *Thánh nhân [đại minh] thấu suốt đầu đuôi [chung thủy] / Biết sáu giai đoạn [lục vị] cơ Trời biến thiên / Thế là cưỡi sáu rồng thiêng / Vượt muôn biến hóa, băng miền trời mây*. (Thoán Truyện quẻ Càn, Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch)

⁽³⁸⁾ **Càn đạo biến hóa, các chính tính mệnh, bảo hợp thái hòa, nãi lợi trình:** Đạo Trời biến hóa để cho mỗi vật đều có được

bửu kinh, là **thần giáo**.⁽³⁹⁾ Thầy ngày nay lập pháp giáo đạo trên nền tảng Dịch lý đó con. Thế là các con đừng tưởng Đạo Thầy theo con thấy nhiều đó.

Thầy thương yêu các con, song Thầy cũng có khi răn cấm các con điều trái đạo. Các con đọc Kinh Thánh Cựu Ước để biết Thầy khi lập Mười Điều Răn với sự thị hiện oai nghiêm dường nào. Các con đọc Kinh Thánh Tân Ước để thấy Thầy từ bi vô lượng. Thầy đem mình chuộc tội các con mà còn xin cho các con nghịch Thầy được tha.⁽⁴⁰⁾ Như thế oai lớn mà từ cũng lớn.⁽⁴¹⁾ Thầy đúng là ngôi Vô Cực không ngôi nào trên Thầy.⁽⁴²⁾ Thầy là **đại thánh** đã từng **đại nguyện** cứu độ các con. Các con đọc lời Thầy đã dạy về lời đoan thệ cũng đủ biết Thầy thương các con dường nào.⁽⁴³⁾ Thầy dựng nên vạn hữu, không con nào chẳng thương. Bao nhiêu đau khổ của con Thầy đều cứu độ. Các con thử làm nên một con kiến Thầy xem. Có ai tự ý sinh con theo ý mình muốn không? Thầy đây dựng nên Adam Evà và tất cả, Thầy ban cho sự sống. Thế rồi người thủy tổ các con phạm tội cùng Thầy, lại bảo tại Thầy

chân tính theo như mệnh Trời đặt để, thái hòa được giữ gìn, cho nên được thuận lợi và trình bèn. (Thoán Truyện quẻ Càn)

⁽³⁹⁾ Bửu Cáo: *thường thi thần giáo dĩ lợi sanh*.

⁽⁴⁰⁾ Bửu Cáo: *Hựu tội*.

⁽⁴¹⁾ Bửu Cáo: *Hồng oai, hồng từ*.

⁽⁴²⁾ Bửu Cáo: *vô cực, vô thượng*.

⁽⁴³⁾ Đại Thừa Chơn Giáo: (a) *Nên hội Tam Giáo Công Đồng, Thầy lập tờ đoan thệ, đem Đạo mẫu phổ hóa độ tất cả đám quần sanh. / Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ*. (b) *Muôn kiếp các con chịu lạc đường / Thấy vậy Thầy luống động lòng thương / Nên đoan thệ với hàng Tiên Phật / Lập Đạo không thành chịu tội ương*.

dựng nên này nọ. Thầy từ bi đuổi ra khỏi địa đàng làm ăn.

Thầy như thế nên có kẻ tôn Thầy là **Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Tích Phước Hựu Tội Đại Thiên Tôn**.⁽⁴⁴⁾

PHỤ ĐÍNH: TỨ CÚ KỆ

1. Đức Phật đã kết thúc Kinh Kim Cang bằng bốn câu kệ (**tứ cú kệ**) như sau:

*Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh
Như lộ diệt như điện
Ứng tác như thị quán.*

(Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, bóng
Như sương, như chớp lóe
Hãy quán chiếu như thế.)

2. **Tứ cú kệ** của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư (?-1018) dạy môn đệ trước khi liễu đạo:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.*

Hòa thượng Thích Mật Thể (1913-1961) dịch:

⁽⁴⁴⁾ Phạm Văn Liêm, *Sách đã dẫn*, tr. 197-205.

*Thân như bóng chớp chiều tà
Cỏ xuân tươi tốt thu qua rụng rời
Sá chi suy thịnh việc đời
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành.*

3. Theo Đoàn Trung Còn (*Tự Điển Phật Học*, quyển 3), **tứ cú kệ** là một bài kệ tóm lược trong bốn câu chứa đựng hết ý nghĩa đạo lý. Chư Phật chư Tổ thường dùng tứ cú kệ truyền cho đệ tử hoặc để khai ngộ hay để phó chúc. Người hữu duyên nghe một tứ cú kệ, có thể giác ngộ mà tu cho tới thành đạo. Thí dụ, bốn câu kệ sau đây [trong Kinh Pháp Cú] tóm lược hết giáo lý nhà Phật:

*Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật giáo.*

[Các điều ác chớ làm
Vâng làm các điều lành
Giữ tâm ý trong sạch
Là lời chư Phật dạy.]

4. **Tứ cú kệ** (...) chỉ các thi kệ Phật giáo hình thành bằng bốn câu thơ, kệ tụng do sách Phật ghi chép, phần nhiều gồm bốn câu, nhưng số chữ mỗi câu thì không nhất định. Tứ cú kệ thường hàm chứa yếu nghĩa kinh luận Phật giáo, cho nên trong kinh thường nói dùng tứ cú kệ dạy người hoặc trì thọ tứ cú kệ, đều được công đức rất lớn (...). Như vậy, tứ cú kệ không chỉ một bài kệ nào mà chỉ chung kinh điển nào của Phật giáo cũng được, hay sâu hơn là hàm ý chỉ yếu lý Phật pháp. (Theo nguyệt san *Giác Ngộ* số 41, tháng 8-1999.)

NHỚ CÂU CHÁNH NIỆM

Ríu rít đàn chim vượt cánh chiều
Ngàn mây ảm đạm bóng đìu hiu
Quan san diêu viễn thương người tục
Có nhớ đường xưa hãy dắt dìu.

Dắt dìu qua khỏi lối gian nguy
Mù mịt bụi hồng lấp trí tri
Đuốc tuệ sẵn trong khêu sáng tỏ
Long Hoa mới kịp bước khoa kỳ.

Khoa kỳ mở rộng cõi Nam bang
Độ dẫn Rồng Tiên thoát khổ nàn
Chọn sứ mạng đem quyền pháp Đạo
Cho toàn thể giới khắp nhân gian.

Nhân gian biết rõ tánh linh xưa
Ác nghiệp từ đây phải tránh chừa
Đem trí tuệ làm thuyền thoát khổ
Tạo thanh bình khỏi cảnh gió mưa.

Mưa gió từng cơn mãi dập dồn
Đạo y khoác lấy giữ linh hồn
Nhớ câu chánh niệm trong tâm khảm,
Mới khỏi lạc loài chốn quỷ môn.

NAM HẢI QUAN ÂM NHƯ LẠI

Minh Lý Thánh Hội

Tuất thời, 03-9 Giáp Dần (Thứ Năm 17-10-1974)

BA ĐIỀU KIỆN TỐI THIỂU CỦA NGƯỜI MUỐN BƯỚC VÀO CHƠN ĐẠO

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam

Tuất thời, 15-9 Giáp Dần (Thứ Ba 29-10-1974)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông
Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. *Pháp Đàn:* Chơn Tâm. *Đồng*

Tử: Thanh Thủy. *Độc Giả:* Hồng Mai. *Điểm Ký:* Hồng Cẩm,
Hoàng Mai, Kim Nhung, Lập Hạnh.

KIM QUANG ĐỒNG TỬ

Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng. Chào chư liệt vị nam nữ. Tiểu Thánh đến báo đàn. Có Đức Đông Phương Chưởng Quân giáng lâm. Chư Thiên mạng và chư liệt vị thành tâm nghinh tiếp. Tiểu Thánh xin xuất ngoại ứng hầu. Lui.

TIẾP DIỄN

ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUÂN

Chào chư hiền đệ, hiền muội. Hôm nay Bần Đạo đến để thân nhận hàng thiện duyên vào đạo pháp. Chư hiền đệ, hiền muội an tọa.

Chư hiền đệ, hiền muội! Thời kỳ tam ngươn chuyển thế, Đức Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát trong Tam Kỳ Phổ Độ đem vạn loại tiến hóa trên đường Đại Đạo để tái tạo thượng ngươn. Điều này tất cả người tín đồ Đại Đạo như chư hiền đệ, hiền muội đều hiểu rõ.

Sự truyền giáo trong thời kỳ này có khác hơn hai thời kỳ trước, là từ khi hư vô truyền thần diệu hiệp đến thế gian để sắp bày thật tướng là thánh thể và luật pháp. Từ thật tướng ấy chuyển cơ diệu hiệp cùng thần mới trọn thành thánh thể chí linh.

Buổi đầu sơ khai Đại Đạo, Đức Thượng Đế Chí Tôn muốn cho nhân sanh ý thức được vạn giáo nhưt lý nên vẫn cây tay phàm truyền giáo cho những người môn đệ đầu tiên, như Thầy đã đổ Thần vì các môn đệ. Đúng ba mươi sáu năm, các pháp đã hiện bày trên thế gian. Những người tiền khai đã mệnh danh là thí điểm của đạo pháp được triệu hồi và Bần Đạo tiếp tục vâng sắc chỉ Ngọc Hư Cung với sự chứng minh của Tam Giáo Đạo Tổ, lần điểm đạo đầu tiên trên bước sơ cơ cho Định Pháp Minh Thiện. Từ đó với sứ mạng ban truyền tân pháp Cao Đài để cho nhân sanh giác ngộ, Bần Đạo phải đảm nhiệm chương quản Hiệp Thiên Đài vô vi để truyền pháp cho người có sứ mạng thiêng liêng và người ấy sẽ trực tiếp hướng dẫn hàng thiện căn qua bốn giác khi được điểm đạo.

Tân pháp Cao Đài là pháp môn đại ân xá, là nấc thang cuối cùng kỳ mạt pháp để cứu độ nhân sanh. Người biết giác ngộ nhập cảnh vô vi sẽ được siêu thoát, kẻ biết hồi đầu hướng thiện chương duyên lành vào đời thánh đức khỏi đọa tam đồ ⁽¹⁾ hay tán khôitrần ⁽²⁾ sau hội Long Hoa. Thế nên, những

Huệ Khải chú thích:

⁽¹⁾ **đọa tam đồ** 墮三塗: Theo *Phật Học Tự Điển* của Đoàn Trung Còn, là ba đường đọa lạc của hồn kẻ tội lỗi: (i) *hỏa đồ*, hồn bị đọa địa ngục, bị lửa nung nấu; (ii) *huyết đồ*, hồn đầu thai làm súc vật, bị đồng loại hoặc con người giết chết để ăn thịt; (iii) *đao đồ*, hồn

người muốn vào trường đạo pháp, điều trước tiên là đến trước Cao Đài gõ cửa Cao Đài. Cửa Cao Đài sẽ mở khi người có duyên được đến. Thứ đến phải học luật lệ Cao Đài và nhận chân tôn chỉ để noi theo, mục đích để đạt đến. Điều sau nữa là giữ giới luật quy điều của Đại Đạo. Đó là ba điều kiện tối thiểu của người muốn bước vào chơn đạo và sẽ được Đức Cao Đài điểm đạo.

Chư hiền đệ, hiền muội! Thời gian có trước có sau, pháp môn theo thời gian có tân có cựu. Đại Đạo không thời gian, không sau không trước, cũng không cựu không tân. Đại Đạo vẫn là bản thể bất biến. Thế nên pháp môn vô lượng ⁽³⁾ nhưng người hành giả phải đạt đến chỗ bất nhị pháp môn ⁽⁴⁾ mới thật sự chứng quả.

làm quỷ đói, bị dao kiếm hành hạ. Ba đường đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ gọi là ba đường dữ (*tam ác đạo*).

Theo *Luật Tam Thế* (Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh), Đức Bát Nương giảng cơ giảng giải hình phạt *đọa tam đồ* như sau:

“Thảng như [nếu như] bị đọa tam đồ bất năng thoát tục thì chơn linh bị ngăn cản không được hiệp với chơn thần, làm cho đệ nhị xác thân (chơn thần) phải trở lại chuyển kiếp từ bực kim thạch cho đến làm người, và phải chuyển kiếp trở lại đủ ba vòng mới được khởi lập công lại.”

⁽²⁾ **tán khôitrần** 散灰塵: Tan thành tro bụi.

⁽³⁾ **pháp môn vô lượng**: Pháp môn nhiều không thể kể xiết.

⁽⁴⁾ **bất nhị pháp môn** 不二法門: Pháp môn không hai (*advaya*, *advaita*), pháp môn tối thượng trong tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật. Là pháp bình đẳng, không có sự khác biệt giữa cái này với cái kia. Theo *Kinh Duy Ma Cát*, Bồ Tát Văn Thù hỏi cư sĩ Duy Ma Cát bất nhị pháp môn là gì, cư sĩ im lặng, một sự im lặng sấm sét (*mặc như lôi*). Bồ Tát hiểu được nên khen ngợi: “Hay lắm! Hay lắm! Không có lời lẽ, đó là bất nhị pháp môn.”

Hôm nay Bần Đạo muốn chư hiền đệ muội có một tâm niệm về đạo pháp cho rõ ràng và chấp nhận nhứt tâm tu học theo những điều kiện như trên. Cần có những hồ sơ minh chứng trước giờ đăng đàn thọ pháp. Nếu chưa đủ hay chưa quyết tâm thì hãy chờ đợi một ngày giờ khác khi tâm đã quyết, điều kiện có đủ để bước vào chơn đạo để tránh mọi sự khảo đảo.

(...)

Chư hiền đệ, hiền muội! Cửa đạo rộng mở đón rước duyên lành. Đường đạo thênh thang, người hành giả ung dung về cõi thượng. Cao Đài là chỗ cao nhứt của mỗi chúng sanh. Đức Cao Đài Thượng Đế hằng ngự nơi đó.

Có chúng sanh tức là có Cao Đài, không có Cao Đài thì không có chúng sanh, mà không có chúng sanh thì không có Phật Tiên, Thần Thánh chi cả. Vô vi, hữu hình là một, khi phân tán, lúc quy hợp. Biết được chỗ khởi nguyên là biết được chỗ quy nguyên. Không quy nguyên được thì đã hủy diệt. Chơn ngôn ⁽⁵⁾ này không chỉ Bần Đạo mới nói đây mà đã có nói từ khi Đạo hiện bày thật tướng tại thế gian. Người hành giả muốn vững bước trên đường đạo phải thấu triệt điều này để khởi hoài công vì lầm lạc.

THI

*Phải có thân này mới có tâm
Tâm thân, thể dụng máy huyền thâm
Thâm thâm vì có công dò tột
Tột lý đường người quyết chẳng lầm.*

⁽⁵⁾ **chơn ngôn** 真言: Lời nói đúng lẽ thật (*true statement*).

Những giáo điều không đặt để, bắt buộc hành giả vào khuôn phép mất quyền tự hữu tự do mà chính đó là muốn bảo trọng quyền tự do tự hữu của hành giả. Có biết bao nhiêu chủ nhân lang thang phong trần hay giam mình trong bóng tối vì đánh mất quyền tự chủ trong ngôi nhà chính mình tạo lập. Có biết bao nhiêu ngôi nhà sắp tan vỡ bởi chủ nhân lệ thuộc tha nhân. Đạo pháp giác ngộ đưa hành giả trở về với nhân bản.

THI

*Có nhà, có chủ mới nên nhà
Quân tướng điều hành Đạo chẳng xa
Trong cảnh vô thường thường bất biến
Mới hay Tiên Phật vốn là ta.*

Phương chi ⁽⁶⁾ trong thời kỳ này, cực biến cực loạn, nguy nhiều chơn ít, người hành giả phải nắm lấy chơn thường sửa đang nguy tạo. Đó là hành giả đã biết mình, biết người, tức là biết đạo vậy, và đạo pháp sẽ đưa hành giả đến chỗ chốn tuyệt vạ duyên không còn chơn nguy nữa.

Người xưa học đạo chỉ một câu mà giác ngộ. Hôm nay Bần Đạo lại nói nhiều, nhưng dầu bao nhiêu chẳng nữa, từ ngàn xưa, xưa tít hay bốn mươi chín năm ⁽⁷⁾ qua cũng chỉ tóm vào một câu mà thôi: Ai tìm được, học được sẽ thành Đạo.

(...)

Đến đây Bần Đạo tạm dừng để chư hiền đệ muội đủ thì giờ hồi gia. Bần Đạo ban ơn lành cho tất cả. Thăng.

⁽⁶⁾ **phương chi**: Huống chi, huống gì (*much less, still less*).

⁽⁷⁾ Tính từ khai Đạo (1926) tới lúc Đức Tôn Sư dạy bài này (1974).

DẠY THANH THIẾU NIÊN

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam

21 giờ, 01-10 Giáp Dần (Thứ Năm 14-11-1974)

Thông công: Bộ Phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông

Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. *Pháp Đàn:* Chơn Tâm.

Đồng Tử: Thanh Thủy. *Độc Giả:* Hồng Mai.

CAO TRIỀU PHÁT

Chào chư Thiên ân, chư hiền đệ muội, và mừng các em thanh thiếu niên.⁽¹⁾

(...)

Thanh thiếu niên là những mầm non, những tuổi đời đang lên, nếu chưa đủ tài đức đương đầu với mọi nguy hiểm của đời để giữ tròn nếp đạo thì nên quây quần trong khung nhà đạo lý. Tuy thấy bức dọc, không thỏa chí tung hoành nhưng sự un đúc hằng ngày không phải là vô ích cho tương lai. Vì vậy thanh thiếu niên qua bao nhiêu năm dài vẫn chưa thành một đoàn thể như các đoàn thể khác. Tuy nhiên, chưa thành mà thành. Mỗi đoàn thể mỗi trách nhiệm, đều là đồng tiến đến công cuộc cứu độ Kỳ Ba, với sứ mạng tiếp nối để tiến hóa, và bắt đầu từ lễ Khai Đạo sắp đến đây là Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý sẽ bắt tay vào việc ngoài ngưỡng cửa của Cơ Quan. Chừng đó chư hiền đệ được vui vẻ hơn.

⁽¹⁾ **thanh thiếu niên** 青少年: Lứa tuổi khoảng từ mười ba tới mười chín. (*Juveniles, adolescents, teenagers.*)

(...)

Các em ôi! Các em nên nhớ rằng Đạo như mùa xuân. Mùa xuân là mùa sanh sôi nảy nở của vạn vật. Vạn vật có sanh sôi nảy nở được hay không thì mùa xuân vẫn có. Các em có muốn trau dồi đạo lý để sống trên đời thì đạo lý sẽ là các em, sẽ là mùa xuân bất diệt.

Những gì Tiên Huynh dạy dỗ các em được đến ngày nay, Tiên Huynh mừng thấy các em còn đọc lại. Đọc để hiểu, hiểu để làm bạn thân trên đường hành đạo. Mùa xuân sẽ qua, tuổi xuân cũng sẽ qua, nhưng mùa xuân lại đến, đoàn thanh thiếu niên sẽ đến, một chuỗi dài vô tận. Các em sẽ là những dấu chân đi trước và sẽ có những dấu chân sau. Vì thế mà Tiên Huynh mới nhắc nhở các em sự tiếp nối tiến hóa phải xây dựng đương thời.

Ngày lễ Khai Minh Đại Đạo này, Tiên Huynh vui thấy các em đã họp cùng các trưởng huynh sắp xếp tạm được. Qua một lần họp bạn, các em sẽ thu lượm những ý thức để trui rèn chí hướng phổ thông giáo lý ngày mai.

(...)

Đã có những người anh thay thế dìu dắt các em, luận bàn sắp xếp giúp đỡ và hướng dẫn các em, nhưng các em phải cố tự lập, Tiên Huynh sẽ hộ trì cho các em về mặt vô hình.

Bao nhiêu đó cũng tạm đủ. (...)

Đức Đông Phương đã đến. Tiên Huynh tạm biệt. Còn dịp khác sẽ tái ngộ. Thành tâm nghinh tiếp, thủ lễ. Thăng.

CẦU NGUYỆN ĐÚNG NGHĨA LÀ GÌ?

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam

Tuất thời, 15-11 Giáp Dần (Thứ Bảy 28-12-1974)

Thông công: Bộ Phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông

Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. *Pháp Đàn:* Chơn Tâm.

Đồng Tử: Thanh Thủy. *Độc Giả:* Bạch Tuyết.

Diễn Ký: Ngọc Kiều, Hồng Cẩm, Kim Nhung, Lập Hạnh.

THI

Không sắc **ĐỒ** ai biết dựng rành

Sắc có **THÔNG** rồi không mới sanh

Nếu đã **QUAN** tâm xin hỏi lại

Tâm huyền **THÂN** đắc đạo viên thành.

Chào chư Thiên ân, chư huynh tử, đệ muội.

NGÂM

Bạn xưa ⁽¹⁾ *giáng trước đàn này*

Hỏi ai có biết rằng đây tên gì? ⁽²⁾

⁽¹⁾ **bạn xưa:** Ngài nguyên là Minh Tra, tu học và hành đạo tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. Thánh danh ngài là Hồng Phước (thế danh Hoàng Ngọc Tạo). Sau khi quy thiên, ngài đắc quả *Đô Thống Quản Địa Thần* (1967), rồi thăng *Giác Minh Tôn Thánh* (1979).

⁽²⁾ Bài thi xưng danh khoán tâm giải ra như sau:

Câu 1: **ĐỒ** mà không sắc là **ĐỒ**. / Câu 2: **THÔNG** mà sắc có thành **THỐNG**. / Câu 3: **QUAN** mà thêm hỏi thành **QUẢN**. / Câu 4: **THÂN** mà thêm huyền thành **THẦN**.

Vậy, ngài là Đức **Đô Thống Quản [Địa] Thần**. Cho tới tháng 4-

Có Minh Đức Đạo Nhơn ⁽³⁾ lâm đàn, chư liệt vị nghinh tiếp. Thôi, xin hẹn một dịp khác sẽ tái ngộ. Chào chư Thiên ân, chư huynh tử, đệ muội.

(...)

TIẾP ĐIỂN

MINH ĐỨC ĐẠO NHƠN

Chào chư Thiên ân hướng đạo. Chào chư liệt vị nam nữ đàn tiền. Mời hiền huynh Huệ Lương ⁽⁴⁾ an tọa. Mời toàn thể chư liệt vị an tọa.

(...)

Nhân đây, Tệ Huynh cũng xin nói thêm về sự cầu nguyện và sẽ có Đức Bồ Tát đến sau ít phút để giáo đạo đàn trung.⁽⁵⁾

1975, Sài Gòn gọi là đô thành, gồm chín quận đánh số từ 1 tới 10 (không có quận 9). Căn cứ theo quả vị của ngài thì biết ngài cai quản tất cả (*thống quản* 統管) các ông Địa (Địa Thần) trong phạm vi đô thành Sài Gòn.

⁽³⁾ **Minh Đức Đạo Nhơn:** Thế danh Lê Văn Cồn, nguyên là Giáo Sư Thượng Cồn Thanh (Đầu Họ Đạo thánh thất Bình Hòa, thuộc Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo). Hai con trai của ngài là Lê Văn Non (1913-1985, thánh danh Đạt Minh, đắc quả Quang Minh Huệ Tiên năm 1986) và Lê Văn Bá (1918-2008, thánh danh Chí Tín) đều ở trong lớp Thiên ân hướng đạo tiền khai của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (do Đức Chí Tôn thành lập năm 1965).

⁽⁴⁾ **Huệ Lương:** Thế danh Trần Văn Quế (1902-1980), bấy giờ là Tổng Lý Minh Đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. Ngài đắc quả Quảng Đức Chơn Tiên (1981).

⁽⁵⁾ **giáo đạo** 教道: Dạy đạo. **đàn trung** 壇中: Những vị có mặt trong buổi lập đàn cầu cơ.

Thế thường người đời hay quan niệm sự cầu nguyện là được đáp ứng theo ý muốn với lời van vái hiển dăng lễ lộc cúng bái. Sự cầu nguyện chỉ quan trọng đối với người đời khi hữu sự, khi hoạn nạn.

Ngoài ra, sự cầu nguyện còn bị lạm dụng trong vấn đề vay mượn trước Thiêng Liêng để đóng trọn vai trò của một người khoác áo nhà sư hay thầy bóng,⁽⁶⁾ phù pháp⁽⁷⁾ cộng cả chức sắc, chức việc trong các cuộc cúng tế đình đám, quan hôn tang tế. Vì vậy sự linh ứng của Thiêng Liêng không còn trọn đức tin cho đúng với ý nghĩa thiêng liêng nữa.

Thần Thánh, Tiên Phật, luôn luôn do nguồn cảm linh diệu chân thành của thể nhân mà ứng đặc hộ trì.⁽⁸⁾ Nhớ lại Thánh Khổng Tử xưa kia lúc lâm trọng bệnh, chư môn sanh xin phép lập đàn khấn đảo cầu thọ cho thầy, Đức Khổng Tử bảo rằng: “Chính ta đã cầu đảo từ lâu rồi.”⁽⁹⁾

Như vậy sự cầu nguyện không phải là một vấn đề tầm thường như tất cả những điều cầu nguyện đã nêu trên mà xét lại để tìm hiểu hai tiếng cầu nguyện.

Cầu nguyện tức là tìm sự ước muốn, ước nguyện của chính mình. Muốn tìm cho đúng những điều ấy, phải thật tâm

⁽⁶⁾ **thầy bóng**: Thầy đồng bóng.

⁽⁷⁾ **phù pháp**: Thầy phù thủy và thầy pháp.

⁽⁸⁾ Nói tắt là *cảm ứng* 感應. Người phạm có *cảm* (affecting) được Ôn Trên thì các Đấng mới *ứng* (đáp lại / responding) một cách huyền diệu nhiệm mầu thể theo ước nguyện của người phạm.

⁽⁹⁾ *Luận Ngữ* (7:34) chép lời Đức Khổng: “Khâu chi đảo cửu hỹ.” Xem thêm: Huệ Khải, *Cầu Đảo*, in trong *Bắc Cầu Tâm Linh* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, tr. 15-16; quyển 54-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo).

để tìm trong giờ phút thiêng liêng hằng ngày giữa cuộc sống. Giờ phút thiêng liêng ấy luôn luôn đến với những tâm hồn vô tư minh chánh,⁽¹⁰⁾ hằng nghĩ đến sự sống còn trong lẽ đạo. Những người ấy không ước vọng gì riêng tư cho cá nhân mình cả, vì họ đã thông thấu sự công bằng của Tạo Hóa. Bốn mùa tám tiết sanh trưởng thâm tàng không dời đổi. Tạo Hóa đã dành sẵn tất cả sự ước muốn của con người thánh thiện. Không có điều nào hữu dư hay bất túc cả,⁽¹¹⁾ nên chi⁽¹²⁾ tiền nhân lưu lại những kinh điển đủ phương pháp tế tự mà vấn đề cầu nguyện được kết thúc vào bốn chữ **công đức vô lượng**.

Đối với các bậc thánh vương vì thiên hạ, đối với người chân tu vì nhơn sanh vong kỷ vị tha,⁽¹³⁾ vì sao cầu nguyện lại được công đức vô lượng? Đã bàn qua hai chữ cầu nguyện, tất phải nói đến công đức để mỗi người đều ý thức đến sự quan trọng của lời cầu nguyện.

Theo Phật gia có nói: Mỗi người đều có Phật tánh, Phật tánh hằng tại trong Phật thân là pháp thân, hóa thân và báo thân. Công đức vô lượng sẽ là mầm để khởi ánh huệ đăng cho ba thể Phật ấy, nên nói rằng: “*Tự tánh bất ly thị công, ứng dụng vô nhiễm thị đức. Tự tu tánh thị công, tự tu thân thị đức. Niệm niệm vô gián thị công, tâm hành bình đẳng thị*

⁽¹⁰⁾ **minh chánh**: Tức là *quang minh chánh đại* 光明正大 (trong lòng thẳng thắn, không hề có âm mưu mờ ám).

⁽¹¹⁾ **hữu dư**: Thừa thãi. **bất túc**: Thiếu thốn, không đủ.

⁽¹²⁾ **nên chi**: Vì lẽ đó.

⁽¹³⁾ **vong kỷ vị tha** 忘己爲他: Cũng như *xả kỷ vị tha* 舍己爲他, bỏ lòng ích kỷ (quên lợi ích bản thân) mà nghĩ tới người khác.

đức." (14)

Tạm nói nghĩa như vậy: *Không lìa tự tánh là công, lúc ứng dụng mà không nhiễm ngoại vật là đức. Minh biết tu lấy tánh mình để cho suốt tánh* (15) *đó là công, mình biết tu thân mình trọn lành đó là đức. Niệm niệm không bị xen lẫn thiên lệch loạn động mà không dứt chánh niệm là công, lòng hằng phẳng lặng xem tất cả đều bình đẳng là đức.*

Tóm lại, cầu nguyện mà được công đức không lường là do những tác dụng ấy. Như khóa tịnh Đông Chí vừa qua, chư tịnh viên nam nữ đã hành trì công đức vô lượng để đem lại sự hồi hướng cho đất nước, đồng bào.

Ồi! Lớn lao thay, lời cầu nguyện, tâm cầu nguyện! Kiếm điểm lại để mỗi khi nhắc đến hai tiếng cầu nguyện, phải liên tưởng ngay đến lý siêu việt và tác dụng uy linh của sự cầu nguyện.

Tệ Huynh cũng xin mừng cho chư hiền Thiên ân hướng đạo và chư tịnh viên nam nữ trong khóa tu vừa qua. Nhưng cũng nói thêm là chưa đủ. Nỗi thống khổ điều linh của đồng loại như lửa cháy muôn xe. Phải cần đến nước trong tịnh thủy bình mới mong chữa được. Dầu có gom hết sông biển, rạch ngòi, cũng không thể dập tắt được lửa dục của thế nhân. Nhưng mà tịnh thủy bình ở đâu bây giờ hỡi chư liệt vị?

Nói đến tịnh thủy bình, chắc hẳn chư liệt vị hiện diện đây đa số – nếu không nói là hầu hết – đều nghĩ đến Đức Bồ Tát

(14) 自性不離是功, 應用無染是德. 自修性是功, 自修身是德. 念念無間是功, 心行平等是德.

(15) **suốt tánh** 帥性: Tuân theo (noi theo) cái tánh tự nhiên.

Quan Âm mới có tịnh thủy bình. Như vậy, ai đi cầu Đức Quan Âm Bồ Tát để được tịnh thủy bình hầu chế ngự lửa dục trần gian? Chắc hẳn phải có Tôn Ngộ Không mới cầu viện được. Mà Tôn Ngộ Không là gì? Nếu là một Thạch Hào Vương xuất gia thì đã quá khứ lâu rồi, ở tận đời Đường bên Trung Hoa. Nếu không có Ngộ Không, hẳn thế giới này phải tiêu diệt vì lửa dục rồi đây!

Chư liệt vị ôi! Mượn hình nói đạo, mượn sự cầu lý. Ngộ Không là giác ngộ, là gặpặng, thấu đặng chỗ không. Tất cả mỗi người đều có một Ngộ Không ở trong lòng, nhưng không tôn nó lên thì nó ẩn mất. Bằng tôn Ngộ Không lên tất nhiên sẽ có người đi cầu viện Bồ Tát lấy tịnh thủy bình cho mà rưới tắt lửa nghiệp lực, lửa dục vọng, lửa oan cừu của thế gian.

Tệ Huynh vì sự vui mừng được cùng chư liệt vị tâm tình đạo sự, giúp đỡ lẫn nhau bằng lời, bằng linh điển gọi là lòng đạo với đất nước, dân tộc và chư đạo tâm, đạo hữu.

Đức Bồ Tát sắp đến.

THI

*Thương đời nào biết phải làm sao?
Tạm mượn linh cơ để gọi mào (16)
Sẵn có sắc thân là tiện dễ (17)
Ráng cần tu tiến gấp mau mau.*

Xin chào tất cả chư Thiên ân, chư liệt vị. Lui.

(16) **gọi mào**: Khởi mào, mở đầu, gọi mở vấn đề.

(17) **sắc thân** 色身: Thân xác hữu hình. **tiện dễ**: Thuận tiện và dễ dàng cho việc tu hành. (Không có thân xác thì khó tu luyện, khó làm công quả...)

TIẾP ĐIỂN

*Thuyền từ lướt giữa sông mê
Gọi người trần thế quay về bốn căn
Mây chiều tám hướng bủa giăng
Chim khôn tìm ổ mới rằng chim khôn
Cõi trần tai nạn dập dồn
Hỡi người người muốn bảo tồn tánh linh
Trường đời là chỗ khai minh
Con đường tiến hóa siêu sinh cõi Trời.*

QUAN ÂM BỒ TÁT

Bần Đạo chào chư hiền sĩ, hiền muội. Miễn lễ. Chư hiền sĩ, hiền muội đồng an tọa.

Nhân đàn lệ tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Bần Đạo nhìn thấy các nguyên nhân cu hội ⁽¹⁸⁾ trước điện tiền nên tạm dừng chân ít phút để khuyến nhủ chư hiền sĩ, hiền muội hiện diện hôm nay may mắn dòng lý đạo.

Nầy chư hiền sĩ, hiền muội! Cùng là con người sanh trên cõi thế, nhưng nhìn qua một lượt trước tầm mắt của mỗi người đều phân tách được sự sang hèn, khôn dại. Trong các giai tầng ⁽¹⁹⁾ ấy cũng là hình hài, tai mắt, mặt mày, cũng Tạo Hóa phát ban cho sự sống còn đồng đều không thiếu, nhưng vì sao lại chênh lệch khác biệt như vậy?

Chư hiền sĩ, hiền muội đã có đọc qua những câu chuyện nhân quả, luân hồi ít nhiều rồi. Đó là một vấn đề được thông qua. Tất cả mọi người biết có cảm giác và ứng hiện. Nếu chư

hiền sĩ, hiền muội hoặc tất cả nhơn sanh trên cõi thế đều hiểu rõ được nguồn gốc của nhân quả, luân hồi mà khắc phục lấy bản thân đúng theo sự hiểu biết, chắc hẳn thế gian không có cảnh trầm luân đau khổ như hiện thời.

Bần Đạo phân như vậy, chư hiền sĩ, hiền muội đã ý thức được thế nào là diệt khổ để đem lại đời thanh bình an lạc cho nhơn loại. Muốn diệt khổ tất mỗi người phải tự diệt lấy những nỗi khổ của chính mình. Mà khổ của chính mỗi người là gì?

Trời che đất chở, non xanh nước biếc, hoa cỏ tươi màu, mỗi mỗi sự vật đều sống trong lý thiên nhiên của trời đất. Nhưng khi con người muốn dòi non tắt biển, phá núi đắp sông, muốn chia ranh lấn đất, muốn chọc trời khuấy nước; từ cái muốn lớn đến cái muốn nhỏ, con người đều hướng theo ánh sáng chan hòa của tâm mắt để tiến bước trên sự ước muốn. Nhưng khi va chạm vào một bức tường nào đó, sự ước muốn trở lại hành hạ tâm hồn, không riêng gì xác thân đang đau khổ.

Bắt nguồn từ đó, con người bỗng nổi lên ngọn lửa thứ hai để tiếp theo lòng tham dục là sân. Khi đã sân rồi ắt phải si. Ba ngọn lửa bùng cháy trong lòng để tiêu tan tất cả những gia tài sự nghiệp thiêng liêng của Thượng Đế đã ban cho.

Hiện giờ, con người chỉ còn cái túi da chứa đựng đủ tất cả những thứ ô trược hồng trần nên nặng nề không tiến bước được nữa phải ngồi lại để cho các chủng tử ⁽²⁰⁾ đã thâm thập nứt mầm sanh hoa kết quả và hạt giống ấy sẽ triển miên mọc trên cõi đời ô trược này.

⁽¹⁸⁾ **cu (câu) hội** 俱會: Cùng có mặt, cùng tụ hội.

⁽¹⁹⁾ **giai tầng** 階層: Tầng lớp xã hội (*social strata*).

⁽²⁰⁾ **chủng tử** 種子: Hạt giống (*seed*).

Trái lại, trong trường tiến hóa của vạn linh mà là một nguyên nhân hạ thế, chỉ vì vô tâm một phút, không cẩn trì⁽²¹⁾ chơn tánh bốn linh để chịu dùng chân thối bước rồi nhìn cõi đời, nhìn sự vật chi chi cũng đều là đau là khổ, là oan trái, là nghiệp lực tất cả.

Chư hiền sĩ, hiền muội ôi! Bao nhiêu duyên phước mà chư hiền sĩ, hiền muội đã tạo ra ở tiền kiếp, hiện tại mới được giác ngộ trước kỳ đại ân xá. Hãy gìn giữ lấy, hãy dẫn lòng tu tiến, tỉnh ngộ. Dầu ở vào cương vị nào, sang hèn, khôn dại, tất cả đều còn có điểm linh chơn tánh của Thượng Đế. Tuy mang áo cấm bào,⁽²²⁾ lòng đừng mền tục; dầu trong bộ vải,⁽²³⁾ chớ để cho thân tâm trầm溺⁽²⁴⁾ chốn mê đồ.⁽²⁵⁾ Cuộc vinh sang Trời dành là để chư hiền làm nấc thang tiến hóa. Khi đã có một nhân tốt ở quá khứ, nếu không gìn giữ hột nhân ấy để cây phúc được sum sê thì cơ hội ân xá này cũng khó trở về quê xưa vị cũ. Ngày mai đây khi mặt trời lặn xuống, bóng thỏ lồ hình, Bắc Đẩu chói sáng thì chúa sơn lâm cũng phải trở lại rừng già, cuộc hổ đấu long tranh sẽ kết thúc sau Hội Long Hoa.

Này các nguyên nhân! Này chư hiền sĩ, hiền muội hiện diện hôm nay! Hãy nhớ lời Bồ Tát Như Lai, tâm tâm niệm niệm đừng ly, khoác cho mình một chiếc đạo bào⁽²⁶⁾ để làm

(21) **cẩn trì** 謹持: Cẩn thận gìn giữ (*preserving carefully*).

(22) **cấm bào** 錦袍: Áo gấm; ý nói cảnh quyền quý, sang giàu.

(23) **bộ vải**: Vải thô, vải sợi to, thô; ý nói cảnh bình dân, tầm thường.

(24) **trầm溺** 沈溺: Chìm đắm, say mê đắm đuối.

(25) **mê đồ** 迷途: Đường mê; con đường lầm lạc, sai trái.

(26) **đạo bào** 道袍: Áo đạo.

thiết giáp tránh cơn lửa đạn mưa tên, thả cho mình một ngọn đuốc thiêng để thấy cạm bẫy chông gai mà tiến bước. Nếu có duyên cùng Bàn Đạo dịu dặt qua cõi tạm bến mê, sẽ được ban ơn khi gặp lại.

Bàn Đạo cùng chư Tiên Phật lúc nào cũng tận độ nguyên nhân hồi đầu⁽²⁷⁾ hướng thiện,⁽²⁸⁾ nhưng chờ chư nguyên nhân có hai chữ **thật tâm**. Bao nhiêu đó thay vì muôn ngàn nén hương khẩn đảo.⁽²⁹⁾

Bàn Đạo đến hôm nay đã có ý thâm những người hữu duyên hữu phúc trong kiếp nạn chúng sanh. Như đã nói, chờ sự thật tâm của mỗi người.

(...)

Bàn Đạo sẽ còn thâm các nguyên nhân hữu căn hữu kiếp trong một đàn khác. (...)

THI

*Đôi lời Bồ Tát dạy hôm nay
Mong mỗi người lành thoát họa tai
Trở lại đường Tiên cùng nẻo Phật
Thanh nhàn thông thả tháng năm ngày.*

(...) Bàn Đạo ban ơn cho toàn thể chư đạo tâm nam nữ. Chư nguyên căn hữu phước sẽ được ơn trong một đàn khác. Thăng.

(27) **hồi đầu** 回頭: Quay đầu lại. Tỉnh ngộ, trở về đường ngay lẽ phải.

(28) **hướng thiện** 向善: Quay về điều lành.

(29) **khẩn đảo** 緊禱: Cầu cúng, vái van liên tục.

Huệ Khải chú thích

Bản thảo giáo khoa Cao Đài

Trong đạo Cao Đài hiện nay đang có nhu cầu biên soạn các bài giảng về kinh cúng, giáo lý căn bản, v.v... ngõ hầu triển khai trong các khóa học được tổ chức tại các Hội Thánh, thánh thất, thánh tịnh, học viện, v.v... Mục **BẢN THẢO GIÁO KHOA CAO ĐÀI** mở ra nhằm dần dần đáp ứng chút ít tài liệu tham khảo, ước mong góp phần bé mọn để quý đạo hữu giảng viên có thể nhẹ bớt phần nào “gánh nặng” trong muôn một.

Việc đăng bài nơi đây sẽ tùy duyên, nghĩa là trong khả năng hạn hẹp, hễ có được bài giảng nào thì phổ biến bài đó. Biển học vô bờ. Chúng tôi kính mong và tin tưởng quý đạo hữu luôn hoan hỷ lượng thứ mọi nhầm lẫn, thiếu sót nếu chúng tôi vướng phải, và sẽ vui lòng chỉ giáo để chúng tôi kịp thời sửa chữa chỗ sai lầm, bổ túc chỗ thiếu sót. Gọi mục này là “Bản thảo giáo khoa” cũng vì lẽ ấy. (H.Kh.)

KINH VÀO HỌC

(Giọng nam xuân)

I. KINH VĂN

- Đại Từ Phụ xin thương khai khiếu
Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ
Gần điều nên, lánh lẽ hư
4. Nương gương thần huệ đặt trừu nghiệm căn.
Dò đường thánh khó khăn chẳng ngại
Tùng Khuôn Hồng nhỏ đại lớn khôn
Buộc yêu thương bạn đồng môn
8. Nghĩa nhân vẹn giữ xác hồn trăm năm.

- Nguyện tam cương gìn tâm trọn đạo
Nguyện ngũ thường hiểu thảo làm khuôn
Nguyện nên hương hỏa tông đường
12. Nguyện thương lễ thứ trong trường công danh.
Cầu khẩn đấng chơn linh nhập thể
Đủ thông minh học lễ học văn
May duyên gặp hội long vân
16. Thuyền thơ ngọn gió Các Đàng xuôi đưa.

*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát
(niệm một lần)*

II. XUẤT XỨ

Bài kinh này do tiền khai Phạm Hộ Pháp (1890-1959) đặt, sau đó có Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn nhuận sắc. (Tòa Thánh Tây Ninh, *Kinh Thiên Đạo Và Thế Đạo*. Bản in 1992, tr. 103, chú thích 1.)

III. CHÚ GIẢI

Kinh Vào Học được đọc trước khi bắt đầu một buổi học trong nhà đạo. Giảng viên và các học viên đứng ngay ngắn, chấp tay đặt trước ngực và cùng đọc kinh.

Giọng nam xuân: Giọng đọc kinh theo làn điệu nhạc lễ truyền thống của dân tộc, nhịp hơi nhanh, biểu thị nét vui tươi, lòng thơ thới. (Còn một giọng khác là *nam ai*, nhịp chậm, biểu thị nét buồn thảm, bi ai. Kinh đọc trong đám tang đều theo giọng nam ai.)

Câu 1-2: *Đại Từ Phụ xin thương khai khiếu / Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ.*

Đại Từ Phụ 大慈父: Người cha rất hiền, rất thương con

(*the Great Merciful Father*), tức là Đức Chí Tôn, Đức Cao Đài, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

khai khiếu:

a. **khiếu** 竅: Khả năng đặc biệt, năng lực về phương diện tinh thần (*an instinct for*). Thí dụ: khiếu thẩm mỹ (biết thưởng thức nghệ thuật hoặc biết sáng tạo nghệ thuật; *an instinct for beauty*), khiếu văn chương (biết thưởng thức văn chương hoặc biết làm thơ, viết văn; *an instinct for literature*).

b. **khai khiếu** 開竅: Mở trí thông minh, làm cho tâm trí sáng suốt, mau chóng hiểu đúng được việc gì (*helping to get a quick and correct understanding of something*).

trẻ thơ: Con trẻ còn khờ dại (*immature children*). Khi vào cửa đạo, dù tuổi đời có nhiều đến đâu chẳng nữa, thì trước Đức Chí Tôn (Đấng Cha Trời) hay Đức Phật Mẫu (Đức Mẹ) ai ai cũng chỉ là đứa con ngây thơ non dại.

Văn từ: Văn chương, chữ nghĩa. Tức là lời kinh, thánh ngôn thánh giáo có trong bài học; kể luôn cả lời văn, lời nói của giảng viên lúc giảng bài.

Đại ý câu 1-2: Cầu xin Đại Từ Phụ (Thượng Đế) thương chúng con, mở trí thông minh cho chúng con có đầy đủ sáng suốt, học hiểu được hết những lời văn, chữ nghĩa diễn bày đạo lý.

Câu 3-4: Gần điều nên, lánh lẽ hư / Nương gươm thần huệ
đặng trừ nghiệt căn.

điều nên: Điều phải, điều hợp với đạo đức.

lánh: Xa lánh.

lẽ hư: Điều xấu xa, sai trái, không hợp với đạo đức.

nương: Dựa vào, nhờ cậy vào.

gươm thần huệ:

a. **thần huệ:** Trí huệ thần diệu (nhiệm màu). Sự sáng suốt màu nhiệm, nhờ đó con người biết phân biệt để bỏ điều sai lầm mà làm theo điều chân chính.

b. **gươm thần huệ:** Gươm trí huệ thần diệu. Con người muốn khỏi đau khổ, phiền não phải dùng trí huệ thần diệu suy xét các nguyên nhân tạo ra não phiền, đau khổ và rồi cương quyết cắt đứt mọi sự ràng buộc, mọi mối liên hệ với chúng. Do đó, trí huệ thần diệu được ví như thanh gươm sắc bén. Truyện thơ dân gian Việt Nam *Quan Âm Thị Kính* có câu:

Này gươm trí huệ mài đây

Bao nhiêu phiền não cắt ngay cho rồi.

đặng trừ: Để trừ bỏ được, để diệt trừ được.

nghiệt căn: Mầm mống xui khiến con người phạm tội.

Đại ý câu 3-4: Chúng con xin gần gũi điều tốt lành, xa lánh điều xấu xa. Chúng con xin nương nhờ vào sức mạnh trí huệ của chúng con, lấy trí huệ làm gươm bén để chặt đứt mọi mầm mống gây tạo ra tội lỗi.

Câu 5-6: Dò đường thánh khó khăn chẳng ngại / Tùng
Khuôn hồng nhỏ dại lớn khôn.

dò: Dò dẫm, lần bước đi từ từ để tìm hiểu, học hỏi.

đường thánh: Con đường trau dồi phẩm hạnh để người trần tục trở nên thanh cao như các vị Thánh Hiền. Giáo lý Cao Đài dạy người đời tu học cho nên bậc Thánh Hiền, Tiên

Phật; do đó đường thánh cũng có nghĩa đường lối tu hành theo giáo lý Cao Đài.

khó khăn chẳng ngại: Chẳng vì khó khăn mà ngại, e sợ.

tùng: Noi theo, đi theo.

Khuôn Hồng:

a. **hồng:** to lớn. Thí dụ: hồng ân là ơn to tát (của Đức Chí Tôn ban cho).

b. **khuôn:** Cái khuôn đúc ra đồ vật. Từ Hán-Việt gọi là *quân*.

c. **Khuôn Hồng:** Hồng quân. Cái khuôn lớn đúc ra con người và muôn vật trong vũ trụ này; tức là Trời, Thượng Đế. (*Khuôn Thiêng* cũng đồng nghĩa.)

nhỏ đại lớn khôn:

a. Từ lúc còn nhỏ đại cho đến khi khôn lớn.

b. Từ đàn em em nhỏ đại cho đến bậc đàn anh đàn chị đã khôn lớn.

Đại ý câu 5-6: *Chúng con dù là đàn em nhỏ đại hay hàng anh chị khôn lớn cũng đều nguyện noi theo Đức Chí Tôn, lần bước theo đường lối tu học của đạo Cao Đài, không sợ khó khăn trở ngại.*

Câu 7-8: *Buộc yêu thương bạn đồng môn / Nghĩa nhân vẹn giữ xác hồn trăm năm.*

buộc: Phải, bắt buộc.

bạn đồng môn: Bạn cùng học một Thầy, một Đạo.

nghĩa: Cách sống hợp lẽ phải, đạo đức. Thí dụ: Nghĩa thầy trò, nghĩa vợ chồng.

nhân: Lòng thương người, thương vật.

vẹn giữ: Giữ gìn cho trọn vẹn.

xác hồn trăm năm: Suốt cả cuộc đời, từ lúc sống cho tới ngày chết.

Đại ý câu 7-8: *Chúng con bắt buộc phải thương yêu bạn đồng đạo, suốt cuộc đời xin giữ tròn vẹn cách sống nhân nghĩa (thương người thương vật, cư xử đúng lẽ phải).*

Câu 9-10: *Nguyện tam cương gìn tâm trọn đạo / Nguyện ngũ thường hiếu thảo làm khuôn.*

nguyện: Tự nhủ, tự cam kết sẽ làm đúng những điều mà bản thân coi là thiêng liêng.

tam cương: Tam cương. Ba giềng mối, ba mối quan hệ:

a. **quân thần cương:** Xưa là quan hệ vua (quân) và tôi (thần); nay là quan hệ công dân và nhà nước. Tức là dân phải trung với nước.

b. **phụ tử cương:** Quan hệ cha (mẹ) và con cái. Tức là con phải hiếu với cha mẹ.

c. **phu thê cương:** Quan hệ chồng (phu) và vợ (thê). Tức là chồng vợ phải thương yêu nhau, tôn trọng nhau, chung thủy với nhau.

Tam cương là căn bản đạo làm người, trung thành với Tổ Quốc, hiếu thảo với cha mẹ, thương yêu, tôn trọng người bạn đời của mình (vợ hay chồng).

gìn tâm trọn đạo: Giữ lòng chân chánh để thực thi trọn vẹn đạo lý ở đời.

ngũ thường: Năm hằng. Năm đức tính mà con người phải luôn luôn có:

a. **nhân:** Xem giải thích câu kinh 4.

b. **nghĩa:** Xem giải thích câu kinh 4.

c. **lễ:** Sự trang nghiêm, khuôn phép, đứng đắn trong tư tưởng và hành vi. Thí dụ: ăn nói tục tằn là trái lễ; xem những hình ảnh, sách vở thô tục là trái lễ...

d. **trí:** Sáng suốt, biết phân biệt phải trái, biết lúc nào tiến lúc nào lui. Thí dụ: Ông Trương Lương sau khi giúp Lưu Bang lập nên nhà Hán, đã từ quan vì biết Lưu Bang lòng dạ không chung thủy, sẽ giết hại công thần. Nhờ có trí nên Trương Lương thoát nạn. Còn Hàn Tín ở lại làm quan to, sau bị Lưu Bang lập mưu giết đi. Hàn Tín vì thế bị chê là thiếu trí.

e. **tín:** Đối với bản thân thì tự tin ở mình; đối xử với người khác thì không dối trá, lừa gạt; đối với các Đấng thiêng liêng thì làm đúng những gì đã nguyện hứa.

hiếu thảo: Thương kính, nhớ ơn và biết phụng dưỡng cha mẹ.

làm khuôn: Làm thành khuôn phép, mẫu mực noi theo.

hiếu thảo làm khuôn: Người xưa bảo “*Nhân sinh bách hạnh, hiếu vi tiên.*” Nghĩa là người đời có trăm đức hạnh thì đứng đầu là hiếu. Do đó, tuy câu kinh nói rộng ra gồm các đức hạnh như tam cương, ngũ thường nhưng căn bản vẫn lấy đạo hiếu làm khuôn phép, mẫu mực.

Đại ý câu 9-10: *Chúng con nguyện giữ lòng chân chánh, sống trung hiếu, thủy chung, sao cho nên người có đủ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín mà hiếu thảo là khuôn phép căn bản.*

Câu 11-12: *Nguyện nên hương hỏa tông đường / Nguyện thương lễ thứ trong trường công danh.*

hương hỏa: Nhang và đèn (lửa). Tức là việc thờ cúng tổ tiên.

tông đường: Nhà thờ tổ tiên.

lễ thứ: Dân chúng.

trường công danh: Môi trường làm việc có danh vọng, quyền chức ở đời.

Đại ý câu 11-12: *Chúng con nguyện rằng nơi gia đình thì giữ trọn đạo hiếu, tôn kính phụng thờ tổ tiên. Ra xã hội, nếu chúng con có quyền chức thì xin nguyện thương yêu phục vụ dân chúng.*

Câu 13-14: *Cầu khẩn đấng chơn linh nhập thể / Đủ thông minh học lễ học văn.*

cầu khẩn: Thiết tha cầu xin.

nhập thể: Nhập vào thể xác. (Nhưng trong câu kinh này cần hiểu thoát ý. Xem chú giải *đấng chơn linh* bên dưới.)

đấng chơn linh: Trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (quyển II, 1966, tr. 66), Đức Chí Tôn dạy: “*Thầy đã nói rằng nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng đấng chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặt phép giao thông cùng cả chư Thần Thánh, Tiên Phật và các Đấng trợn lành nơi Ngọc Hư Cung.*”

Chơn linh ấy cũng chính là lương tâm, tánh Trời tự nhiên của mỗi người. Khi con người gây ra lỗi lầm đó là lúc tánh

phàm lẫn lướt tánh Trời, che lấp lương tâm, làm cho con người trở nên mê muội, tối tăm. Vậy cầu khẩn đấng chơn linh nhập thể không có nghĩa là cầu đấng chơn linh ở ngoài thân nhập vào trong thân xác; câu kinh có nghĩa thúc giục phần tánh Trời trời dậy chế ngự tánh phàm, để con người trở nên sáng suốt, thông minh.

học lễ học văn: Truyền thống dân tộc có câu *Tiên học lễ, hậu học văn*, hoặc *Có học phải có hạnh*. Văn (kiến thức, học vấn, tài năng) phải đặt trên nền tảng lễ (đạo đức, hạnh kiểm), có như vậy mới biết đem tài giúp đời, giúp đạo. Người tài càng cao mà thiếu đức thì gây hại cho đời cho đạo càng nghiêm trọng. Vì thế nền giáo dục Cao Đài coi trọng cả đức dục (lễ) lẫn trí dục (văn).

Đại ý câu 13-14: *Chúng con tha thiết cầu xin cho phần chơn linh sáng suốt sẵn có trong thân trợ giúp chúng con phát huy trí thông minh để học hỏi, trau dồi cả về đức lẫn tài.*

Câu 15-16: *May duyên gặp hội long vân / Thuyền thơ ngọn gió Các Đấng xuôi đưa.*

may duyên: Gặp cơ hội tốt, thuận lợi.

hội long vân: Hội rồng mây. Có câu rồng gặp mây, cá gặp nước; ý nói người tài đức gặp cơ hội thuận tiện, được nhà nước tin dùng, có thể thi thố tài đức ra giúp đời, giúp đạo.

thuyền thơ: Con thuyền chở sách vở (thư, thơ); ý nói thuyền của người học trò.

Các Đấng: Gác Đàng, tên đầy đủ là Đàng Vương Các.

Thuyền thơ ngọn gió Các Đấng xuôi đưa: Ngọn gió đưa con thuyền của người học trò đến thẳng Đàng Vương Các.

Câu đối cổ Trung Hoa có vẻ trên là: *Thời lai phong tống Đàng Vương Các*, nghĩa là khi thời vận tới, gió thổi thuyền tới gác Đàng Vương, ngụ ý kẻ có tài gặp cơ hội thuận lợi thì thành công lẫy lừng.

DIỄN TÍCH: Gác Đàng Vương dựng ở đất Hàng Châu (Trung Hoa) để ghi nhớ công trận của Lý Nguyên Anh (được phong tước Đàng Vương). Năm 675, thiếu niên Vương Bột (650-676) trong lúc vượt biển thăm cha đang làm thứ sử Giao Châu (Việt Nam), tình cờ một trận gió lớn thổi bạt thuyền đến gác Đàng Vương. Nơi ấy đang tổ chức tranh tài thi phú nhân dịp vừa tái thiết xong gác. Vương Bột sáng tác bài *Đàng Vương Các Tự* chinh phục tất cả khách làng thơ và lưu danh thiên cổ. Trong bài đó, có hai câu văn được đời truyền tụng là thần cú: *“Lạc hà dữ cô vụ tề phi / Thu thủy cộng tràng thiên nhất sắc.”* / (Dịch sát nghĩa từng chữ: Ráng chiều với cò lẻ cùng bay / Nước thu cùng trời dài một sắc.)

Đại ý câu 15-16: *Chúng con cầu xin gặp được cơ hội thuận lợi, để đem tài học ra thi thố giúp đời, giúp Đạo được thành công rực rỡ.*

IV. TÓM TẮT ĐẠI Ý TOÀN BÀI KINH VÀO HỌC

Cầu xin Đại Từ Phụ (Thượng Đế) thương chúng con, mở trí thông minh cho chúng con có đầy đủ sáng suốt, học hiểu được hết những lời văn, chữ nghĩa diễn bày đạo lý.

Chúng con xin gần gũi điều tốt lành, xa lánh điều xấu xa. Chúng con xin nương nhờ vào sức mạnh trí huệ của chúng con, lấy trí huệ làm gươm bén để chặt đứt mọi mầm mống gây tạo ra tội ác.

Chúng con dù là đàn em nhỏ dại hay hàng anh chị khôn lớn

cũng đều nguyện noi theo Đức Chí Tôn, lần bước theo đường lối tu học của đạo Cao Đài, không sợ khó khăn trở ngại.

Chúng con bắt buộc phải thương yêu bạn đồng đạo, suốt cuộc đời xin giữ tròn vẹn cách sống nhân nghĩa (thương người thương vật, cư xử đúng lễ phải).

Chúng con nguyện giữ lòng chân chánh, sống trung hiếu, thủy chung, sao cho nên người có đủ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín mà hiếu thảo là khuôn phép căn bản.

Chúng con nguyện rằng nơi gia đình thì giữ trọn đạo hiếu, tôn kính phụng thờ tổ tiên. Ra xã hội, nếu chúng con có quyền chức thì xin nguyện thương yêu phục vụ dân chúng.

Chúng con tha thiết cầu xin cho phần chơn linh sáng suốt sẵn có trong thân trợ giúp chúng con phát huy trí thông minh để học hỏi, trau dồi cả về đức lẫn tài.

Chúng con cầu xin gặp được cơ hội thuận lợi, để đem tài học ra thi thố giúp đời, giúp Đạo được thành công lừng lẫy.

V. CHỦ ĐỀ TƯ TƯỞNG CỦA BÀI KINH VÀO HỌC

Bài kinh này ngoài tác dụng vô vi (siêu hình) là cầu xin Ông Trời giúp sức, mở trí cho người học đạo lại còn có giá trị về luân lý theo nhân đạo Nho Giáo. Mỗi khi tụng đọc bài kinh, ấy là lúc người đi học tự nhắc nhở mình phải giữ gìn đạo làm người: đối với nước, với đồng bào, với gia đình tổ tiên, với vợ chồng, với bạn bè.

Bài kinh dạy cho người đi học một bài luân lý rằng có học, có tài phải có hạnh đức. Đã thọ ơn Trời mà học hành giỏi giang thì phải biết đem tài học ấy ra giúp đời, giúp dân, giúp nước, giúp Đạo.

Hiểu sâu ý nghĩa bài kinh, người tín đồ Cao Đài biết xa thêm rằng không phải chỉ tụng kinh này khi học giáo lý nơi cửa Đạo, mà ngay cả trên con đường học hành ở ngoài đời, vẫn có thể tụng kinh này, với ý hướng cao thượng là học cho thành tài không phải để vinh thân phì gia, mưu cầu lợi ích riêng tư, mà học để giỏi giang, có đủ đức tài tâm hạnh đem ra phụng sự đời và Đạo.

KINH THUYẾT PHÁP

(Giọng nam xuân)

I. KINH VĂN

- Trường phổ tế khó khăn lắm nỗi
Cây thánh tâm sửa đổi tánh phàm
Dù đời với sức không kham
4. Mượn quyền thuyết pháp dựng làm cơ quan.
Đại Từ Phụ hồng ân rưới khắp
Trợ giúp con dựng lập nên công
Muốn cho thiên hạ đại đồng
8. Lấy câu cứu khổ độ lòng thương sanh.
Nguyện lời nói biến hình bác ái
Nguyện chí thành sửa máy tà gian
Nguyện cho khí tịnh thần an
12. Nguyện xin thánh giả hiểu dàng chơn tu.
Nguyện các Đấng đương châu Bạch Ngọc
Giúp thông minh lâu thuộc văn từ
Cảm quan(g) điều động tâm tu
16. Khai cơ giải thoát mở tù Phong Đô.
*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.
(Niệm một lần)*

II. XUẤT XỨ

Bài kinh này do tiền khai Phạm Hộ Pháp (1890-1959) đặt, sau đó có Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn nhuận sắc. (Tòa Thánh Tây Ninh, *Kinh Thiên Đạo Và Thế Đạo*. Bản in 1992, tr. 103, chú thích 1.)

III. CHÚ GIẢI

thuyết 說: Nói ra để giảng giải, giải thích (*lecturing*).

pháp 法: Giáo lý (*dharma, teachings*).

thuyết pháp 說法: Nói để giảng giải giáo lý (*preaching*), đồng nghĩa với *thuyết đạo*.

Kinh Thuyết Pháp được đọc trước khi bắt đầu một buổi giảng giáo lý. Vị thuyết pháp, đồng nhi và thính giả đứng ngay ngắn, chấp tay đặt trước ngực và cùng đọc kinh.

Giọng nam xuân: Giọng đọc kinh theo làn điệu nhạc lễ truyền thống của dân tộc, nhịp hơi nhanh, biểu thị nét vui tươi, lòng thơ thới. (Còn một giọng khác là *nam ai*, nhịp chậm, biểu thị nét buồn thảm, bi ai. Kinh đọc trong đám tang đều theo giọng nam ai.)

Câu 1-2: *Trường phổ tế khó khăn lắm nổi / Cây thánh tâm sửa đổi tánh phàm.*

trường 場: Nơi chốn, chỗ tụ họp (*field, area*).

phổ tế 普濟: *Phổ* là rộng khắp; *tế* là qua sông (đồng nghĩa với *độ* 渡). *Tế độ* 濟渡 là cứu vớt con người khỏi bể khổ, giống như đưa thuyền đến vớt kẻ chết đuối chở sang bờ bên kia. *Phổ tế* đồng nghĩa với *phổ độ* 普度 (cứu vớt rộng khắp).

cây: Nhờ vào, nương dựa vào.

thánh tâm 聖心: Lòng thanh cao, lương thiện, chơn chánh. Trái với thánh tâm là phàm tâm.

tánh phàm (*phàm tánh* 凡性): Tánh trần tục còn nhiều khuyết điểm.

Câu 3-4: *Dù đời với sức không kham / Mượn quyền thuyết pháp dựng làm cơ quan.*

quyền 權:

a. Quyền hạn, quyền hành (*right*). Thí dụ: Giáo Tông có quyền cầu rỗi (xin tha tội) cho chúng sanh, còn việc xá tội cho chúng sanh là quyền của Thầy (Đức Chí Tôn).

b. Hành vi *quyền biến* 權變 tức là cần thiết tạm phải làm do tình thế đòi hỏi (*expedient*). Thí dụ: Cậu em chồng không được phép ôm chị dâu, nhưng thấy chị dâu (không biết bơi) té xuống sông thì phải mau mau vớt chị, ẵm lên bờ kéo chị chết đuối. Như vậy là quyền biến.

quyền thuyết pháp: Có thể hiểu theo hai nghĩa.

a. Việc giảng giáo lý không phải ai cũng tùy tiện làm được. Người giảng giáo lý phải đủ năng lực, đức hạnh, có quá trình tu học, và phải được Ông Trên (hay Hội Thánh) cho phép đi giảng.

b. Trong việc tu học, hành đạo độ đời, thuyết pháp chỉ là phương tiện tạm mượn.

cơ quan 機關:

a. Cái máy (*machine*).

b. Phương pháp hay phương tiện hoạt động để đạt được mục đích đã định (*mechanism*).

Câu 5-6: *Đại Từ Phụ hồng ân rưới khắp / Trợ giúp con dựng lập nên công.*

Đại Từ Phụ 大慈父: Người cha rất hiền, tức là Đức Chí Tôn, Đức Cao Đài, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

hồng ân 洪恩:Ơn to tát (của Đức Chí Tôn ban cho).

rưới khắp:Ơn Trời như mưa sa, chan hòa, thấm đều khắp nơi.

lập nên công: Lập nên công quả pháp thí (giảng giáo lý).

Câu 7-8: *Muốn cho thiên hạ đại đồng / Lấy câu cú khổ dụ lòng thương sanh.*

thiên hạ 天下: Dưới trời, chỉ thế gian (*the whole world*).

đại đồng 大同: *Đồng* là hòa 和. Đại đồng là cả thế gian cùng sống vui, hòa hiệp với nhau, không tranh cạnh (*great harmony*). *Đại đồng chi thế* 大同之世 là cõi đời đại đồng (*the world of great harmony*).

dụ 誘: Khuyến dụ 勸誘, dẫn dụ 引誘; lấy đạo nghĩa khuyên bảo người ta làm thiện. **thiện dụ** 善誘: Khéo léo dẫn dụ, khuyên bảo người khác.

thương sanh (sinh) 蒼生: Dân chúng, chúng sanh (*common people*).

Câu 9-10: *Nguyện lời nói biến hình bác ái / Nguyện chí thành sửa máy tà gian.*

nguyện 愿 (願): Cầu nguyện 求願, mong muốn, ước muốn.

biến hình 變形: Biến đổi cái trừu tượng trở thành hình tượng cụ thể.

bác ái 博愛: Lòng thương yêu khắp cả mọi người mọi vật.

chí thành 至誠: Thành thật tốt cùng, hết sức thành thật.

tà gian 邪姦: Dối trá, không ngay thẳng.

máy tà gian: Âm chỉ *cơ tâm* 機心 (lòng dạ trí trá) hay âm mưu những việc gian dối hại người.

Câu 11-12: *Nguyện cho khí tịnh thần an / Nguyện xin thánh giả hiểu đường chơn tu.*

khí tịnh 氣靜: Hơi thở được điều hòa. (Người thuyết pháp hay diễn thuyết không nên để cho mình bị hồi hộp, hơi thở gấp gáp làm mất bình tĩnh.) Chữ 靜 đọc là *tĩnh* (*tranquil*: an tĩnh). Phần đông người ta lẫn chữ *tĩnh* 靜 với chữ *tịnh* 淨 (*clean*: thanh tịnh). Do đó người Hoa ngày nay cũng chấp nhận hai chữ này dùng thông với nhau (*interchangeable*).

thần an 神安: Tinh thần được ổn định, không bối rối.

Lưu ý: Khí tịnh thần an không chỉ cần cho người giảng mà còn cần cho người nghe. Nhờ khí tịnh thần an, người nghe có thể lắng lòng, tập trung theo dõi và lãnh hội được bài giảng.

thánh giả 聽者: Người nghe thuyết pháp (*audience*).

đàng chơn tu: Đường lối tu hành chơn thật, đúng theo chánh pháp, không lừa dối người đời.

Câu 13-14: *Nguyện các Đấng đương châu Bạch Ngọc / Giúp thông minh lâu thuộc văn từ.*

đương châu Bạch Ngọc (Kinh) 當朝白玉(京): Đương châu Đức Chí Tôn ở Bạch Ngọc Kinh.

lâu thuộc: Thuộc lâu lâu, có thể nói ra trôi chảy.

văn từ 文詞: Văn chương, chữ nghĩa, thánh ngôn, thánh giáo, giáo lý...

Câu 15-16: *Cảm quan(g) điều động tâm tu / Khai cơ giải thoát mở từ Phong Đô.*

a. Các bản kinh do Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh ấn hành xưa nay đều in là *cảm quang*. Có vị Hiền Tài giảng *cảm quang* 感光 là “sự rung cảm trong lòng làm phát sinh một làn ánh sáng, giống như một làn sóng điện, gọi là làn điện quang”. Tôi không ưng cách giảng này.

b. Tôi nghĩ có lẽ nên hiểu là *cảm quan* 感官 (*sense organs*), là các cơ quan nhận thức của con người (*ngũ quan* 五官: *the five senses*) như mắt, tai, mũi, lưỡi, da (thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác: *sight, hearing, smell, taste, touch*). Trong bài kinh này, *cảm quan* chủ yếu nói tới hai cơ quan là mắt và tai (thị giác và thính giác).

điều động (dao động 搖動): Lay động (*shaking*).

tâm tu: Cái tâm thức tỉnh biết tìm đường tu hành.

cơ 機: Cơ hội (*opportunity*).

khai cơ giải thoát: Mở ra cơ hội thoát khỏi luân hồi (nhờ thức tỉnh và lo tu hành chơn chánh).

Phong Đô 豐都: Địa ngục 地獄, âm phủ 陰司, âm ty 陰司 (*hell*).

IV. TÓM TẮT ĐẠI Ý TOÀN BÀI KINH THUYẾT PHÁP

Công cuộc phổ tế hay phổ độ chúng sanh có nhiều nỗi khó khăn. Con xin nhờ tâm lành trong sạch để sửa đổi tánh tình trần tục.

Biết rằng nếu chỉ cậy vào sức người để dẫn dắt người đời thì không làm được, con xin quyền biến mượn phương tiện thuyết giảng giáo lý để cảm hóa nhân sanh.

Đức Đại Từ Phụ ban bố ơn to tát khắp hết chúng sanh, xin hãy giúp con thuyết pháp thành công.

Muốn cho Nhơn loại đại đồng thì lấy đề tài cứu khổ thuyết giảng để khuyến dụ dân chúng có lòng lành thương xót đồng loại.

Xin cầu nguyện cho lời giảng đạo có thể cảm hóa người đời để họ có hành vi bác ái cụ thể. Con cầu nguyện đem hết lòng thành thật để sửa đổi những lòng tà gian trá.

Xin cầu nguyện cho cả người giảng và người nghe hơi thở được đều hòa, tinh thần ổn định (nhờ thế bài giảng được trình bày tốt đẹp và người nghe lắng hội trọn vẹn). Con nguyện xin người nghe thuyết pháp sẽ hiểu rõ con đường tu hành chơn thật.

Con cầu nguyện với các Đấng thiêng liêng đang châu Đức Chí Tôn ở Bạch Ngọc Kinh hãy giúp cho con được sáng suốt để thuộc lâu văn từ (và trình bày bài giảng trôi chảy).

Xin cầu nguyện cho thính giả do tai nghe và mắt thấy mà xúc động trong lòng, khiến họ phát tâm tu hành, nhờ đó họ mở ra cơ hội cho bản thân thoát khỏi luân hồi, không phải sa vào địa ngục.

V. CHỦ ĐỀ TƯ TƯỞNG CỦA BÀI KINH THUYẾT PHÁP

Bài kinh này xác định rằng thuyết pháp là một phương tiện quyền biến trong việc độ đời. Sức cảm hóa của bài giảng không chỉ ở phần trí năng (cái tài) mà còn tùy theo phần công phu tu dưỡng (tâm hạnh, đạo đức) của người thuyết pháp.

Bài kinh cũng hàm ngụ lẽ *Thiên nhân hiệp nhất* 天人合一 (Trời hay và con người hợp làm một). Thật vậy, ngoài sự cố gắng và tài năng của người giảng còn có sự ban ơn hộ trì của các Đấng thiêng liêng, chư thiên hộ pháp.

Hai câu kết bài kinh nên là phương châm cho tất cả những người nhận trọng trách giảng đạo. Tài hùng biện, kiến thức phong phú là yếu tố cần thiết nhưng chưa đủ; phải cần có thêm lòng chí thành và tâm đức của người giảng, được bộc lộ ra qua dáng điệu hay cử chỉ tao nhã, gương mặt hiền hòa, giọng nói truyền cảm tự nhiên chứ không phải do khéo đóng kịch (giả tạo). Tất cả những gì mà thánh giả tận mắt nhìn, tận tai nghe sẽ làm cho họ xúc động, đồng cảm sâu sắc với người giảng, và liền đó họ có thể phát tâm lành hướng thiện, muốn bước lẹ vào đường tu hành (*Cảm quan điều động tâm tu*). Một khi họ biết tu tức là biết tìm lối thoát ra khỏi cửa địa ngục (*Khai cơ giải thoát mở tù Phong Đô*). Mục đích giảng đạo, thuyết pháp là thế. Sự thành công của bài giảng là thế.

Tóm lại, muốn thuyết pháp có kết quả như hai câu kết bài kinh nêu ra thì người giảng phải xứng đáng để **được ơn** soi dẫn, phù hộ của Thầy Mẹ và các Đấng thiêng liêng.

Muốn được ơn, ngoài sự thường xuyên học hỏi giáo lý, rèn luyện nghệ thuật thuyết trình, người giảng đạo buộc phải có

tâm chơn chánh, ý thành thật, không được nuôi lòng tà vạy (*Nguyện chí thành sửa máy tà gian*). Nghĩa là bản thân người giảng đạo phải xứng đáng để được Trời Phật ban ơn hộ trì và nhờ vậy lời thuyết pháp có sức màu nhiệm cảm hóa chúng nhân.

Hiểu như vậy, thì rõ ra *quyền thuyết pháp* không chỉ là cái phương tiện quyền biến (*expedient means*) mà quả thật còn là cái quyền được giảng đạo (*the right to give sermons*). Quyền ấy chỉ nên trao cho người xứng đáng (vì có đủ tâm hạnh đức tài), bởi lẽ:

- Thiếu *tài* thì giảng bài không ai hiểu, hoặc giảng sai, hoặc không lời cuốn khiến người nghe mau chán, buồn ngủ.

- Thiếu *tâm* thì không chịu rèn luyện nghệ thuật nói trước công chúng, không tận tụy nghiên cứu bài giảng cho tới nơi tới chốn, không thềm soạn bài kỹ lưỡng, không nhắm vào ích lợi thiết thực của người nghe, không màng cân nhắc xem bài giảng có phù hợp với phần lớn người nghe hay không.

- Thiếu *hạnh*, thiếu *đức* thì mượn buổi giảng để cốt khoe mẽ bản thân, để chỉ trích cá nhân ai đó, hoặc để tự ca tụng tôn giáo của mình mà chê bai, chỉ trích tôn giáo khác.

Ngoài ra, do thiếu hạnh, thiếu đức người thuyết pháp “ăn khách” dễ sinh lòng tự phụ, kiêu căng, tự cho phép mình đáng “làm thầy” đồng đạo, đạo hữu. Trái lại, người hạnh đức sẽ luôn tỉnh táo trước những tràng pháo tay giòn giã, những lời khen có cánh, và luôn luôn tự nhắc nhở: *Mình chẳng làm được gì đâu nếu không có Thầy có Mẹ, không có Đức Lý Giáo Tông soi dẫn. Mình chỉ là phương tiện, là công cụ để Thầy Mẹ và các Đấng tạm mượn dùng đó thôi.* (HUỆ KHẢI soạn)

MẤY Ý KIẾN VỀ BỘ SÁCH GIÁO KHOA MÔN VĂN CỦA NHÓM CÁNH BUỒM

TRẦN VĂN CHÁNH

Nhóm Cánh Buồm do nhà giáo Phạm Toàn [sinh năm 1932 tại Đông Anh, Hà Nội] chủ trương vào ngày 19-11-2016 sẽ trình xã hội tám cuốn sách giáo khoa Tiếng Việt và Văn cho bậc trung học cơ sở.⁽¹⁾ Chúng tôi nhận được trước bốn cuốn: *Văn 6* (230 trang, khổ 19x26cm), *Tiếng Việt 6* (188 trang), *Văn 7* (196 trang), *Tiếng Việt 7* (180 trang), đều do Nxb Tri Thức ấn hành. Bốn cuốn dành cho lớp 8 và lớp 9 tiếp sau, sẽ được in xong trước ngày ra mắt sách 19-11 nói trên.

Chủ đề của *Văn 6* là “Cảm hứng nghệ thuật” nên sau bài mở đầu bàn tổng quát về “Cảm hứng nghệ thuật (Vì sao người ta làm ra tác phẩm nghệ thuật)” lần lượt có năm phần với tổng cộng mười lăm bài học:

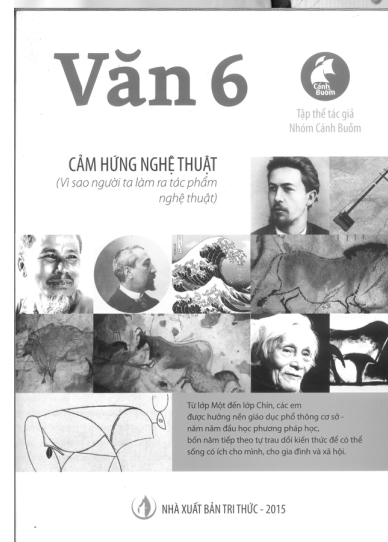
(1) Tác phẩm thơ (Vì sao người ta làm thơ, *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, *Thơ ngụ ngôn* La Fontaine...);

(2) Tác phẩm tự sự (Vì sao người ta viết văn tự sự, *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khán...);

(3) Tác phẩm hội họa (Vì sao người ta vẽ, *Người đặt nền móng đầu tiên cho nền mỹ thuật đương đại Việt Nam*, *Tranh Tết*);

(4) Tác phẩm âm nhạc (Vì sao người ta chơi âm nhạc, *Những câu hát già bạn*);

⁽¹⁾ Bài này Trần tiên sinh viết ngày 10-11-2016.



TpHCM 24-3-2015:

Bà Nguyễn Thị Bình, nguyên Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quỹ Văn Hóa Phan Châu Trinh, trao giải thưởng Văn Hóa - Giáo Dục Phan Châu Trinh năm 2015 cho nhà giáo Phạm Toàn.

Ảnh trái:

Sách *Văn 6* (Hà Nội: Nxb Tri Thức, 2015, 230 trang), một trong các công trình sách giáo khoa độc đáo của nhóm Cánh Buồm do nhà giáo Phạm Toàn sáng lập.

(5) Tác phẩm kịch (Vì sao người ta chơi kịch – Kịch như là một môn học vỡ lòng, *Trường giả học làm sang* của Molière).

Chủ đề của *Tiếng Việt 6* là “Ngữ âm – Ghi âm”, gồm hai phần với tổng cộng chín bài học:

(1) Tiếng Việt và chữ viết của người Việt (Dùng chữ Hán và chữ Nôm để ghi tiếng Việt, Ghi âm tiếng Việt bằng chữ quốc ngữ, Trương Vĩnh Ký – Nhà ngôn ngữ học đa tài, Nguyễn Văn Vĩnh với tiếng mẹ đẻ và chữ quốc ngữ, Nhà văn hóa Phạm Quỳnh với sự nghiệp phát triển chữ quốc ngữ, Ngữ âm địa phương của tiếng Việt, Cách người Việt phiên âm tiếng nước ngoài);

(2) Tiếng nói và chữ viết của dân tộc khác (Lịch sử hình thành và phát triển “chữ quốc ngữ” ở Nhật Bản, *Hangul* và chữ viết của Hàn Quốc).

Chủ đề của *Văn 7* là “Giải mã tác phẩm nghệ thuật (Kịch và thơ)” gồm ba phần (1. Giải mã tác phẩm trữ tình; 2. Giải mã tác phẩm kịch nghệ; 3. Chuyển thể kịch) với tổng cộng mười bài học.

Chủ đề của *Tiếng Việt 7* là “Từ và từ vựng” gồm ba phần (1. Những khái niệm cơ bản; 2. Từ vựng – Từ điển; 3. Mở rộng vốn từ vựng), với tất cả mười hai bài học.

Tôi được gửi biểu để đọc trước bốn cuốn, và được Ban Biên Tập sách trung học cơ sở Cánh Buồm cho biết thêm vài điều như sau về các cuốn sách lớp 8 và 9:

Sách *Tiếng Việt 8* có chủ đề “Các cách biểu đạt ngôn ngữ (cách khoa học, cách nghệ thuật, cách chính trị – xã hội)”. Sách *Tiếng Việt 9* có chủ đề “Ngôn ngữ và tư duy” với những

bài về phạm trù người, tư duy về môi trường, tư duy về cái đẹp, tư duy về cái chết, và kết thúc ở đỉnh cao với bài tư duy về Thượng Đế.

Sách *Văn 8* có chủ đề “Giải mã tác phẩm tự sự” với các phần tự sự sử thi, tự sự dạng truyện lịch sử, tự sự dạng bút ký và du ký, tự sự dạng truyện và tiểu thuyết. Sách *Văn 9* có chủ đề “Nghiên cứu nghệ thuật” thông qua những việc làm trên hai tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và *Faust* của Goethe.

Sở dĩ phải liệt kê khá dài dòng như trên để thấy bộ sách giáo khoa *Văn* và *Tiếng Việt* của nhóm Cánh Buồm có những điểm nội dung khác lạ, độc đáo, không giống với bất kỳ bộ sách giáo khoa nào của cùng bộ môn hay cùng cấp lớp đã từng xuất hiện tại Việt Nam. Do vậy, nó cũng khác biệt hẳn so với bộ sách giáo khoa *Ngữ Văn* bậc trung học cơ sở đang áp dụng hay lưu hành chính thức toàn quốc, vốn được biên soạn theo chương trình trung học cơ sở năm 2002 của Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo (GD-ĐT). Ở bộ sách giáo khoa *Ngữ Văn* (6, 7, 8, 9) chính thức này, như chúng ta được biết, trong quá trình cải cách nhiều đợt, đã đạt được khá nhiều điểm tiến bộ. Bên cạnh những hướng cải tiến chung như giảm tải, giảm bớt mùi tuyên truyền chính trị, tăng thực hành, gần đời sống, nét cải tiến nổi bật nhất của chúng là hướng “tích hợp”, mà biểu hiện rõ nhất là việc sáp nhập ba phân môn (Văn, Tiếng Việt, Tập Làm Văn) vào một chỉnh thể *Ngữ Văn* và do đó, từ chỗ có ba bộ sách Văn Học, Tiếng Việt, Tập Làm Văn thì nay chỉ còn duy nhất bộ sách *Ngữ Văn* (xem “Lời Nói Đầu”, trong *Ngữ Văn 6*, Tập một, Nxb Giáo Dục Việt Nam, 2016, tr. 3).

Sách của nhóm Cánh Buồm trái lại không đi theo hướng

tích hợp, không có phần chú thích hay giảng giải từ ngữ, ngữ pháp và tập làm văn tích hợp (lồng ghép hay đi kèm) theo văn bản của bài giảng văn; còn nội dung các bài dùng làm bài học bên trong thì hầu như không có bài nào giống với bộ sách giáo khoa chính thức của Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo! Tôi không có ý định đi sâu vào sự khác nhau đó, mà chỉ quan tâm tới cái riêng của bộ sách Cánh Buồm, và thấy nên nêu ra mấy **điểm riêng** của bộ sách này, ở chỗ chúng đã được soạn ra trên cơ sở định nghĩa lại nhiều khái niệm cơ bản từng chi phối nền giáo dục phổ thông nước ta lâu nay.

Một vài khái niệm mấu chốt của Cánh Buồm là như sau:

* Định nghĩa giáo dục là ***tổ chức sự trưởng thành của thanh thiếu niên của cả dân tộc.***

* Định nghĩa trưởng thành là về ***ba mặt (a) tư duy, (b) kiến thức, và (c) hành động.***

* Định nghĩa chương trình học là ***một lý tưởng đào tạo*** và sách giáo khoa là ***người bạn đường tạo năng lực tự học cho học sinh.***

Về quan điểm chính trị, từ đó chi phối cách viết hay cách trình bày lịch sử và sự lựa chọn vật liệu giảng dạy (hay nội dung thông tin hoặc truyền đạt), sách giáo khoa Cánh Buồm cũng khác hẳn với sách giáo khoa của Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo. Chẳng hạn, ở *Tiếng Việt 6*, vua Bảo Đại được gọi bằng “ngài” (tr. 120); một số nhân vật hay nhà văn hóa có công lớn với sự nghiệp phát triển chữ quốc ngữ nhưng thuộc diện “nhạy cảm” như Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh đã được giới thiệu khá đầy đủ với mỗi bài viết về mỗi ông đều dài từ trên mười trang đến trên hai mươi trang, điều

chưa từng thấy ở bất kỳ sách giáo khoa môn Văn nào trong nền giáo dục XHCN bấy lâu nay. Thậm chí, Phạm Quỳnh còn được gọi một cách mạnh dạn là “chí sĩ” (tr. 110); cả ba ông Trương, Nguyễn, Phạm được gọi chung là “ba nhà yêu nước” (tr. 111): “*Các bạn sẽ nhận ra những việc mà họ đã làm... Với cái nhìn trong trẻo, tấm lòng vô tư và tâm hồn trong sáng của mình, các bạn sẽ dễ dàng tự cảm nhận được tấm lòng yêu nước, thương nòi hết sức vô tư của họ.*” (tr. 77)

Tiếng Việt 7 với mười hai bài viết (bài học) có thể coi là một tập hợp có hệ thống những kiến thức cơ bản vững chắc về từ và từ vựng tiếng Việt, nếu tách in riêng ra thành sách tham khảo sẽ rất xứng đáng là một tập tài liệu đáng tin cậy dùng chung cho giáo viên, sinh viên khoa ngữ văn và cho tất cả những ai có quan tâm muốn củng cố, bồi dưỡng kiến thức về ngôn ngữ Việt.

Trước tình trạng nền giáo dục Việt Nam đã và đang gặp phải nhiều nổi bề bết và lúng túng kéo dài, chất lượng giáo dục ngày càng xuống cấp, sẽ là không quá đáng nếu xem sự xuất hiện sách giáo khoa Cánh Buồm như một nỗ lực đầy thiện chí trong quá trình tìm tòi để cải cách căn bản nền giáo dục nói chung và chương trình – sách giáo khoa nói riêng.

Đường lối giáo dục mới mẻ, tiến bộ, hợp lý của nhóm Cánh Buồm đã được nêu lên khá rõ rệt, mạch lạc ngay ở bìa các cuốn sách: “*Bậc phổ thông cơ sở, như tên gọi, là bậc tạo nền tảng trí tuệ cho toàn thể trẻ em – sau chín năm học, một trí tuệ nền tảng gồm có (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành động – hành trang và đạo lý vào đời của người thiếu niên 15-16 tuổi.*” (bìa *Tiếng Việt 6*, ấn bản 2016). Chỗ khác, còn nói rõ hơn: “*Từ lớp*

Một đến lớp Chín, các em được hưởng nền giáo dục phổ thông cơ sở – năm năm đầu học phương pháp học, bốn năm tiếp theo tự trau dồi kiến thức để có thể sống có ích cho mình, cho gia đình và xã hội.” (bìa Tiếng Việt 6, ấn bản 2015).

Sách giáo khoa Cánh Buồm chú trọng đào tạo tố chất con người, thay vì kỹ năng thi cử, cho học sinh, nên ở giai đoạn tiểu học năm năm có nhiệm vụ rèn luyện *phương pháp học*; giai đoạn trung học cơ sở bốn năm có nhiệm vụ giúp các em dùng phương pháp học đã có để *tự tìm đến các tri thức* cần thiết. Từ đó suy ra: nhiệm vụ của bậc phổ thông trung học là *tập nghiên cứu* để chuẩn bị cho cách *tập độc lập nghiên cứu* ở bậc đại học và cách *độc lập nghiên cứu* ở sau đại học. Chương trình học lại có sự kết nối hoặc liên thông một cách hệ thống từ lớp 1 đến hết cấp trung học cơ sở [lớp 9].

Nhóm Cánh Buồm chủ trương không chấm điểm học sinh, thay vào đó là cách đánh giá theo ba tiêu chuẩn, như đúng/chưa đúng/sai, hoặc đúng/hay/rất hay..., như vậy cũng giúp tránh được tình trạng học sinh tranh điểm nhau gây mất đoàn kết, hoặc tệ nạn giáo viên dễ bị thiên vị đối với em này em khác.

Từ khi khởi động năm 2009, sách giáo khoa Cánh Buồm đã được lần lượt biên soạn, tập trung trước cho môn Văn và môn Tiếng Việt vì hai môn này có nhiều lợi thế trong việc truyền bá kiến thức nghệ thuật giúp tạo nên “một tâm hồn phong phú” cho thế hệ trẻ. Không ít bậc thức giả đã công nhận sách Cánh Buồm có nội dung phong phú, mới lạ, hấp dẫn, bổ ích.

Khi vừa nhận được bộ sách mới xuất bản (lớp 6, 7), tôi có

đưa cho vài bạn hoạt động trong lĩnh vực văn hóa – giáo dục xem thử, ai cũng khen hay. Tuy nhiên, hầu như cả tôi cũng vậy, mọi người đều có chung một nỗi băn khoăn, trong tinh thần hết sức cảm thông, chia sẻ với nhóm chủ biên: Liệu độ cao của chương trình như mô tả ở trên có thích hợp với lứa tuổi và trình độ thực tế của học sinh các lớp 6, 7 hiện nay? Có người cho rằng bộ sách có vẻ thích hợp hơn cho học sinh từ lớp 10 trở đi, hoặc thậm chí cho sinh viên bậc đại học. Người khác thì bảo nó phảng phất trông giống một tờ tạp chí hoặc sách chuyên đề có giá trị do nhiều tác giả tham gia viết; nhiều bài trong đó nên được coi là loại bài đọc thêm hơn là bài chính khóa, vì thường dài đến 10-20 trang. Ngoài ra, với những nội dung khác biệt hẳn so với chương trình chính thức hay chính thống của Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo, thì tính phổ cập nhân rộng và khả năng hòa nhập chung vào nền giáo dục quốc dân sẽ phải thực hiện theo lộ trình thế nào, hay rốt cuộc kế hoạch Cánh Buồm cũng chỉ dừng lại ở việc dạy thí điểm? Và rồi công việc đào tạo giáo viên để phục vụ thích nghi cho kế hoạch, chương trình, phương pháp giảng dạy đặc thù của nhóm Cánh Buồm nữa? Cũng như khả năng thực hiện của họ cho những môn học khác ngoài môn Văn, như Sử, Địa, Sinh, Toán, Lý...? Về phương diện thi cử, nếu học theo sách Cánh Buồm thì có dự được một cách thành công vào những kỳ thi mang tính toàn quốc hay không, và do đó liệu sẽ có được bao nhiêu trường tư thục dám hoặc sẵn sàng áp dụng theo lối học mới mẻ này?

Nhiều câu hỏi khác nữa còn có thể đặt ra thêm, và dường như những người chủ trương nhóm Cánh Buồm cũng biết trước như vậy, tuy nhiên việc quyết định biên soạn bộ sách

giáo khoa mới của họ, cùng với nó là một chương trình giáo dục từ tiểu học đến hết trung học cơ sở theo đường lối mới, đã được nhóm chủ trương quan niệm là hành động tiên phong để làm ra một cái “mẫu” cho việc đề xuất các phương án cải cách giáo dục. Xét trên nhiều phương diện, việc làm này thật sự rất đáng trân trọng, và những kết quả phần khởi đầu tiên ghi nhận được khi áp dụng thí điểm tại một số nhà trường đã cho thấy việc làm của nhóm Cánh Buồm có ý nghĩa to lớn, góp phần thúc đẩy cải cách giáo dục, trong điều kiện ngành giáo dục cũng đang có chủ trương cho xuất bản nhiều bộ sách giáo khoa do nhiều nhóm khác nhau biên soạn.

Trước thực trạng suy thoái đau lòng của nền giáo dục trong nước, và tình trạng sửa đổi vừa chậm chạp vừa lưng chừng về chương trình – sách giáo khoa, nhóm Cánh Buồm đã sốt ruột (hay sốt sắng) mạnh dạn “tự giao” nhiệm vụ cho mình chứ chẳng bị ai bắt buộc, để góp phần vào công cuộc cải cách. Ý đồ tốt đẹp này đã có lần được nhóm Cánh Buồm nêu rõ trong Tờ Trình Tổng Quát trước Ủy Ban Văn Hóa – Giáo Dục – Thanh Niên – Thiếu Niên Và Nhi Đồng của Quốc Hội ngày 16-7-2014: *“Có một bộ phận trí thức đáng kính kiên trì phản biện và xoay sở đủ cách, ... hòng xoay chuyển tư duy giáo dục và tác động tới thực tiễn giáo dục nước nhà... Nhóm Cánh Buồm chủ trương không ‘phản biện’, và càng không than vãn. Nhóm Cánh Buồm chủ trương cái gì làm được thì làm luôn. Sức yếu thì dồn sức vào ‘huyệt’ – làm một cái MẪU – cái ‘mẫu’ không phải như một tấm gương để ‘noi theo’, mà cái mẫu như một sự vật cụ thể vừa mang tính gợi ý và cũng vừa mang tính kích thích.*

Tính gợi ý, đó là làm thực sự điều gì cần phải làm mà giới

lãnh đạo giáo dục chưa biết hoặc có thể đã biết mà chưa tổ chức làm được. Một việc quan trọng nhất nhóm Cánh Buồm phải làm ngay là soạn lại sách giáo khoa tiểu học các môn khoa học xã hội và nhân văn. Tính kích thích, đó là làm thực sự và hết sức mình để đưa ra những đóng góp có thực, nhưng không coi đó là giá trị bậc nhất, mà luôn luôn hy vọng chính mình được đồng nghiệp vượt qua.”

Ngoài việc được mời báo cáo tại Quốc Hội, trước đó, ngày 03-02-2012, Vụ Tiểu Học (thuộc Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo) cũng đã tiếp và nghe Nhóm trình bày kế hoạch biên soạn bộ sách giáo khoa mới. Kết quả chung không tệ: Nhóm Cánh Buồm đã và đang nhận được sự tán trợ của không ít người cả về mặt tinh thần lẫn vật chất, để tiếp tục tiến hành kế hoạch đã xác tín. Ở đời, nếu có được một người “tri kỷ” là may mắn lắm rồi (người xưa nói “Đắc nhất tri kỷ, tử khả dĩ hỹ”, có được một người tri kỷ thì dù chết cũng cam lòng), đằng này, nhóm Cánh Buồm từ khi khai trương (chính thức năm 2012) đã có được khá nhiều “tri kỷ”, đó là hai trường tư thục ở Hà Nội, một trường ở Tp.HCM, và một trường khác ở Bắc Giang, đã chịu hợp tác với Nhóm để tiến hành thí điểm hay thể nghiệm chương trình học và nội dung, phương pháp mới hay tiến bộ; cũng như một số cá nhân, tổ chức khác đã thiện nguyện góp tiền in sách, cho mượn chỗ để tổ chức hội thảo, quảng bá.

Nhóm Cánh Buồm cũng nhận được vài lời khích lệ động viên của một số quan chức có uy tín trong ngành giáo dục, và năm 2015 được nhận Giải Thưởng Văn Hóa Phan Châu Trinh về sự nghiệp Văn hóa- Giáo dục. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi ở đây chẳng phải là khen hay chê cho có chuyện rồi bỏ qua

(như người ta vẫn thường như thế), mà Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo nên thực tâm và mau chóng tích cực tìm hiểu sâu thêm nữa việc làm của Nhóm này, lý do chính đáng trước hết vì nhóm Cánh Buồm xứng đáng để được như vậy; nó là một hiện tượng quý hiếm trong thời buổi thực dụng chạy theo tiền bạc như hiện nay, để trên cơ sở nắm chắc giá trị việc làm của họ mà mạnh dạn cấp phát ngân sách tài trợ đủ cho Nhóm có điều kiện hoạt động hiệu quả hơn nữa. Giả định không có sẵn nhóm thiện nguyện này, Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo khi cần lập riêng thêm một nhóm nghiên cứu, biên soạn sách giáo khoa mới có tính thử nghiệm, thì chi phí thực tế có lẽ còn tốn kém hơn nhiều!

Còn về khoảng chênh lệch hay khác biệt đang xuất hiện khá lớn giữa sách giáo khoa Cánh Buồm với sách giáo khoa lưu hành chính thức của Bộ, thiết tưởng đây cũng chẳng có gì mâu thuẫn, trái lại còn nên được hiểu theo nghĩa đúng đắn là có sự tương tác, bổ sung, tham khảo lẫn nhau, để tiến tới hoàn thiện dần các bộ sách giáo khoa tương lai trong điều kiện cải cách không ngừng của nền giáo dục.

Nếu bảo sách giáo khoa đang lưu hành chính thức của Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo phải nhượng bộ làm theo mô thức giáo dục mới của nhóm Cánh Buồm thì điều này rõ ràng không thực tế, nếu không muốn gọi ảo tưởng. Vì vậy, nhân dịp nhóm Cánh Buồm sắp ra mắt bộ sách *Văn và Tiếng Việt* cấp phổ thông cơ sở, đánh dấu một đoạn đường thành tích quan trọng của họ, các quan chức có trách nhiệm của Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo nên coi đây là một cơ hội tự nhắc nhở sự chú ý, đồng thời thúc đẩy những cuộc hội luận song phương (giữa Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo và nhóm Cánh Buồm), và sau đó có

thể là một cuộc hội luận đa phương mở rộng nào đó (với sự tham gia của các nhà sư phạm độc lập trong và ngoài nước, các đại diện phụ huynh học sinh...), để bàn kỹ, nhằm tìm ra giải pháp chiết trung hợp lý nhất cho các vấn đề quan trọng đang còn tranh cãi, từ triết lý hay đường lối giáo dục cho đến chương trình – sách giáo khoa đi cùng với phương pháp giảng dạy các môn học cụ thể.

Về phía nhóm Cánh Buồm, có lẽ cũng chỉ còn hướng duy nhất dung hòa qua những cuộc hội luận khách quan như trên đề nghị thì mục tiêu, lý tưởng của nó mới được thể hiện đầy đủ trên thực tế, khi mà sách Cánh Buồm được lưu hành rộng rãi hơn như một trong những bộ sách giáo khoa có uy tín được nhiều trường học và giáo viên hơn chấp nhận.

Xét cho cùng, trong điều kiện chấp nhận nền kinh tế thị trường, và giáo dục cũng là một loại dịch vụ, **vấn đề cốt lõi vẫn chỉ là quyền tự do cạnh tranh biên soạn sách giáo khoa**. Trên cơ sở các bộ chương trình điều chỉnh lần chót sẽ được Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo ấn định và phổ biến rộng rãi (dưới dạng sách, tài liệu in hoặc điện tử; thỉnh thoảng có thể thay đổi ít nhiều bằng các văn bản điều chỉnh hay bổ sung), ngoài sách do Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo tổ chức biên soạn, thường chủ yếu áp dụng cho các trường công lập, mọi cá thể giáo viên hoặc nhóm giáo chức khác đều có thể tự do biên soạn sách giáo khoa (tương tự như dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, trước 1975). Sách nào soạn tốt hơn sẽ được xã hội chấp nhận nhiều hơn, và khi ấy, giả định sách của nhóm Cánh Buồm tỏ ra lạc hậu, hoặc “bất cận nhân tình”, nó sẽ chịu số phận đương nhiên bị đào thải, theo đúng quy luật của thị trường cạnh tranh lành mạnh. (TRẦN VĂN CHÁNH)

ĐẠO NGHĨA THẦY TRÒ

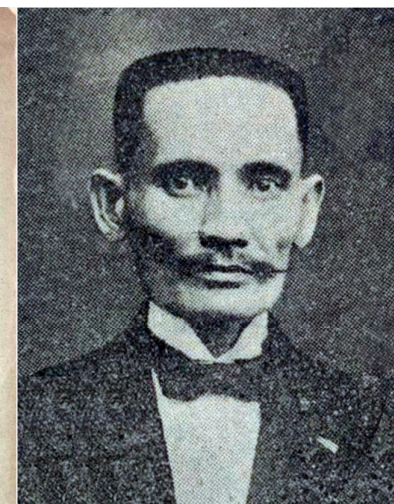
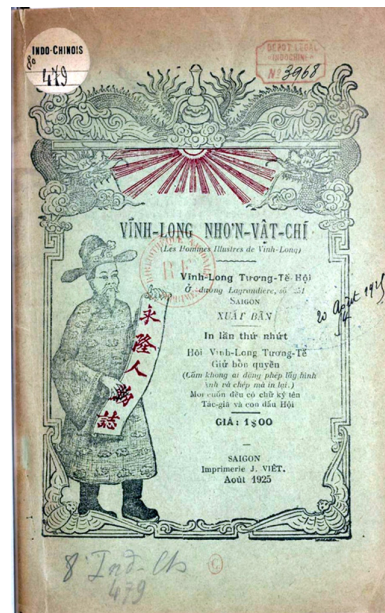
NGUYỄN VĂN DẦN

Tháng 8-1925 ông Nguyễn Văn Dẩn xuất bản *Vĩnh Long Nhơn Vật Chí* (76 trang ruột), in lần thứ nhất tại imprimerie Việt (Sài Gòn), giá bán một đồng. Ngoài bìa sách cho biết Vĩnh Long Tương Tế Hội ở số 251 đường Lagrandière, Sài Gòn.⁽¹⁾ Ở trang không đánh số, ngay sau trang bìa giả (*title page*) in chân dung ông Nguyễn Văn Dẩn và cho biết ông là Chủ Hội của Vĩnh Long Tương Tế Hội, nhà số 115 đường Verdun, Sài Gòn.⁽²⁾ Nơi trang 20 cuốn sách xưa này ông Dẩn có kể lại tích cụ Phan Thanh Giản (1796-1867) ghé thăm thầy học cũ rất hay. Tôi trích lại nguyên văn, giữ nguyên cách chấm câu của người xưa, chỉ sửa lỗi chánh tả và vài chỗ viết hoa, đồng thời chú thích ba chỗ cần thiết. Nhan đề bài này (*Đạo Nghĩa Thầy Trò*) do tôi thêm vào. Nhân đây, tôi xin cảm ơn hiền hữu Trần Văn Chánh đã cho mượn bản sách xưa nay đã thuộc vào loại quý hiếm. (Huệ Khải, 26-8-2018)

Năm Tự Đức thứ mười lăm (1862) cụ [Phan Thanh Giản] vâng mạng hoàng đế vào trọng nhậm chức Kinh Lược ba tỉnh hướng Tây Nam Kỳ là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Khi

⁽¹⁾ Ngày 30-4-1950 đổi tên là đường Gia Long. Sau 30-4-1975 đổi tên là đường Lý Tự Trọng.

⁽²⁾ Ngày 22-3-1955 đổi tên là đường Lê Văn Duyệt. Ngày 14-8-1975 đổi tên là đường Cách Mạng Tháng Tám.



Ông Nguyễn Văn Dẩn
tác giả *Vĩnh Long Nhơn Vật Chí*

đến tỉnh Gia Định cụ ghé lại Gò Vấp ⁽³⁾ để viếng thăm tôn sư là cụ Võ tiên sanh.⁽⁴⁾ Lúc gần đến chòi tranh của thầy ở, thì cụ truyền xếp võng điều và lọng lại, xuống đi bộ vào bái thăm thầy. Thầy trò gặp gỡ nhau chẳng xiết vui mừng,⁽⁵⁾ vì cách nhau đã nhiều năm! Hỏi thăm việc hàn huyên xong rồi, cụ bái

⁽³⁾ Khi xưa gọi Gò Vấp, nay gọi Gò Vấp.

⁽⁴⁾ **tiên sanh** (sinh) 先生: Tiếng gọi thầy giáo. Năm 1816, theo lời khuyên của quan Hiệp Trấn tỉnh Vĩnh Long (tên là Lương, không biết họ), nho sinh Phan Thanh Giản nán lại Vĩnh Long thọ giáo quan đốc học họ Võ (không biết tên). Thầy Võ nói ở đây không phải là xứ sĩ Võ Trường Toản vì Võ xứ sĩ tạ thế năm 1792; bốn năm sau (1796) Phan Thanh Giản mới chào đời.

⁽⁵⁾ **chẳng xiết vui mừng**: Mừng vui không thể kể cho hết được.

tạ mà đi Vĩnh Long và dâng lại cho tôn sư hai nén bạc để uống trà. Khi ấy tôn sư đáp lại cho cụ Phan một chục trái bắp! Cụ Phan thọ lãnh món vật của tôn sư cho, bèn bốn thân xách lấy bắp, chẳng để cho quân lính cầm. Đoạn đi bộ một đôi xa xa mới truyền sửa võng lọng mà lên lại. Thiệt là người học trò có tư cách và hiểu nghĩa với thầy! Rất vẻ vang cho đạo học nhà Nam! Rất đúng đắn với câu: *"Gặp vận vinh vang thêm toại chí, nhớ thương sư phụ phận con em!"*

NGUYỄN VĂN DẦN

EM VỀ RỘN RÃ NIỀM VUI

Tình yêu đến tự bao giờ
Pleiku phố núi cội mơ bao người
Em về rộn rã niềm vui
Mắt ngời ánh mắt, tiếng cười hồn nhiên
Biển Hồ thanh thản, bình yên
Thông xanh vẫy gọi, liễu nghiêng nghiêng chào
Ước mơ có tự thuở nào
Chừ nghe xao xuyến nao nao lòng mình
Mặt hồ sóng sánh lung linh
Tơ Nưng độc đáo địa hình cảnh quan
Biển trên núi, lồng gió ngàn
Bập bênh lau sậy, rộn ràng cá chim
Xa xôi muôn dặm vẫn tìm
Từ trong dâu bể trái tim vẹn lành.

ĐỖ THỊ KẾT

NHỚ VỀ BỤC GIẢNG NGÀY XƯA

Lắm lúc
Ở nơi phố chợ
Thăm nhớ về bục giảng ngày xưa

Nơi có đàn trẻ thơ
Cặm cúi gò từng nét chữ
Dưới mái trường loang lổ
Bởi một thời đạn bom.

Nơi có những đồng nghiệp sớm hôm
Bụng lấm ngô, khoai... vẫn bám trường, bám lớp
Để nói về "rừng vàng, bể bạc"
Những anh hùng thuở Đinh-Lý-Trần-Lê...

Nơi có những tấm lòng quê
Ít tiền của, nhưng giàu nhân nghĩa
Đã đùm bọc, cứu mang
Những thầy cô trẻ

... Giờ đã trải bao dâu bể
Cơm đời mặn nhạt đã quen
Có gì vẫn động trong tim
Một mái trường quê nhỏ hẹp

Để khi giờ từng trang viết
Giáo án của thời tóc xanh
Nỗi nhớ càng thêm da diết
Thêm phai bao sợi tóc mình...

BÙI THỤY ĐÀO NGUYỄN

NHỚ THẦY CŨ

LƯU KHÔN

ĐẠO UYỄN giới thiệu:

*Ngày 26-7-2011, một con đường ở quận Tân Phú (TpHCM), nối đường Lũy Bán Bích với đường Thoại Ngọc Hầu được đặt tên là đường Nghiêm Toản. Sau đây là phần lược ghi tiểu sử của thầy **NGHIÊM TOẢN**, hiệu Hạo Nhiên.*

1907: Sinh ngày 05-3 tại Nam Định.

1928 (1930?): Tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương (Hà Nội).

1931-1936: Vì chống Pháp, bị thực dân đày đi Sơn La, rồi Côn Đảo.

1936-1945: Từ Côn Đảo về, dạy học ở vài trường tư tại Hà Nội.

1949-1954: Dạy văn chương Việt Nam tại trường Cao Đẳng Sư Phạm và Đại Học Văn Khoa (Hà Nội).

1954-1975: Dạy văn học Việt Nam và Trung Hoa tại Đại Học Sư Phạm và Đại Học Văn Khoa (Sài Gòn); làm Trưởng Ban Việt Hán tại Đại Học Văn Khoa (Sài Gòn).

1976: Nghỉ hưu.

1978: tạ thế tại Sài Gòn.

Sách đã xuất bản

1949: *Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu, Tập I*. (Sài Gòn: Nhà sách Vĩnh Bảo, 126 trang.)

1950: *Việt Luận*. (Hà Nội: Sông Nhị.) / 1951: *Việt Luận*. (Hà Nội: Sông Nhị, tái bản lần thứ ba, 214 trang.)

1951: *Luận Văn Thị Phạm*. (Hà Nội: Nhà sách Thế Giới, in lần thứ hai, 230 trang.) / 1969: *Luận Văn Thị Phạm*. (Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí, in lần thứ tám, 256 trang.)

1951: *Mai Đình Mộng Ký* (của Nguyễn Huy Hồ, 1783-1841). Hoàng Xuân Hãn (1908-1996) biên tập và trích dẫn, Nghiêm Toản chú thích. (Hà Nội: Nhà sách Sông Nhị, 62 trang.)

1952: *Thi Văn Việt Nam*. Hoàng Xuân Hãn trích dẫn, Nghiêm Toản chú thích. (Hà Nội: Nhà sách Sông Nhị, 183 trang.)

1958: *Lão Tử Đạo Đức Kinh*. Quốc văn giải thích. (Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí.) / 1959: *Lão Tử Đạo Đức Kinh*. (Sài Gòn: Bộ Quốc Gia Giáo Dục, 286 trang.) / 1970: *Lão Tử Đạo Đức Kinh, quyển I*. Quốc văn giải thích. (Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí, in lần thứ hai, 442 trang.)

1960-1966: *Le Roman des Troi Royaumes*. Bản dịch và chú giải *Tam Quốc Chí* bằng tiếng Pháp. Đồng tác giả: Giáo sư Louis Ricaud. (Paris: Ecole Française d'Extrême Orient / trường Viễn Đông Bác Cổ.) / 1987: Livre 1 (Paris: Flammarion, UNESCO, XLVIII+304 pages.) / 1987: Livre 2 (Paris: Flammarion, UNESCO, 312 pages.) / 1988: Livre 3 (Paris: Flammarion, 292 pages.)

Các bài viết (hay nói chuyện)

1960: *Hồ Tôn Hiến Và Từ Hải*. (Sài Gòn: Đại Học Văn Khoa).

1966: *Mélanges sur Nguyễn Du* (Réunis à l'occasion du bicentenaire de sa naissance, 1765). Ecole Française d'Extrême Orient.

1967: *Kim Kiều Tái Hợp Hay Là Sự Phục Hồi Danh Dự Của Thúy Kiều*. (Sài Gòn.)

1970: *Quelques Aspects de la Littérature vietnamienne*. (Sài Gòn: Collection Aspects Culturels du Vietnam. N° 12. / Sài Gòn: Direction des Affaires culturelles, Ministère d'Etat chargé des Affaires culturelles, sans date, 55 pages.)

1974: *Ngọc Trâm Ký* (truyền kỳ đời Minh của Cao Liêm). *Nguồn Gốc Truyện Phan Trần*. (Sài Gòn: Tập san Khoa Học Nhân Văn, Hội Đồng Quốc Gia Khảo Cứu Khoa Học, Tập II, 40 trang.)

Trong số các học trò thành danh của thầy Nghiêm Toàn có thầy **Lưu Khôn** (sinh năm 1930), từng dạy Hán Văn và Việt Văn tại bốn trường Đại Học Văn Khoa, Sư Phạm, Vạn Hạnh và Minh Đức (ở Sài Gòn) và ba trường Đại Học Cần Thơ, Tiền Giang, Hòa Hảo.

Lưu Khôn là tác giả *Tự Học Chữ Nho* (Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí, 1965, dày 481 trang, bìa cứng). Năm 1991 nhà xuất bản TpHCM in lại sách này nhưng đổi nhan đề thành *Tự Học Chữ Hán: Tiếng Hoa Thực Hành* (481 trang).

Đầu năm 1999, thầy Lưu Khôn viết **NHỚ THẦY CŨ**, một hồi ức nhẹ nhàng, man mác tình sư đệ. Đạo Uyển hân hạnh giới thiệu cùng quý đạo hữu một áng văn hay, để chúng ta có dịp cùng trân trọng một giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc: Đạo nghĩa thầy trò.



Thầy Nghiêm Toàn lúc trẻ

Thầy Lưu Khôn (năm 2013)

Chúng tôi được theo học với cụ Toàn liên tiếp trong hai năm, kể từ năm 1955, tại cả hai trường Cao Đẳng Sư Phạm và Đại Học Văn Khoa Sài Gòn.

Vì trước đã nghe danh Cụ qua bộ *Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu*, mà báo chí trong Nam từng hết lời ca tụng, chúng tôi khắp khởi mừng thầm khi được thọ giáo với Cụ. Làm sao chúng tôi quên được cái giây phút đầu tiên lúc Cụ mới bước vào lớp của chúng tôi. Trong bộ Âu phục tươm tất, với chiếc ô đen và cái cặp da căng phồng trong tay, Cụ đã đến với chúng tôi bằng dáng điệu khoan thai, lời nói ôn tồn và tấm lòng từ ái của một người cha đối với đàn con dại. Cụ còn trông có vẻ ung dung, thanh thản hơn, khi vừa giảng bài, vừa phe phẩy cái quạt giấy. Và trong suốt thời gian chúng tôi theo

học với Cụ, cũng như sau này khi được về dạy trong ban Việt Hán của Cụ tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, cái hình ảnh ấy của Cụ cơ hồ không bao giờ thay đổi.

Người tuy nhu hòa, nhưng lúc nào Cụ cũng làm việc rất nghiêm túc. Cụ luôn luôn đến lớp đúng giờ và không bao giờ bỏ ra về trước giờ. Bài vở Cụ soạn rất chu đáo. Lúc nào trên bàn thầy cũng bày sẵn các phiếu ghi chú, mà những người làm công tác nghiên cứu thường hay sử dụng. Có nghe Cụ giảng bài, mới thấy cách làm việc của Cụ rất có phương pháp. Mỗi chữ, mỗi câu đều được Cụ giải thích tường tận, phân tích chi ly. Chúng tôi thầm phục Cụ có một trí nhớ phi thường. Cụ kể chuyện vanh vách, đọc thơ lâu lâu, còn hơn các nhà hùng biện. Bằng một giọng nói truyền cảm, bằng một vốn kiến thức uyên thâm, thông kim bác cổ, Cụ từng làm say mê biết bao thính giả đã đến dự các buổi nói chuyện của Cụ, nhất là về truyện Kiều, về cái ghen của Hoạn Thư đối chiếu với cái ghen của nhân vật trong kịch phẩm của Racine, một kịch tác gia nổi tiếng của Pháp, thế kỷ thứ 17.

Khi thì trích dẫn một câu thơ Pháp, khi thì nhắc lại lời nói của bậc thánh hiền ngày xưa, Cụ quả là thần tượng của chúng tôi lúc bấy giờ.

Nhưng chúng tôi không chỉ kính phục Cụ vì tài mà còn vì đức nữa. Cụ rất thương học trò, lúc nào cũng sẵn sàng thông cảm và giúp đỡ.

Còn nhớ trong buổi dạy đầu tiên Cụ đã phát cho chúng tôi mỗi người một mẫu giấy để chúng tôi ghi tên tuổi, sinh quán, và lớp học cuối cùng ở bậc trung học. Cụ có vẻ rất ngạc nhiên khi biết chúng tôi sinh trưởng ở đồng bằng sông Cửu Long, và năm tốt nghiệp trung học lại là năm học Khoa Học Thực

Nghiệm tại trường Chasseloup-Laubat. Có lẽ Cụ nghĩ chúng tôi chọn lầm lớp học chẳng, và từ đó Cụ luôn luôn theo dõi để giúp đỡ chúng tôi.

Một kỷ niệm khác nữa là tuy chúng tôi đã đi dạy ở tỉnh xa, nhưng lúc nào cũng được Cụ nhắc nhở đến. Còn nhớ lần đó khi trở về trường để lãnh bằng tốt nghiệp, chúng tôi vô cùng cảm động khi nghe một chị sinh viên chợt nhận ra chúng tôi và buột miệng nói: “Té ra anh đây là người mà thầy Toàn thường nhắc đến trong lớp.” Chị bạn ấy nói không ngoa, vì lúc còn học với Cụ, chúng tôi cũng thường nghe Cụ nhắc đến các môn sinh cũ của Cụ.

Nhắc đến sự giúp đỡ mà Cụ đã dành cho các môn sinh, có lẽ chúng tôi là một trong những người được hưởng ơn huệ của Cụ nhiều nhất.

Bấy giờ là vào cuối năm 1963, chúng tôi đang làm hiệu trưởng tại một trường trung học dưới tỉnh. Ngay sau khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, thì tại các trường trung học lớn ở thủ đô cũng như ở các tỉnh, đã xảy ra phong trào “đả đảo” ban giám hiệu. Chúng tôi chạy về Sài Gòn và được Cụ nhận vào làm phụ khảo trong ban Việt Hán của Cụ. Chính Cụ đã hết lòng hướng dẫn chúng tôi “đứng lớp” tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn.

Cũng chính Cụ đã thông cảm hoàn cảnh khó khăn của gia đình chúng tôi, mà cho phép chúng tôi được đi dạy thêm tại các đại học khác ở thủ đô và các tỉnh.

Đức độ của Cụ còn được thể hiện trong khi đối xử với các môn sinh cũ sau này đã trở thành đồng nghiệp của Cụ. Lúc nào Cụ cũng ân cần nghĩ đến chúng tôi, và điều khiển chúng

tôi vô cùng áy náy là trong lúc xưng hô, Cụ không bao giờ quên dùng ba chữ “Thưa giáo sư”. Phải chăng Cụ đã đem cái “Lễ” mà đối xử với các môn sinh của Cụ, như các bậc hiền triết ngày xưa?

Sau biến cố 30-4-1975, Cụ cũng đến dự các lớp học chính trị tại trường Văn Khoa Sài Gòn, nhưng từ khi trường này sáp nhập chính với trường Khoa Học để trở thành trường Đại Học Tổng Hợp Tp.HCM, thì không thấy Cụ lai vãng đến trường nữa. Thời gian sau đó, thỉnh thoảng chúng tôi có gặp Cụ đi bộ một mình trên đường Đinh Tiên Hoàng vào buổi sáng. Có lẽ Cụ đi bộ dưỡng sinh, cũng như ngày trước, theo phép dưỡng sinh, cứ giữa hai giờ lên lớp Cụ thường lấy trong cặp ra một trái chuối để ăn, và khi ăn xong thì uống một ít nước lọc lúc nào Cụ cũng có mang theo. Nhưng rồi, trong thời gian chúng tôi đưa sinh viên lớp Hán Nôm, Khoa Văn, trường Đại Học Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh đi “thực tế” tại Cao Lãnh, Đồng Tháp, đầu vào năm 19... chúng tôi không còn nhớ rõ, thì được tin Cụ qua đời. Cụ đã vĩnh viễn ra đi trong âm thầm, nhưng gia đình, thân hữu, đồng nghiệp, và môn sinh của Cụ vẫn tiếc thương Cụ, và hậu thế nhất định sẽ không bao giờ quên những công trình đóng góp vô giá của Cụ đối với nền văn học nước nhà. Riêng chúng tôi là học trò của Cụ, lúc nào chúng tôi cũng tưởng nhớ công ơn dạy dỗ của Cụ, và nguyện luôn luôn xứng đáng là học trò của Cụ.

Hôm nay, ngồi viết mấy dòng chữ này, chúng tôi không khỏi bồi ngùi nhớ lại khoảng thời gian được gần gũi Cụ. Bây giờ Cô ở đâu? Anh Hồng và em Ly ở đâu?

LƯU KHÔN
03-01-1999

PHÍA ẤY, DÒNG SÔNG QUÊ

Chiều nay qua sông Hậu
Nhớ sao dòng quê hương
Bồi hồi bao kỷ niệm
Thời thơ trẻ mến thương.

Dù bây giờ khôn lớn
Lầm lũi đường phố xa
Nhiều khi trông mưa xuống
Như thấy bóng quê nhà.

Lại bồi ngùi nhớ mẹ
Bên sông áo bạc màu
Gánh gồng nuôi con trẻ
Đời sông lắm khúc đau.

Chạnh lòng thương người cũ
Lâu rồi chẳng thấy nhau
Nỗi chi đời như nụ
Tầm xuân trong mưa rào...

BỐN CÂU

Vào chùa hỏi đâu cõi thật,
Cách chi dọn dẹp lòng mình?
Mới hay người nơi cửa Phật,
Cũng thầm giấu lệ trong kính.

BÙI THỤY ĐÀO NGUYỄN

ĐẠO NGHĨA BẠN BÈ

THÁI HỮU VÕ

Năm 1927 ông Thái Hữu Võ xuất bản *Phan Thanh Giản Truyện*, 73 trang ruột, in tại nhà in Xưa Nay, số 62-64 boulevard Bonard, Sài Gòn.⁽¹⁾ Đây là nhà in của ông Nguyễn Háo Vĩnh (1893-1941), một bậc sĩ phu Nam Kỳ ái quốc, và là bốn đạo Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh.⁽²⁾

Tháng 8-1927, tại Ba Tri, ông Võ viết *Lời Tựa* cho sách trên. Ngay đầu trang 1, ông tự giới thiệu là tri phủ hạng nhứt hưu trí, thăng hàm đốc phủ sứ. Ông sinh tại làng An Bình Đông, tổng Bảo An, quận Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Năm hai mươi bốn tuổi ông làm cai tổng Bảo An.

Lời văn người xưa ở Nam Kỳ, như ông Thái Hữu Võ chẳng hạn, ngày nay đọc lại tôi thấy chứa nhiều thú vị. Tôi trích lại đây nguyên văn một số trang trong sách ông Võ, giữ nguyên cách ông chấm câu, cách xuống hàng sau mỗi đoạn, chỉ sửa các lỗi chánh tả⁽³⁾ và mấy chữ viết hoa. Chỗ

Huệ Khải chú thích:

⁽¹⁾ Từ năm 1952, số 62 boulevard Bonard là “librairie Khai Trí” của ông Nguyễn Hùng Trương (1926-2005). Kể từ năm 1955 trở đi, boulevard Bonard đổi thành đại lộ Lê Lợi. Cũng do xu hướng Việt hóa các tên gọi tiếng Pháp, “librairie Khai Trí” đổi thành “nhà sách Khai Trí”.

⁽²⁾ Bửu tháp của ông Vĩnh cất tại Trước Tiết Tàng Thơ (ở Thủ Thiêm), nơi ấy đã tiếp bửu kinh *Đại Thừa Chơn Giáo* (1936).

⁽³⁾ Sách in sai chánh tả rất nhiều. Ngay cả nhan đề in sai là *Phan Thanh Giảng Truyện*.

nào cần giải thích, tôi soạn thêm cước chú. Nhan đề bài này (*Đạo Nghĩa Bạn Bè*) do tôi thêm vào.

Nhân đây tôi xin cảm ơn hiền hữu Trần Văn Chánh đã cho mượn bản photocopy trọn quyển sách xưa mà ngày nay thuộc vào loại quý hiếm. Nhờ vậy, chúng ta có được một góc nhìn về bậc hiền nhân Phan Thanh Giản (1796-1867), theo cách nhìn của lớp tiền bối hãy còn khá gần gũi thời đại cụ Phan. (Huệ Khải, 21-8-2018)

[Trang 24] Có một ngày kia ngài đi vắng dân⁽⁴⁾ ngang qua nhà người anh em bạn của ngài tên là Phan Dĩ Thử, ở làng Hanh Thông, con cháu công thần, người này cũng học giỏi, mà không đi thi, nhà nghèo, ở một cái chòi tranh mà chuyên nghề làm ruộng. Khi ngài đến nhà ông đó, ổng mắc đi làm ngoài ruộng, không hay ngài đến, thì ngài nằm đó chờ cho đến tối ông ấy về thấy ngài thì mừng rỡ, rồi lật đật dọn cơm cho ngài ăn, trên mâm chỉ có một đĩa rau luộc và một đĩa mắm kho rồi day lại nói với ngài rằng: «Thưa ngài, ngày nay ngài chẳng nài⁽⁵⁾ khó nhọc giá lâm⁽⁶⁾ đến đây mà viếng tôi, thì tôi rất muôn ngàn cảm tạ, nhưng tôi lấy làm hổ thẹn cho phận tôi là một kẻ hàn vi mạt sĩ,⁽⁷⁾ cái lều cỏ này là một chỗ không xứng đáng mà rước một vị quan đại thần như ngài

⁽⁴⁾ **vãng dân**: Đi tới tận nơi xem xét đời sống dân chúng.

⁽⁵⁾ **chẳng nài**: Không quản ngại.

⁽⁶⁾ **giá lâm** 駕臨: *Giá* là từ xưng hô tôn trọng người đối diện (cũng như chữ *ngài*). *Lâm* là nói người bề trên cao sang mà hạ mình đi xuống gặp kẻ dưới.

⁽⁷⁾ **hàn vi** 寒微: Nghèo hèn. **mạt sĩ** 末士: Kẻ tầm thường, thấp kém (lời nói khiêm tốn, hạ mình).



Chân dung ngài
Phan Thanh Giản in
trong tạp chí
*La Dépêche coloniale
illustrée*
Nguồn:
Nguyễn Văn Dân,
Vĩnh Long Nhân Vật Chí.
Sài Gòn: Imprimerie
Việt, tháng 8-1925.

vậy, và bữa cơm rau này cũng chẳng phải là vật thực của kẻ có tước phẩm triều đình, mà nếu ngài không chê rằng nghèo hèn thì xin ngài vui lòng dùng cùng tôi một bữa, đàm bạc lấy thảo.»

[Trang 25] Ngài nghe ông ấy nói như vậy thì đáp lại rằng: «Cái phẩm tước ấy là để mà châu chực nơi chốn triều đình, và để mà võ trị ⁽⁸⁾ trong hàng dân dã, chứ lẽ nào dùng cái

⁽⁸⁾ **võ trị**: Võ an và cai trị.

phẩm tước ấy mà khoe với thân tộc họ hàng, và cũng chẳng phải đem nó ra mà dùng với người thân bằng cố hữu.⁽⁹⁾ Nay ông là kẻ cố hữu của tôi trong lúc tiền niên,⁽¹⁰⁾ dẫu rằng vách lá lều tranh, nhà cửa ông hẹp, tiền bạc ông nghèo, nhưng mà cái tình nghĩa cố giao ⁽¹¹⁾ của tôi với ông dầu cho ngàn năm cũng không nghèo đặt, vả lại xưa có câu rằng: Bần tiện chi giao mạc khả vong! ⁽¹²⁾ Nay tôi đến đây mà ăn một bát canh rau cùng ông, tôi tưởng quý hơn là một mâm cao lương của người giàu có, xin ông chớ ngại.» Ông kia nghe nói thì mỉm cười ⁽¹³⁾ rồi đáp rằng: «Bên Trung Quốc hồi đời Hán, có ông Tống Hoảng, chẳng dè Việt Nam ta ngày nay cũng có một ông Tống Hoảng nữa là quan lớn đó vậy.»

THÁI HỮU VÕ

⁽⁹⁾ **thân bằng** 親朋: Họ hàng (*thân*) và bè bạn (*bằng*). **cố hữu** 故友: Bạn cũ.

⁽¹⁰⁾ **tiền niên** 前年: Năm kia.

⁽¹¹⁾ **cố giao** 故交: Bạn cũ (cũng như *cố hữu*).

⁽¹²⁾ Đời Đông Hán, Tống Hoảng 宋弘 làm quan được vua Quang Vũ rất quý trọng. Chị vua là Hồ Dương góa chồng. Khi nghe chị khen ngợi Tống Hoảng, vua muốn chị cưới Tống Hoảng dù ông ấy đã có vợ. Vua vời Tống Hoảng vào gặp để dọ ý, nên hỏi khéo: “Trẫm nghe nói *Quý dịch giao, phú dịch thê* 貴易交, 富易妻. (Sang đổi bạn, giàu đổi vợ.) Nói thế là ý gì?” Tống Hoảng đáp: “Thần nghe nói *Bần tiện chi giao bất khả vong, tao khang chi thê bất hạ đường*. 貧賤之交莫可忘, 糟糠之妻不下堂. (Bạn bè kết giao lúc nghèo hèn chớ quên, vợ cưới lúc đói rách không thể hắt hủi.) Vua hiểu ý, không dám bảo ông cưới chị mình.

⁽¹³⁾ **mỉm cười**: Mỉm cười.

VỀ MỘT SỐ ĐỊA DANH GỐC CHĂM Ở TRUNG BỘ

NGUYỄN THANH LỢI

Nghiên cứu địa danh là vấn đề rất lý thú và cũng không kém phần phức tạp. Địa danh học (*toponymy*) nghiên cứu nguồn gốc, cấu tạo, ý nghĩa và sự biến đổi tên địa lý. Nó là bộ môn nghiên cứu của ngôn ngữ học, song lại đòi hỏi kết quả nghiên cứu liên ngành của ngôn ngữ, địa lý, lịch sử, dân tộc học, khảo cổ học, văn hóa học... Nghiên cứu địa danh Chăm ở nước ta lâu nay gần như chưa có những chuyên khảo riêng biệt. Bài viết này đưa ra một số “thông tin dữ kiện” ban đầu, nhằm giúp thêm vào việc tìm hiểu, nghiên cứu các địa danh gốc Chăm, vốn còn ít thành tựu. Qua đây, cũng thấy được sự giao thoa giữa hai nền văn hóa Chăm-Việt về mặt ngôn ngữ, lịch sử.

CÀ NÁ

Trong tiếng Chăm, *Kana* có nghĩa là “đá nổi lờm chờm”. Âm tiết *Ka* trong tiếng Chăm rất dễ chuyển thành *Cà* trong tiếng Việt: *Kajaung* → *Cà Dòn* (vùng), *Katew* → *Cà Tiêu* (đập), *Kaduk* → *Cà Đú* (núi)... Bờ biển Cà Ná trước kia là nơi nghỉ mát của các vua Chăm, nay là cánh đồng muối nổi tiếng nhất nước, sản lượng có lúc đạt đến 50.000 tấn/năm. Đây cũng là điểm du lịch hấp dẫn của Ninh Thuận với cảnh đẹp như tranh, những tảng đá trắng nhấp nhô chen lẫn giữa làn nước biển trong xanh như ngọc bích.

Nguyễn Đình Tư trong sách *Non Nước Ninh Thuận* cho biết dãy núi Đèo Cả (629m), có ngọn Hòn Mây (220m) đâm thẳng ra biển. Dãy núi này là một cánh tay của dãy Păng Đà Rằng [*Pan Darang*, NTL chú thích]. Trong tiếng Chăm, *Păng Đà Rằng* có nghĩa là “quốc hiệu Đà Rằng”, tức là quốc hiệu của Chiêm Thành.

Do đó, mũi đá đâm ra biển này người Pháp dịch là *cap Pandarang* và dân địa phương gọi là *mũi Dinh*. Tác giả cũng ngờ rằng mũi Dinh là do chữ “Dinh Ông” mà ra (tại Sơn Hải, cách mũi Dinh 5km có đền thờ thần Sóng Biển *Po Riyak*, tức thần Cá Voi). Mũi Dinh còn có tên gọi khác là mũi Điện, do có ngọn hải đăng Mũi Dinh được xây dựng từ năm 1887 đến nay vẫn còn hoạt động.⁽¹⁾

CAM RANH

Có tác giả cho rằng địa danh Cam Ranh nghĩa là “vùng nước cạn”, xem ra giả thuyết này không được thuyết phục. Chúng ta đều biết Cam Ranh là một vịnh sâu, kín gió và cảng Cam Ranh là một trong những cảng biển có điều kiện thiên nhiên tốt nhất thế giới, chỉ đứng sau cảng San Francisco (Mỹ) và cảng Rio de Janeiro (Brazil). Năm 1905, cảng này từng đón một lúc cả một hạm đội của Nga gồm một trăm bốn mươi tàu chiến và tàu vận tải do đô đốc Nga Rojestvensky vào trú ngụ và tiếp tế binh lương.

Tác phẩm *Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư* do Đỗ Bá, tự Công Đạo ở Bích Triều, Thanh Giang, soạn vào khoảng những năm

⁽¹⁾ Nguyễn Đình Tư, *Non Nước Ninh Thuận*. Sài Gòn: Nxb Sống Mới, 1974, tr. 52-53.

1630-1653. Sách gồm bốn quyển, mỗi quyển có một số bản đồ về sông núi, quán xá, cầu đò, đường thủy bộ, cửa biển... từ Thăng Long đến Chiêm Thành. Ở đoạn nói về sự kiện vua Lê Thánh Tông chinh phạt Chiêm Thành vào năm 1471, lập ra đạo Quảng Nam (gồm Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay), ông cho sai khắc bài thơ vào núi Đá Bia (Phú Yên), chúng ta thấy địa danh Cam Ranh được ghi lại dưới tên gọi *Cam Ranh Môn* – cửa biển Cam Ranh.⁽²⁾

Địa danh Cam Ranh cũng được ghi lại trong bài *Hải Môn Ca*, bài thơ Nôm khuyết danh viết vào khoảng thời các chúa Nguyễn, một tài liệu quý về địa lý học Việt Nam và được trích lại trong sách *Thông Quốc Duyệt Cách Hải Chử*,⁽³⁾ bản chép tay của Viện Khảo Cổ Sài Gòn,⁽⁴⁾ Bửu Cầm dịch và giới thiệu. Trong đó có chú thích về địa danh này: Cam Ranh, tên một cửa biển ở phía đông huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa:

Cam Ranh cửa ải lênh lang ⁽⁵⁾
Thủy Ba canh trót, đi đàng năm canh.

Về *Các Lái* (Hát vô) hay còn gọi là *Về Thủy Trình*, một tác phẩm văn học dân gian có giá trị về nhiều mặt: địa lý, lịch sử, thủy văn, phương ngữ... của dân đi ghe bầu Bắc-Nam, được sáng tác vào khoảng đầu thế kỷ 19, đã ghi nhận địa danh này:

⁽²⁾ Bửu Cầm và những người khác, *Hồng Đức Bản Đồ*. Sài Gòn: Bộ Quốc Gia Giáo Dục, 1962, tr. 100.

⁽³⁾ **chử** 渚: Bãi bờ (*bank*); đảo nhỏ (*islet*). **giang chử** 江渚: Bến sông. [Đạo Uyển chú]

⁽⁴⁾ *Văn Hóa Nguyệt San*, tập XIII, quyển 9. Sài Gòn: tháng 9-1964, tr. 1.154.

⁽⁵⁾ **lênh lang**: (Từ Việt cổ) lênh láng, minh mông. [Đạo Uyển chú]

Chục đèn ngó xuống chĩnh ghê ⁽⁶⁾
Ngó về Hòn Tý dựa kê Cam Linh.

Trong sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* cũng nhắc đến địa danh này với các tên gọi: cửa biển Cam Ranh, tấn Cam Ranh, biển Cam Ranh.

Sách *Lịch Sử Đảng Bộ Huyện Cam Ranh Thời Kỳ 1930-1975* thuật lại sự kiện liên quan đến nguồn gốc địa danh Cam Ranh như sau: Năm 1800, quân Tây Sơn do hai tướng Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng cầm đầu, vây thành Quy Nhơn. Quân của Nguyễn Ánh do tướng Lê Văn Duyệt và Võ Di Nguy đem quân ra cứu thành, đánh nhau với quân Tây Sơn ở cửa Thị Nại, do bất lợi vì gió bão nên quân của chúa Nguyễn phải rút về vịnh Cam Ranh. Hai bên đánh nhau gần một năm trời để giành vùng vịnh. Năm 1802, sau khi lên ngôi, vua Gia Long cho lập một ngôi miếu tại chân hòn Phụng (làng Cam Linh sau đổi tên thành làng Cam Ranh), đổi địa danh Cam Hồ thành Cam Ranh (sự tranh chấp về hồ nước ngọt).⁽⁷⁾

Theo sách này, nguồn gốc địa danh Cam Ranh được giải thích theo hai cách. Một là, Cam Ranh là tên của một vị tướng Chân Lạp đã từng chiếm đóng Cam Ranh trong bốn năm giữa thế kỷ 12 trong khi chống với quân Chiêm Thành, ông tên là *Cankana*, phiên âm tiếng Việt thành Cam Ranh. Hai là, Cam Ranh từ địa danh Cam Hồ đổi thành Cam Linh (hồ nước ngọt linh thiêng), người Pháp đọc thành Cam Ranh. Ngôi miếu ở

⁽⁶⁾ **chục**: Vững nhỏ dựa gành, ghe thuyền có thể vào núp, tránh bão. **chĩnh ghê**: (Từ Việt cổ) rất đáng sợ, rất ghê gớm. [Đạo Uyển chú]

⁽⁷⁾ Huyện Ủy Cam Ranh, *Lịch Sử Đảng Bộ Huyện Cam Ranh Thời Kỳ 1930-1975*. Khánh Hòa: 1994, tr. 20-21.

làng Cam Linh cũ đến nay vẫn còn [*thành phố Cam Ranh hiện nay vẫn còn địa danh phường Cam Linh*. NTL chú thích].

Sách này còn cho biết, năm 1939 Pháp biến làng Cam Ranh thành căn cứ hải quân. Vào năm sau, khi xây dựng xong các công trình, chúng đuổi một số dân trong phạm vi khu quân sự. Ông Trương Giỏi cùng trên tám mươi người qua lập làng mới ở Đá Dổi (Đá Bạc), lấy tên làng cũ là Cam Linh.

Chúng tôi cho rằng thuyết thứ hai đã nêu trên có cơ sở thực tế hơn. *Đại Nam Nhất Thống Chí, Tỉnh Khánh Hòa*, có đoạn mô tả về cửa biển Cam Ranh: Núi Thạnh Đức ở phía đông nam huyện Vĩnh Xương 88 dặm. Trước kia tên núi là Đông An, năm Tự Đức 15 (1862) đổi lại tên này. Mạch núi từ núi Hoàng Ngưu [*núi Đồng Bò*, NTL chú thích] trải qua một dãy bãi cát, nối liền bờ biển rồi chạy xiên về phía nam, đột khởi lên một ngọn núi cao che kín cửa biển Cam Ranh. Quanh núi này bày ra những động cát trùng điệp, một cái hồ ở dưới chân núi, nước rất trong mà phẳng lặng, tục danh là Tương Trì. Phía tây núi này nứt ra một núi nhỏ che cửa gọi là hòn Lang (Lang Dự), phía nam nứt ra một núi nhỏ che cửa biển gọi là hòn Tranh (Tranh Dự), ở đây có dân cư. Phía đông nam cũng nứt ra một núi gọi là hòn Khô (Khô Dự), ở phía bắc có cửa biển nhỏ, ngoài cửa biển ấy có các đảo nhỏ là hòn Trong, hòn Ngoài (Nội Dự, Ngoại Dự).⁽⁸⁾

Các tài liệu địa chất cũng cho biết, ngay trên bán đảo Cam Ranh có một hồ nước ngọt thiên nhiên với trữ lượng thường

xuân khoảng 16.000m³, nằm ngay trên ngọn núi có tên là Ao Hồ, dưới chân núi hình thành làng Cam Linh xưa.

Như vậy, *Kamlin* (Chăm); Cam Hồ, Cam Lân, Cam Linh, Cam Ranh (Việt) đều là một địa danh chỉ vùng đất có “hồ nước ngọt linh thiêng”,⁽⁹⁾ nay thuộc địa bàn thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

NHA TRANG

Nha Trang là một địa danh bắt nguồn từ tiếng Chăm *Ýa Trang* (xứ Nha Trang, sông lau). Một số nhà nghiên cứu đã đưa ra cách giải thích về địa danh Nha Trang bắt nguồn từ tiếng Chăm như: *ýa krum* nghĩa là sông tre (A. Cabaton), *ýa trăh* nghĩa là “chỗ hai dòng nước gặp nhau” (Nguyễn Khắc Ngữ), *ýa trang* nghĩa là “sông lau” (Thái Văn Kiểm, Quách Tấn, Nguyễn Đình Tư).

Tự Điển Chăm-Việt-Pháp của Moussay ghi nhận về địa danh này như sau:

Trang: cây lau. / *Ýa*: nước. / *Paley Ýa Trang*: xứ Nha Trang (*pays de Nhatrang*).⁽¹⁰⁾

Thành tố *ýa*, *ea* trong ngữ hệ Mã Lai-Đa Đảo (*Malayo-Polynésien*) có nghĩa là “nước”, đôi khi là “sông”, “suối”. *Ýa*, *yaa* hay *ea* là theo cách phiên âm của người Pháp. Mặt khác, khi chuyển đổi ngữ âm từ địa danh Chăm sang địa danh Việt, *ýa* biến âm thành *nha*, nên *Ýa Trang* → *Nha Trang*. Tương tự,

⁽⁸⁾ Cao Xuân Dục, Lưu Đức Xứng, Trần Xá, *Đại Nam Nhất Thống Chí, Tỉnh Khánh Hòa*, bản in Duy Tân 1909. Sài Gòn: Nha Văn Hóa, 1964, tr. 82.

⁽⁹⁾ **Cam** 甘 là ngọt. [Đạo Uyển chú]

⁽¹⁰⁾ Gerard Moussay và các cộng sự, *Tự Điển Chăm-Việt-Pháp*. Phan Rang: Trung Tâm Văn Hóa Chăm, 1972, tr. 475.

chúng ta có các địa danh *Ýa Cheh* → Nhà Xé, *Ýa É* → Nhà É, *Ýa Hwa* → Nhà Hoa.

Tóm lại, địa danh Nha Trang bắt nguồn từ *Ýa Trang* để chỉ con sông Cái, sau được dùng để gọi rộng ra cả vùng đất.

SÔNG DINH

Sông Dinh còn gọi là sông Cái hay sông Phan Rang, dài khoảng 100km, bắt nguồn từ sông Tô Hạp thuộc địa phận huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. Đoạn sông Cái mang tên sông Dinh vì nó chảy qua thôn Kinh Dinh, tỉnh lỵ Phan Rang (nay là phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận). Sông Dinh còn gọi là sông Mai Nương (*Đại Nam Nhất Thống Chí*), phiên âm theo tiếng Chăm. Trước đây có ngôi làng mang tên Mai Nương nằm bên hữu ngạn sông Dinh, nay thuộc xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Người Chăm gọi sông Cái là *krong Prong* và đập Nha Trinh là *panur Pacha*.⁽¹¹⁾

Con sông Dinh còn có các tên khác là *krong Pinh*. *Krong* trong tiếng Chăm nghĩa là sông, chẳng hạn *krong Pha* là sông Pha. Âm *Pinh* có thể chuyển thành âm *Dinh*. Dinh là đơn vị hành chính và quân sự ở Đàng Trong thời các chúa Nguyễn, sông Dinh là con sông chảy ngang lỵ sở của dinh. Quảng Nam có dinh trấn Thanh Chiêm; Quảng Bình có Dinh Trại là lỵ sở của dinh Quảng Bình; dinh Bình Khang (Khánh Hòa) có con sông Dinh (thị xã Ninh Hòa); gần dinh phủ Phước Tuy (thành phố Bà Rịa) có các địa danh núi Dinh, sông Dinh, chợ Dinh.

⁽¹¹⁾ Gerard Moussay và các cộng sự, *Sách đã dẫn*, tr. 488, 490.

PHAN RÍ

Thị trấn Phan Rí Cửa thuộc huyện Tuy Phong (tỉnh Bình Thuận), nằm ở cửa sông Lũy, trông ra vịnh cùng tên. Con sông chảy qua thị trấn này gọi là sông Lũy hay sông Man Rí (gần âm với Phan Rí), tương truyền là nơi các vua Chiêm Thành xây dựng thành lũy, có lẽ vì vậy mà mang tên sông Lũy? Ở huyện Bắc Bình ngày nay vẫn còn địa danh xã Phan Rí Thành, quốc lộ 1A cắt địa bàn xã và con sông Lũy cũng chảy ngang qua đây, đổ ra cửa Phan Rí.

Phan Rí xưa là thủ phủ của phong ấp Tân Đà La (*Pin To Lo*) với bộ tộc thuộc dòng cây Cau (*clan de l'Aréquier*) làm chủ ở phía Nam (*Panduranga*) thường xung đột với bộ tộc thuộc dòng cây Dừa (*clan du Cocotier*) ngự trị ở miền Bắc (*Indrapura*) trong vương quốc Chăm-pa.

PHAN RANG

Địa danh Phan Rang (cũng gọi là Phan Lang) được phiên âm từ *Panrang*, *Pandurangga*, *Pandarang*, *Phun Darang*, *Prang darang*.⁽¹²⁾ Có ý kiến cho rằng Phan Rang chính là tên rút gọn của *Păng Turǎngka*, tên của vùng đất cũ, nơi có nhiều đền tháp cổ kính và là kinh đô cuối cùng của vương quốc Chăm-pa. Giả thuyết này có yếu tố hợp lý, phù hợp với quy luật tiết kiệm ngôn ngữ, rút gọn từ bốn âm tiết còn hai âm tiết.

Pandarang ghi theo âm Hán-Việt là *Bôn Đà Lãng* chứ không phải *Bồn Đà Lãng* như đã có tác giả viết. Địa danh này

⁽¹²⁾ Bùi Khánh Thế (chủ biên), *Từ Điển Chăm-Việt*. Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1995, tr. 419.

lần đầu tiên được nhắc đến trong thư tịch với sự kiện cột đồng Mã Viện:

“Sách *Thủy Kinh Chú* của Lịch Đạo Nguyên chép rằng Mã Văn Uyên (Mã Viện tên tự là Văn Uyên) dựng cái mốc đồng để làm giới hạn cuối cùng của đất phía Nam Trung Hoa. Mốc đồng ấy tức là cột đồng. Theo *Tùy Sử*, Lưu Phương khi đi đánh Lâm Ấp [*Chiêm Thành*, NTL chú thích], qua cột đồng của Mã Viện, đi về phía nam tám ngày thì đến quốc đô Lâm Ấp. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-820) đời Đường, An Nam đô hộ sứ là Mã Tổng lại lập hai cột đồng ở chỗ Mã Viện dựng cột đồng trước đó, để tỏ ra mình là dòng dõi con cháu Phục Ba (Phục Ba tướng quân Mã Viện). Theo sách *Thông Điển* của Đỗ Hữu, từ nước Lâm Ấp đi về phía nam, đi thủy, đi bộ hơn hai ngàn dặm đến đây có nước Tây Đồ Di là chỗ Mã Viện dựng cột đồng để nêu địa giới. Theo sách *Tân Đường Thư*, ở châu Bôn Đà Lãng của Lâm Ấp, phía nam là năm bãi lớn, có núi “cột đồng” (đồng trụ sơn), hình núi như cái lọng dựng nghiêng, về phía nam có nhiều núi đá, phía đông là biển lớn. Cột đồng do Mã Viện dựng lên”.⁽¹³⁾

ĐÀ NẴNG

Địa danh Đà Nẵng xuất hiện lần đầu tiên là trong *Ô Châu Cận Lục* do Dương Văn An soạn vào năm 1553: “Đền thờ Tùng Giang tại biển Tư Khách, huyện Tư Vinh và tại cửa biển Đà Nẵng xứ Quảng Nam”.⁽¹⁴⁾ Sách chép lại sự kiện Nguyễn

⁽¹³⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, Tập 1, Viện Sử Học dịch. Hà Nội: Nxb Giáo Dục, 1998, tr. 116-117.

⁽¹⁴⁾ Dương Văn An nhuận sắc và đề tựa, *Ô Châu Cận Lục*. Trần Đại

Phục vận chuyển binh lương phục vụ cho cuộc chinh phạt Chiêm Thành vào năm 1470 của vua Lê Thánh Tông và cho biết Nguyễn Phục cũng bị giết vào năm này ở Đà Nẵng. Vậy có thể đoán định địa danh Đà Nẵng phải có trước năm 1470.

Thái Văn Kiểm trong một bài viết cho rằng địa danh Đà Nẵng bắt nguồn từ tiếng Chăm, *Đà* là “sông”, *Nặng* là “lớn”. Đà Nẵng có nghĩa là “sông lớn”. Người Trung Hoa đọc là *Tu Nặng*.⁽¹⁵⁾

Địa danh Đà Nẵng được ghi trong các bản đồ cổ vẽ từ thế kỷ 16 như *An Nam Hình Thẳng Đồ*, *An Nam Thông Quốc Toàn Đồ*. Cũng có bản đồ ghi thiếu nét hoặc viết nhầm thành *Đà Nông*. Nguyên văn trong bài *Hải Môn Ca* viết là Đà Nông. Thực ra, Đà Nông chính là tên một cửa biển ở xã Phú Lạc, phủ Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (*Đại Nam Nhất Thống Chí*).

Theo Lam Giang, địa danh Đà Nẵng nguyên bắt nguồn từ tiếng Chăm *Hang Danak* là “bờ biển buôn bán”. Còn *Danak* hay *Darak* nghĩa là “sông lớn”, tức sông Hàn “mà sông lớn thì cố nhiên việc thủy vận tiện lợi, buôn bán phồn thịnh”.⁽¹⁶⁾

Từ điển Chăm-Việt ⁽¹⁷⁾ giải thích nghĩa *darak* là “biển”. Từ *hang* được chú là “bờ”, *hang krong* là “bờ sông”.⁽¹⁸⁾ Chúng tôi không tìm thấy từ *Hang Danak* hay *Hãng Danak* với ý nghĩa

Vinh và Hoàng Văn Phúc hiệu đính, dịch chú. Huế: Nxb Thuận Hóa, 2001, tr. 97.

⁽¹⁵⁾ Tạp chí *Sáng Tạo Miền Nam*. Sài Gòn, tháng 01-1961.

⁽¹⁶⁾ Lam Giang, *Trần Quý Cáp Và Tư Trào Cách Mạng Dân Quyền Đầu Thế Kỷ XX*, Sài Gòn: Nxb Đông Á, 1971, tr. 89-90.

⁽¹⁷⁾ Bùi Khánh Thế (chủ biên), *Sách đã dẫn*, 1995, tr. 339.

⁽¹⁸⁾ Gerard Moussay và các cộng sự, *Sách đã dẫn*, tr. 96.

là “bờ biển buồn bán” hay “dải đất do biển rút cạn để lộ ra” trong hai cuốn từ điển trên, kể cả *Từ Điển Việt- Chăm*.⁽¹⁹⁾

Ở vùng đất này còn có những địa danh có ngữ âm tương tự, nằm trong cùng một hệ thống địa danh mà ta có thể suy đoán từ gốc Chăm như Đà Sơn, Đà Ly, An Nông, Nông Sơn, Sông Đà...⁽²⁰⁾

Như vậy, có thể tạm kết luận, địa danh Đà Nẵng là sự Việt hóa âm đọc từ địa danh gốc Chăm *Danak*.

Còn về địa danh *Hàn*, trước nay nhiều ý kiến đều cho rằng bắt nguồn từ gốc Chăm là *Hăng* để chỉ vùng đất Đà Nẵng.⁽²¹⁾ Theo chúng tôi, nhận định như vậy chưa được thỏa đáng.

Trong luận văn cao học sử *Lịch Sử Đà Nẵng* được bảo vệ tại Trường Đại Học Văn Khoa Huế trong những năm 1970, Võ Văn Dật đã đưa ra những kiến giải đáng chú ý về địa danh *Hàn*. Ông cho rằng, danh xưng *Hàn* không phải có nguồn gốc thuần túy Việt Nam: “Người Việt Nam đã nghe người Tàu gốc Hải Nam phát âm hai tiếng *Hiện Cảng* ra *Hàng Cảng* rồi mô phỏng và Việt hóa thành ra danh xưng *Hàn*”. Người Chăm gọi vùng đất này là *Darak* hay *Danak*, từ đó Việt hóa thành *Đà Nẵng*. Người Hoa (Hải Nam) gọi là *Hành Cảng* hay *Hàn Cảng*, từ đó Việt hóa và rút gọn thành *Hàn*. Từ đó, ông đưa ra ba câu hỏi cần giải đáp:

⁽¹⁹⁾ Bùi Khánh Thế (chủ biên), *Từ Điển Việt-Chăm*. Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1996.

⁽²⁰⁾ Huỳnh Công Bá, *Bàn Thêm Về Nguồn Gốc Của Địa Danh Đà Nẵng*. Tạp chí *Nghiên Cứu Lịch Sử*, số 3, 1996, tr. 71.

⁽²¹⁾ Dương Xuân Thượng, *Dấu Ấn Chăm Qua Vài Địa Danh*, Tạp chí *Thế Giới Mới*, số 506, 507, (30-9 và 01-10-2002).



Cảng Đà Nẵng thế kỷ 18



▲ Cánh buồm ở Đà Nẵng
◀ Phụ nữ Đà Nẵng chèo thuyền

Ảnh mượn từ *Đàng Trong Thời Chúa Nguyễn*, Nguyễn Duy Chính dịch, trích từ *A Voyage to Madagascar and the East Indies* (tr. 381-414). Nguyên tác tiếng Pháp (*Voyage à Madagascar, a Maroc et aux Indes Orientales*, 1768) của Alexis Rochon (Ủy Viên Hàn Lâm Viện Khoa Học Paris) và Peterburgh (nhà thiên văn gia Hải Quân kiêm quản thủ Thư Viện Triết Học của Hoàng Đế Pháp, thanh tra cơ khí và hóa tể...). Bản dịch tiếng Anh của G.G.J. và J. Robinson (London: Paternoster-Row, 1792).

Tại sao đã có địa danh Đà Nẵng lại còn đặt thêm địa danh Hàn (nếu cho rằng Đà Nẵng có trước và ngược lại? Tại sao danh xưng này chỉ mô phỏng theo cách phát âm của người Hoa Hải Nam mà không phải là người Trung Hoa ở các tỉnh khác? *Danak* hay *Darak* thì thành Đà Nẵng, còn tại sao *Hành Cánh* hay *Hàn Cánh* thì rút gọn thành Hàn thôi? Ông cũng đưa ra sự giải thích.

Thứ nhất, người Trung Hoa đã có quan hệ giao thương với vùng Quảng Nam này trước cả người Việt (trước năm 1306). Người Trung Hoa đã biết đến Đại Chiêm (Hội An) qua danh xưng Lư Dung thì cũng đã biết đến Đà Nẵng mà họ đặt tên là Hiện Cảng. Nếu một người Việt đến định cư sinh sống ở vùng đất này hỏi một người Hoa đến trước đó thì biết tên gọi vùng đất này là Hàn, còn hỏi người Chăm thì biết thêm tên Đà Nẵng với âm gốc *Danak*. Hiện tượng một địa phương có nhiều tên gọi không phải là cá biệt. Chẳng hạn, địa danh Mô Xoài (Bà Rịa) có tới mười một cách gọi: Mô Xoài, Mô Xoài, Mỗ Xuy, Mũi Xoài, Mũi Xôi, Mũi Xuy, Mũi Xúy, Mọi Xoài, Mỗ Xoài, Mộ Xoài, Mô Xui.⁽²²⁾

Thứ hai, ở các tỉnh miền Trung, từ Thừa Thiên đến Quảng Ngãi, trong số người Hoa đến làm ăn lập nghiệp đa số là người Hải Nam. Hải Nam là một đảo lớn nằm về cực nam Trung Hoa, gần phía đông vịnh Bắc Bộ, cách đều các tỉnh miền duyên hải từ Móng Cái đến Quảng Nam. Khoảng cách từ cực nam đảo này đến Đà Nẵng chỉ khoảng 270km theo đường thẳng. Do tính chất hải đảo nên họ càng có nhu cầu

liên lạc, mua bán với chính quốc và lân bang. “Vì sự có mặt đông đảo đó, nên người Việt khi mới bước chân đến vùng tân thổ dễ dàng gặp người Hải Nam trước hết và qua người Hải Nam, người Việt biết được Hành Cảng, Hàn Cảng của địa danh Hiện Cảng”.⁽²³⁾

Thứ ba, khi người Hải Nam phát âm hai tiếng Hiện Cảng, chữ Hiện thường được nhấn mạnh hơn chữ Cảng, do đó có thể người Việt đã chú ý nhiều đến chữ Hành và Hàn hơn là chữ Cảng.

Mặt khác, người Việt có khiếu thẩm âm rất nhạy bén, nên khó có khả năng duy trì tiếng Cảng sau chữ Hàn để tạo thành cái đuôi nặng nề, khó nghe. Do đó, từ Hành Cảng, Hàn cảng chỉ còn lại Hàn.

Ban đầu những lớp người Hoa đầu tiên đến đây chỉ phát âm danh xưng Hành Cảng, Hàn Cảng mà ít chú ý đến tự dạng. Về sau khi đã biết mặt chữ của Hành Cảng là Hiện Cảng những đã quen đọc theo quán tính nên khó sửa.

Chữ Hiện trong tiếng Hán có nghĩa là “con hến” hoặc “núi nhỏ mà hiểm”.⁽²⁴⁾ Điều này đã lý giải được hình dạng của núi Sơn Trà (núi Tiên Sa) giống như con hến và rất dễ nhận biết ngay từ ngoài khơi biển Đà Nẵng.

Hồng Đức Bản Đồ, mục Quảng Nam Thừa Tuyên Sơn Xuyên

⁽²³⁾ Võ Văn Dật, *Lịch Sử Đà Nẵng*. Tiểu luận cao học Sử, Trường Đại Học Văn Khoa Huế, Viện Đại Học Huế, 1974, tr. 36.

⁽²⁴⁾ **hiện** 蜆: Con hến (*Cyclina orientalis*), viết với bộ trùng 虫. **hiện** 峴: Núi nhỏ mà hiểm trở (*steep hill*), viết với bộ sơn 山. [Đạo Uyển chú]

⁽²²⁾ Lê Trung Hoa, *Tìm Hiểu Nguồn Gốc Địa Danh Nam Bộ Và Tiếng Việt Văn Học*. Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 2005, tr. 134-135.

Hình Thế Chi Đồ (1490) ghi *Hàn Môn* (cửa Hàn) và *Bình Nam Đồ* của Đoàn Quận Công Bùi Thế Đạt (1744) ghi *Hàn Thị* (chợ Hàn). Ca dao địa phương xưa có câu:

*Từ ngày Tây lại cửa Hàn
Đào sông Cầu Nhí, đắp đàng Bông Miêu.*

Thành phố Tourane là tên của một đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Quảng Nam, chính thức thành lập ngày 24-5-1899. Trong các bản đồ, sách vở, ghi chép của các thương nhân và giáo sĩ phương Tây từ thế kỷ 16, 17, 18 đã thấy nhắc đến những địa danh như *Turon*, *Toron*, *Taraon*, *Touan*, *Touane*, *Touron*, *Turson* và *Tourane*. Năm 1615, linh mục Buzumi đã đến Đà Nẵng và gọi nơi này là *Port de Kéan* (có lẽ do chữ Hán mà ra). Christophoro Borri đến Đà Nẵng năm 1616, sau đó viết trong sách *Xứ Đàng Trong* năm 1621 đã gọi Đà Nẵng là *Touron*. Ông viết về thủ phủ Quảng Nam, trong đó có đề cập đến địa danh Touron: “*Cacciam* là thị trấn có chúa đóng ở đó, cách xa *Touron* độ sáu bảy dặm (*lieues*) nếu đi theo đường sông.”⁽²⁵⁾

Năm 1624, Alexandre de Rhodes đến Đàng Trong, từng lui tới *Turon* (Đà Nẵng) nhiều lần. Trong các bản đồ của ông, vị trí của Đà Nẵng được ghi là *Cuahancu Choan cu Turon* hoặc *Cuaran*. Trong bản đồ châu Á do Sanson d’Abbeville vẽ năm 1652, Đà Nẵng được ghi là *Turaon*.

Những địa danh *Cuahan*, *Porte de Kéan*, *Turon*, *Turson* đều nhanh chóng bị biến mất. Đến nửa sau thế kỷ 18 chỉ còn sót lại *Touron* và phổ biến nhất là *Tourane*.

⁽²⁵⁾ Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam Đất Nước & Nhân Vật*, Hà Nội: Nxb Văn Hóa Thông Tin, 2001, tr. 40.

Trong bản đồ Đông Dương do Prévost vẽ năm 1752, vịnh Đà Nẵng được ghi là *Baie de Touron*. Trong lá thư của Chavallier, thống đốc Chandemagor gửi cho toàn quyền Pháp tại Pondichery, đề ngày 12-2-1778, Đà Nẵng được gọi là *Touron*.

G. Cordier trong *Cours de Langue annamite* đã giải thích về nguồn gốc chữ *Tourane*: “*Tourane*, theo một vài người là nói trại chữ *Châu Ranh*; theo một vài người khác là nói trại chữ Đà Nẵng mà người Trung Hoa ở Hải Nam phát âm thành *Tounan*, còn người bản xứ gọi là Cửa Hàn”.

Khi đề cập đến địa danh Đà Nẵng, Tân Việt Điều (Thái Văn Kiểm) viết: “Đà Nẵng gốc tiếng Chăm: Đà là “sông nước”, Nẵng là “già” [*ở đoạn trên Thái Văn Kiểm lại giải thích Đà Nẵng là “sông lớn”, NTL chú thích*]. Hai chữ ấy, người Trung Hoa gốc Hải Nam đọc là *Tourane* và cũng có thể *Tounan* phát sinh *Tourane*. Trên bản đồ của cố Alexandre de Rhodes xuất bản năm 1653, ta thấy ghi *Chean* hay *Turon* thay vì *Tourane*.

Thành phố Tourane xây dựng ngay trên cửa sông Hàn (cửa Hàn). Dân địa phương có tên là *Kẻ Hàn* hoặc *Kéan*, ghi theo cố Alexandre de Rhodes đã đặt chân nơi này tháng Giêng năm 1625.

Tuy nhiên, từ năm 1618, *Tourane* đã được linh mục Christophoro Borri gọi là *Touron* hay *Turan*. Thực ra tên *Tourane* bắt nguồn ở tên một làng hiện còn tồn tại là *Thạc Gián* mà viết nhầm là *Tu Gián* vì hai chữ *Thạc* và *Tu* hơi giống nhau.⁽²⁶⁾ Vì vậy mà *Tu Gián* đã phát sinh danh xưng *Tourane*.

⁽²⁶⁾ Có lẽ người viết nói tới chữ *thạc* 碩 và *tu* 須. [Đạo Uyển chú]

Có người lại cho rằng *Tourane* do chữ *Châu Ranh*, tức ranh giới nước ta và Chiêm Thành ngày xưa. Cũng có người cho rằng *Tourane* do chữ *cửa Hàn* mà ra.⁽²⁷⁾

Tháng 6-1845, Auguste Haussman, một thương nhân Pháp đi trên tàu *Alomère* của Fomier Duplan đến Đà Nẵng, trong tập *Du Hành Đến Trung Hoa, Xứ Đàng Trong, Ấn Độ Và Mã Lai* (*Voyage en Chine, Cochinchine, Inde et Malaisie*, 1848, tome 2) có đoạn nói về nguồn gốc địa danh *Tourane*: “Ngày hôm sau, khoảng 5 giờ sáng, chúng tôi ngược dòng sông để thăm thành phố hay làng *Tourane*, mà người bản xứ đã gọi một cách giản dị là *Hane* (Hàn), rồi người Pháp nói trại đi (thành *Tourane*), vì lý do ngày xưa có một cái tháp dựng lên trên lối vào (sông)...”

Có lẽ cách giải thích “đơn giản” này ngày nay vẫn còn ảnh hưởng trong khá nhiều người như trường hợp Dương Xuân Thượng đã dẫn ra trong cuốn *Sổ Tay Địa Danh Việt Nam* của Nguyễn Dực và Trung Hải.

Tóm lại, đã có nhiều cách giải thích về địa danh *Hàn*, *Tourane*, song cho đến nay vẫn chưa có giả thuyết nào đứng vững và đây vẫn là một thách thức đối với các nhà nghiên cứu. Những kiểu giải thích theo lối “từ nguyên học dân gian”⁽²⁸⁾ thường dễ bị bác bỏ.

⁽²⁷⁾ *Văn Hóa Nguyệt San*, tập XIII, quyển 9. Sài Gòn: Tháng 9-1964, tr. 1.154.

⁽²⁸⁾ **từ nguyên dân gian** (*folk etymology, false etymology*): Khi nói từ này là nguồn gốc của từ kia trong khi thật ra cả hai chẳng có liên quan gì với nhau mặc dù cách giải thích nghe có vẻ rất hợp lý thì đó chính là từ nguyên dân gian. [Đạo Uyển chú]

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Khánh Thế chủ biên, *Từ Điển Chăm-Việt*. Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1995.

Bùi Khánh Thế chủ biên, *Từ Điển Việt-Chăm*. Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1996.

Bửu Cầm và những người khác, *Hồng Đức Bản Đồ*. Sài Gòn: Bộ Quốc Gia Giáo Dục, 1962.

Cao Xuân Dục, Lưu Đức Xứng, Trần Xáng, *Đại Nam Nhất Thống Chí, Tỉnh Khánh Hòa*. Bản in Duy Tân 1909. Sài Gòn: Nha Văn Hóa, 1964.

Dương Văn An nhuận sắc và đề tựa, *Ô Châu Cận Lục*. Trần Đại Vinh và Hoàng Văn Phúc hiệu đính, dịch chú. Huế: Nxb Thuận Hóa, 2001.

Dương Xuân Thượng, *Dấu Ấn Chăm Qua Vài Địa Danh*, Tạp chí *Thế Giới Mới*, số 506, 507, (30-9 và 01-10-2002).

Gerard Moussay và các cộng sự, *Từ Điển Chăm-Việt-Pháp*. Phan Rang: Trung Tâm Văn Hóa Chăm, 1972.

Huyện Ủy Cam Ranh, *Lịch Sử Đảng Bộ Huyện Cam Ranh Thời Kỳ 1930-1975*. Cam Ranh, 1994.

Huỳnh Công Bá, *Bàn Thêm Về Nguồn Gốc Của Địa Danh Đà Nẵng*. Tạp chí *Nghiên Cứu Lịch Sử*, số 3, 1996.

Lam Giang, Trần Quý Cáp Và Tư Trào Cách Mạng Dân Quyền Đầu Thế Kỷ XX, Sài Gòn: Nxb Đông Á, 1971.

Lê Trung Hoa, *Địa Danh Học Việt Nam*, Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 2006.

Lê Trung Hoa, *Tìm Hiểu Nguồn Gốc Địa Danh Nam Bộ Và Tiếng Việt Văn Học*. Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 2005.

Ngô Quy Nhơn chủ biên, *Đà Nẵng Bước Vào Thế Kỷ 21*, Nxb Văn Nghệ TpHCM, 2000.

Nguyễn Dược, Trung Hải, *Sổ Tay Địa Danh Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Giáo Dục, 2005.

Nguyễn Đình Tư, *Non Nước Ninh Thuận*. Sài Gòn: Nxb Sống Mới, 1974.

Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam Đất Nước & Nhân Vật*, Hà Nội: Nxb Văn Hóa Thông Tin, 2001.

Nhiều tác giả, *Lịch Sử Thành Phố Đà Nẵng*. Nxb Đà Nẵng 2001.

Nhiều tác giả, *Văn Nghệ Dân Gian Khánh Hòa: Tác Giả Tác Phẩm*. Hội Văn Học Nghệ Thuật Khánh Hòa, 2006.

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, Tập 1, Viện Sử Học dịch. Hà Nội: Nxb Giáo Dục, 1998.

Tạp chí *Sáng Dội Miền Nam*. Sài Gòn, tháng 01-1961.

Thái Văn Kiểm, *Đất Việt Trời Nam*. Sài Gòn: Nxb Nguồn Sống, 1960.

Văn Hóa Nguyệt San, tập XIII, quyển 9. Sài Gòn: Tháng 9-1964.

Võ Văn Dật, *Lịch Sử Đà Nẵng*. Tiểu luận cao học Sử, Trường Đại Học Văn Khoa Huế, Viện Đại Học Huế, 1974.

NGUYỄN THANH LỢI

BÊN MỒ NHỮNG NGƯỜI THÂN

Bên những nắm mồ quanh vắng
Tôi thầm nghĩ cõi xa kia
Cõi ấy có nhiều mưa nắng
Có ai mỗi gánh đi, về?

Cõi ấy lá vàng có rụng
Ngày xuân hoa trái có hồng
Bướm nhỏ có vờn đêm mộng
Hay hồn chao giữa mưa đông?

Sao chẳng theo mùa trở lại
Hỡi anh và chúng bạn thân?
Lẽ đâu “mất” là kết thúc
Tan trong bóng tối vĩnh hằng.

Lẽ đâu “đi” là biến đổi
Thay vai, khác cả cảnh đời
Xóa hết những gì thương nhớ
Quên người bạn diễn buồn vui.

Để ai với phong màn cũ
Mở hay khép cũng bẽ bàng
Cơm áo vầy đời khốn khổ
Khóc cười theo ý vua quan...

BÙI THỤY ĐÀO NGUYỄN

ĐẠI TRƯỞNG PHU, CHÍ QUÂN TỬ VỚI PHÚ TRƯỞNG GIẢ

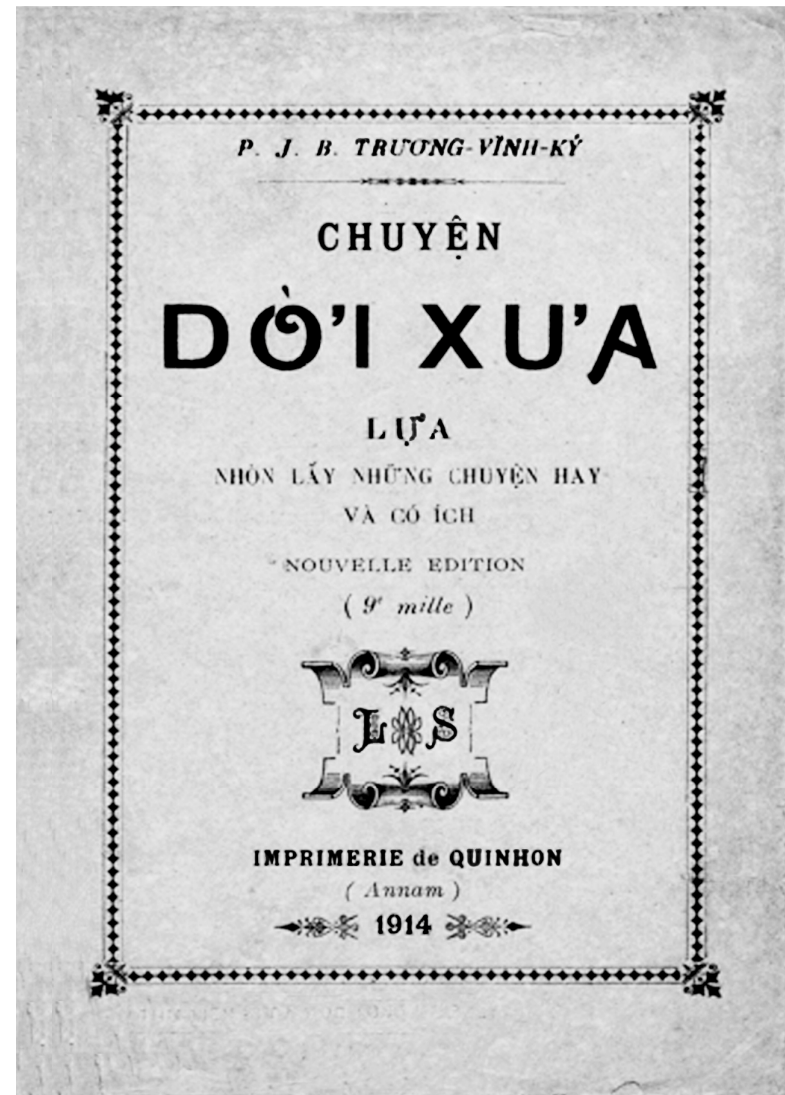
PETRUS TRƯỞNG VĨNH KÝ

Thọ ơn Đức Chí Tôn ban thưởng, ngài Petrus Jean-Baptiste Trương Vĩnh Ký (1837-1898) là vị Hậu Sư Chí Thánh (hay Chí Thánh Hậu Sư) trong Tam Kỳ Phổ Độ.⁽¹⁾ Sinh thời, ngài viết sách rất nhiều để giáo hóa dân chúng. Trong các sách của ngài có quyển *Chuyện Đời Xưa*, gồm bảy mươi bốn chuyện. Chuyện thứ ba mươi lăm nhan đề *Đại Trượng Phu, Chí Quân Tử Với Phú Trượng Giả*. Bản in của nhà sách Khai Trí tại Sài Gòn năm 1962 cũng ghi nhan đề như vậy (tr. 56-59). Nhưng ở bản 傳代初⁽²⁾ *Chuyện Đời Xưa: Contes plaisants annamites*, do Abel des Michels (1833-1910) trích dịch sang tiếng Pháp (Paris: Ernest Leroux, Editeur; 1888)⁽³⁾ thì đây là truyện thứ XV, nhan đề rút gọn thành *Đại Trượng Phu Với Quân Tử*. Căn cứ bản in 1888 của Abel des Michels (tr. 19-21), chúng tôi in lại đây áng văn xưa, giữ nguyên cách chấm câu, cách xuống hàng của người trước; chữ nào bổ sung cho văn bản thì đặt trong dấu [...], thí dụ: [Chí]. Ngoài ra, tôi sửa lỗi chánh tả, và chú thích nghĩa các từ Việt cổ. Qua đây, chúng ta thấy cách người xưa dùng từ Việt cổ, cách hành văn trong thế kỷ 19 có nhiều lời lẽ thú vị. (Huệ Khải)

⁽¹⁾ Huệ Khải, *Petrus Ký Xưa Và Nay*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014, tr. 12, 15, 16, 27.

⁽²⁾ 傳代初: *Truyện đại sơ*, đọc theo chữ Nôm là *Chuyện Đời Xưa*.

⁽³⁾ Gồm: Préface (iv trang) + tiếng Việt (27 trang) + tiếng Pháp (147 trang) + chữ Hán (67 trang).



Chuyện Đời Xưa, bản in tại Qui Nhơn (1914)

Thuở xưa kia có hai người anh em bạn thiết, một người tên là Đại Trọng Phu,⁽⁴⁾ người kia tên là [Chí] Quân Tử.⁽⁵⁾ Anh trước giàu có, anh sau thì nghèo, năng tới lui chơi bời⁽⁶⁾ với nhau. Hai vợ chồng anh Đại Trọng Phu thấy anh kia nghèo cực, thì nói: “Thôi! Anh nghèo, không có vốn mà buôn bán; có muốn lấy năm ba trăm chi đó, thì lấy mà dùng làm vốn đi buôn, cho té ra⁽⁷⁾ một hai đồng mà chi độ thê nhi.⁽⁸⁾” Anh [Chí] Quân Tử nghĩ đi nghĩ lại: “Mình lấy thì được đó, hai vợ chồng cũng tử tế, có lòng thương; mà mai sau, rủi có lỡ hay là có điều nào,⁽⁹⁾ thì biết lấy chi mà trả? Nên không dám lãnh; nghèo, thì chịu vậy. Cám ơn anh chị có lòng với em út! Tôi tính cũng không buôn bán chi mà hòng lấy⁽¹⁰⁾ của anh khó lòng.”

Vợ chồng Đại Trọng Phu, nhà thôi đã đủ đồ, chẳng thiếu vật chi; đồ nữ trang cũng hiếm,⁽¹¹⁾ chẳng thiếu gì; mới tính

⁽⁴⁾ **Đại Trọng Phu** 大丈夫: Thầy Mạnh Tử xác định đại trọng phu là người mà giàu sang không mê hoặc được, nghèo khó không dòi dối được, sức mạnh không khuất phục được. Hiểu khái quát, đại trọng phu là người đàn ông chí khí hiên ngang, lòng dạ thẳng thắn bất khuất.

⁽⁵⁾ **Chí Quân Tử** 至君子: Người rất đổi tài đức.

⁽⁶⁾ **chơi bời**: Vui chơi, giao du với nhau.

⁽⁷⁾ **té ra**: Sinh ra tiền lời.

⁽⁸⁾ **chi độ thê nhi**: Tiêu dùng cho vợ con.

⁽⁹⁾ **điều nào**: Điều gì, điều chi.

⁽¹⁰⁾ **mà hòng lấy**: Mà chực lấy, mà toan lấy.

⁽¹¹⁾ **cũng hiếm**: Cũng có nhiều, cũng nhiều lắm. Chữ *hiếm* này được dùng trong Kinh Sám Hối (1925): *Trong đời rất hiếm vô phu / Lương cân tráo đấu, đối tu cúng chùa*. Xem thêm: Huệ Khải, *Một Số Từ Việt Cổ Trong Kinh Minh Lý Đạo Và Phật Giáo Hòa Hảo* (Hà

với nhau lấy vàng, đem cho thợ kéo ra đậu⁽¹²⁾ một con rùa vàng để chơi. Đưa năm lượng. Cách ít lâu, Quân Tử lại nhà chơi. Đại Trọng Phu mới hỏi: “Anh đã có thấy rùa vàng hay chưa?” “Rùa vàng hiếm chi,⁽¹³⁾ thiếu gì?” “Không! Không phải rùa vàng ngoài đồng đâu! Cái này là rùa vàng làm bằng vàng thật.” “Cái thì chưa thấy.” Đại Trọng Phu mới biểu vợ đi lấy đem ra coi. Coi rồi, để trong cái đĩa, ngồi uống rượu, nói chuyện hoai, rót thêm rót thêm hoai, hai anh em say nằm ngủ, quên đi. Thằng con trai anh Đại Trọng Phu đi học trường xa chạy về thăm nhà. Thấy con rùa tốt, gói trong khăn, cầm đem đi chơi. Đến khi tỉnh dậy, quên lửng con rùa vàng. Quân Tử từ già kiếu về. Một chập lâu, Đại Trọng Phu sực nhớ lại con rùa, chạy vào hỏi vợ. Vợ nói không có cất. “Khó a! không biết tính làm sao! Không có lẽ nghi cho anh em, người có bụng dạ tốt.” “Thôi! Bữa nào cha nó có đi lên nhà Quân Tử chơi, thì hỏi mánh⁽¹⁴⁾ rằng: ‘Hôm trước đó, con rùa vàng, anh có cầm về cho chị coi không?’ Chẳng lành thì chớ,⁽¹⁵⁾ Quân Tử sợ anh em nghi, thì chịu bốc lấy⁽¹⁶⁾ mình có cầm về. Đại Trọng Phu mới nói: “Thôi! Để đó mà chơi, hề gì?” Bước chơn ra về. Hai vợ chồng Quân Tử không biết tính làm sao lo mà trả cho được. Người ta thấy mình nghèo, người ta nghi, cũng phải; không phép chối đi. Vậy mới bán nhà bán

Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 12, 19; quyển 116-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)

⁽¹²⁾ **đậu**: Được (?).

⁽¹³⁾ **hiếm chi**: Chẳng thiếu chi, có nhiều lắm.

⁽¹⁴⁾ **hỏi mánh**: Hỏi xa hỏi gần, hỏi dò ý dò tứ, hỏi khéo.

⁽¹⁵⁾ **chẳng lành thì chớ**: Bị xui xẻo, bị chuyện không may.

⁽¹⁶⁾ **chịu bốc lấy**: Nhận bừa, chịu bừa cho xong.

cửa, dắt nhau đi tới với ông Phú Trưởng Giả⁽¹⁷⁾ giàu có muôn hộ.⁽¹⁸⁾ Vào lạy ống, xin ở làm tôi,⁽¹⁹⁾ mà xin năm lượng vàng làm rùa mà trả cho anh em. Ông Phú Trưởng Giả nghe biết việc, thì lấy vàng, kêu anh thợ làm con rùa trước tới làm, rồi giao cho hai vợ chồng đem về trả. Mà không cố thân,⁽²⁰⁾ giúp mà thôi. Đàng kia cũng không chịu, cứ ở làm bộ hạ chơn tay.⁽²¹⁾

Cách đôi ba bữa, con trai Đại Trượng Phu, chơi no⁽²²⁾ con rùa, cầm về đi về thăm nhà luôn trót thể.⁽²³⁾ Vào, mới nói: “Cha mẹ, thì thôi! Hổm,⁽²⁴⁾ may là tôi! Phải người ta lạ, người ta đã lấy mất con rùa vàng đi, còn gì?” Hai vợ chồng chưng hửng,⁽²⁵⁾ lấy làm lạ. “Mê!⁽²⁶⁾ Rùa nào con mình lấy đi chơi, rùa nào anh kia đem trả, không hiểu được.” Mới định chừng⁽²⁷⁾ có khi anh Quân Tử sợ mình có ngại⁽²⁸⁾ lòng anh, nên mới làm rùa khác đem mà thể. Đại Trượng Phu lật đật

(17) **Phú Trưởng Giả** 富長者: Người lớn tuổi và hiền đức (*trưởng giả*) mà lại giàu có (*phú*).

(18) **muôn hộ** (vạn hộ 萬戶): Vô số nhà. **giàu có muôn hộ**: Giàu hơn hẳn mọi nhà khác.

(19) **làm tôi**: Làm tôi đòi, làm người giúp việc trong nhà.

(20) **cố thân**: Mướn, thuê người làm việc cho mình để trừ nợ.

(21) **làm bộ hạ chơn tay**: Làm người tín cẩn giúp việc.

(22) **chơi no**: Chơi chán rồi, chơi đã thèm rồi.

(23) **luôn trót thể**: Luôn một thể.

(24) **hôm**: Hôm đó, hôm ấy, bữa đó, bữa hôm ấy.

(25) **chưng hửng**: Ngạc nhiên, sững sốt.

(26) **Mê!**: Lạ thật! Lạ quá! Lạ thay!

(27) **định chừng**: Phỏng đoán.

(28) **ngại**: Nghi ngại, hồ nghi, nghi ngờ, ngại vực.

chạy lên trên nhà Quân Tử hỏi thăm; thì người ta nói: “Quân Tử bỏ xứ, đi đâu trên ông Phú Trưởng Giả, cố thân⁽²⁹⁾ mà lấy vàng thương con rùa vàng nào đó. Nghe nói vậy, không biết nữa.” Nghe vậy, lại càng thêm lo. Tìm tới nhà Phú ông, hỏi thăm có hai vợ chồng Quân Tử hay không. Người ta nói có, kêu ra. Hai đàng khóc ròng. Đại Trượng Phu vào trả con rùa vàng cho Phú ông mà lãnh hai vợ chồng Quân Tử về. Phú ông là người nhơn,⁽³⁰⁾ không chịu lấy rùa. “Anh có mượn của tôi sao anh trả? Còn hai vợ chồng Quân Tử, tôi có bắt buộc chi mà anh xin lãnh?” Tính không xong. Trả vàng, không lấy; hai vợ chồng Quân Tử mắc nợ, không đi; trả rùa cho Quân Tử, Quân Tử không lấy. Túng mới đề điều nhau⁽³¹⁾ ra quan, mà xin quan xử. Té ra⁽³²⁾ ba nhà hết thấy đều thật là người ngay lành trung trực. Chẳng biết kể của cái ra giống gì,⁽³³⁾ nguyên lo tu đạo đức, lấy nhơn ngãi⁽³⁴⁾ mà ở với nhau. Ấy mới thật là người quân tử.

Nghĩ vụng: Tên gọi ba nhân vật (Đại Trượng Phu, Chí Quân Tử, Phú Trưởng Giả) tự chúng đã nói rõ phẩm cách của từng người rồi. Câu chuyện hay như thế này chỉ có thể xảy ra trong thời thượng nguơn thánh đức mà thôi. Thời mạt pháp, nghe kể chuyện này, bá tánh dễ phì cười. (**Huệ Khải**)

(29) **cố thân**: Đem thân đi làm thuê làm mướn để trừ nợ.

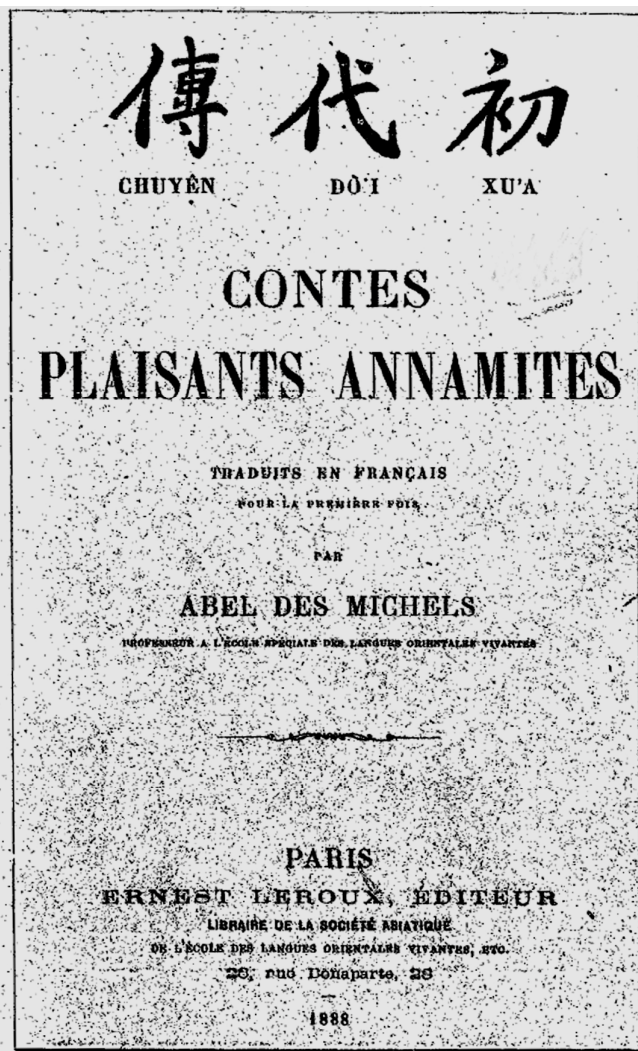
(30) **người nhơn**: Người nhơn đức, có lòng thương kẻ khác.

(31) **đề điều nhau**: Dắt nhau, dẫn nhau, đưa nhau.

(32) **té ra**: Hóa ra, thì ra là.

(33) **chẳng biết kể của cái ra giống gì**: Không coi trọng của cái, vàng bạc.

(34) **nhơn ngãi** 仁義: Nhân nghĩa. Thương người là *nhân*; ăn ở không trái đạo lý (cư xử không sai lẽ phải) là *ngãi*.



Petrus Jean-Baptiste Trương Vĩnh Ký, *Chuyện Đời Xưa*.
Tiếng Việt kèm bản dịch tiếng Pháp, chữ Hán. In tại Paris năm 1888.

XV

Đại-trượng-phu với Quên-tử.

Thuở xưa kia có hai người anh em bạn thiết, một người tên là *Đại-trượng-phu*, người kia tên là *Quên-tử*. Anh trước giàu có, anh sau thì nghèo, năng tới lui chơi bởi với nhau. Hai vợ chồng anh *Đại-trượng-phu* thấy anh kia nghèo cực, thì nói : « Thôi! Anh nghèo, không có vốn mà buôn bán; có muốn lấy năm ba trăm chi đó, thì lấy mà dùng làm vốn đi buôn, cho té ra một hai đồng mà chi độ thò nhì. » Anh *Quên-tử* nghĩ đi nghĩ lại : « Mình lấy thì được đó, hai vợ chồng cũng từ tẻ, có lòng thương; mà mai sau, rủi có lỗ hay là có đều nào, thì biết lấy chi mà trả? Nén không dám lãnh; nghèo, thì chịu vậy. Cảm ơn anh chị có lòng với em út! Tôi tính cũng không buôn bán chi mà hòng lấy của anh khó lòng. »

Vợ chồng *Đại-trượng-phu*, nhà thôi đã đủ đồ, chẳng thiếu vật chi; đồ nữ trang cũng hiếm, chẳng thiếu gì; mới tính với nhau lấy vàng, đem cho thợ kéo ra đầu một con rùa vàng để chơi. Đưa năm lượng. Cách ít lâu, *Quên-tử* lại nhà chơi. *Đại-trượng-phu* mới hỏi : « Anh đã có thấy rùa vàng hay chưa? » Rùa vàng hiếm chi, thiếu gì? » « Không! Không phải rùa vàng ngoài đồng đâu! Cái này là rùa vàng làm bằng vàng thật. » « Cái thì chưa thấy. » *Đại-trượng-phu* mới biểu vợ đi lấy đem ra coi. Coi rồi, để trong cái đĩa, ngồi uống rượu, nói chuyện hoài, rót thêm rót thêm hoài, hai anh em say nằm ngủ, quên đi. Thằng con trai anh *Đại-trượng-phu* đi học trường xa chạy về thăm nhà. Thấy con rùa tốt, gói trong khăn, cầm đem đi chơi. Đến khi tỉnh dậy, quên lửng con rùa vàng. *Quên-tử* từ già, kiêu về. Một chập lâu, *Đại-trượng-phu* sức nhớ lại con rùa, chạy vào hỏi vợ. Vợ nói không có gì. « Khó à! Không biết tỉnh

LÁ THƯ CALGARY

Calgary, ngày 29 tháng 7 năm 2018

Kính gửi Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo,

Mấy hôm nay, sau khi nhận được gói sách từ Sài Gòn chuyển tới tay, tôi đọc sách quên ăn. Một thú vui kỳ diệu, cao quý, không nói hết.

Bài vở quá hay, đáng học hỏi... Có suy gẫm mới thấy cái lý thú. Cả hai phương diện giáo lý và lịch sử đã đưa con người gần lại nhau trong tinh thần đại đồng thay vì phân tán.

Các tác giả hầu hết đều có bút pháp thận trọng, dễ mến, lời cuốn người đọc sống đẹp, vì “*Sống Đẹp Là Sống Đạo*”, như nhan đề một quyển sách ấn tống tôi vừa đọc xong.

Phần lớn những trang sách của Chương Trình Ấn Tống chứa đựng nhiều lời hay ý đẹp, hướng về đời sống nội tâm, làm cho tôi thấy gần gũi trong sự thông cảm, đồng thanh tương ứng...

Xin cảm ơn Chương Trình Chung Tay Ấn Tống và xin gửi kèm theo đây 100 đô Canada để góp chút công quả ấn tống kinh sách.

TRẦN NGỌC HƯỜNG *

* Hiền tử Trần Ngọc Hường là hậu duệ của tiền bối Trần Nguyên Lượng (1877-1968), đặc quẻ Chiêu Minh Chơn Thánh. (Đạo Uyển)

Kính thưa hiền tử Trần Ngọc Hường,

Chúng đệ muội nhận được thư hiền tử khi bản thảo *Đạo Uyển Thu 2018* đã hoàn tất, đang chờ đưa in. Bởi thế, lá thư của hiền tử và phần phúc đáp của chúng đệ muội buộc phải đưa vào tập *Đạo Uyển Đông 2018*.

Ban Ấn Tống rất vui vì vừa qua người bạn đạo thân thiết khi rời Sài Gòn trở về Calgary đã không quên, mang giúp một gói sách đến thánh thất Calgary để trao tận tay hiền tử. Nhân đó, hai vợ chồng người bạn đạo ấy có dịp cùng thọ trai sau thời cúng Ngọ tại thánh thất. Quả là hữu duyên!

Đây không phải là lần đầu tiên người bạn đạo ấy chuyển sách giúp Ban Ấn Tống, và cũng không phải là lần đầu tiên chúng đệ muội nhận được lá thư đầy tình cảm, nhiều mỹ ý mà hiền tử ưu ái gửi cho, khích lệ chúng đệ muội không tiếc lời nên rộng lượng bỏ qua những sơ sót, khiếm khuyết mà chúng đệ muội dù cố gắng vẫn chưa hoàn toàn tránh khỏi.

Chúng đệ muội cảm ơn hiền tử đã chia sẻ những cảm nghĩ của một độc giả phương xa, rất xa. Lời thư của hiền tử giúp chúng đệ muội thêm dèo bước vững chân trên đường dài phổ thông giáo lý Đạo Thầy. Và chân thành cảm ơn hiền tử góp công quả giúp chúng đệ muội phương tiện nuôi dưỡng Chương Trình Chung Tay Ấn Tống được bền bỉ.

Khi nào có đạo hữu ở thánh thất Calgary về Sài Gòn thăm nhà, và sẵn lòng mang giúp sách, chúng đệ muội sẽ sớm liên lạc để gửi thêm sách biểu thánh thất và biểu hiền tử.

Chúng đệ muội kính nguyện hiền tử và bửu quyến an lạc trong hồng ân Thầy Mẹ.

BAN ẤN TỐNG



Thính thất Calgary, Alberta, Canada



Hiền tỷ Trần Ngọc Hương (hậu duệ Đức Chiêu Minh Chơn Thánh),
một độc giả thân thiết của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống.

MỘT KHOẢNG TRỜI

Anh đưa em về
 Nơi có dòng Vu Gia với tuổi thơ ngập tràn kỷ niệm
 Về chốn núi rừng rộn rã những mùa trắng
 Về mảnh đất thân yêu Đại Hồng, Đại Lộc
 Nơi ẩn sĩ Tùng Sơn, tích Am Thông trên núi phẳng bằng
 Đỉnh Bằng Am bây chừ, tên gọi đã thành quen
 Cảnh rừng núi bao la, kỳ vĩ
 Em đến đây, Bằng Am huyền bí
 Ôi quê mình, viên ngọc quý lung linh
 Trời đất mệnh mông, non nước hữu tình
 Lòng nhẹ tênh, chốn thanh bình yên ả
 Là thực hay mơ mà nao nao đến lạ
 Mây gió trong lành, đầu hồi hả ngược xuôi
 Đây đó rừng sim rộn rã tiếng cười
 Sắc tím hoa mua rực tươi trong nắng mới
 Hoa đỏ chẳng biết tên khoe màu phơi phới
 Rạng rỡ cười như đón đợi bước chân em
 Anh đưa em về
 Qua những quãng chông chênh
 Qua những lối phải đâu không khép khiêng
 Dốc dựng đèo cao mây mù sương quện
 Đảo chao
 Rồi cũng qua rồi
 Đỉnh điểm an nhiên
 Ôi, một khoảng trời!

ĐỖ THỊ KẾT

MỘT HÔM

Một hôm chào ruộng về thành
Màu phèn chua ầy móng chân còn hươm
Này em son phấn tinh tươm
Mình trao đổi nhé cho phường phố vui

Một hôm quên mất tuổi đời
Về nhà hỏi mẹ cái thời nằm nôi
Chỉ ra sau bếp mẹ cười
Cái tai cối đá mòn phơi nắng chiều

Một hôm giở lại trang Kiều
Cõi người ta bỗng quá nhiều trăm năm
Lược gương vuốt mái hoa râu
Trắng soi bữa trước tưởng tâm là tài

Một hôm pha ấm trà mai
Liu riu ngọn lửa rù rài mà sôi
Rót ra hương vị đất trời
Lặng im mà ngắm nỗi đời một hôm...

NGUYỄN QUỐC HUÂN

BỔ DI

Quyển 118-1. **Độc Lại Chuyện Giải Buồn**, tr. 33, chú thích (4), xin quý đạo hữu vui lòng thêm vào lời giải thích như sau:

tự nhược 自若: Tự nhiên như thường, bình thản, thản nhiên (*calm, at ease*).

ANH VỀ

Anh về chụm bếp rạ rơm
Ổng tre em giấu hương thơm gạo mùa
Nhà mình giàu có thì chưa
Năm mười hai tháng dư thừa thương yêu.

TÌNH QUÊ

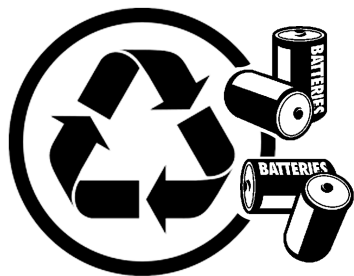
Giếng mờ nắng mức cũng trong
Môi em siêng nở nên hồng quanh năm
Ổng tơ đau đứt ruột tằm
Ngọt lời hả dạ tri âm kim bằng

Oằn vai gian khó nhọc nhằn
Thỏa vui ruộng nẻ đất cần thay da
Tảo tần đã kết thành hoa
Chiêm mùa đã trở thành ca dao làng

Cuộc người mây hợp mây tan
Một vương vãi tám mấy hàng bình sinh
Nhá nhem thể thái nhân tình
Một chung quan họ mấy bình lễ nghi

Trầu têm tem cả nghĩa nghi
Được lòng được cả đường đi lối về
Tình nào hơn được tình quê
Nghĩa nào hơn được phu thê đạo đồng.

PHAN THÀNH MINH



ĐỪNG VỨT PIN VÀO THÙNG RÁC

Một viên pin đã dùng, khi vứt đi có thể làm ô nhiễm năm trăm lít nước hoặc một mét khối đất trong năm mươi năm.

Bạn có rùng mình khi nghe thấy thông tin trên không?

Trong pin có các kim loại nặng cực kỳ độc cho cơ thể: chì, thủy ngân, kẽm, cadmium...

- **Nhiễm độc thủy ngân:** Não, thận, hệ thống sinh sản và tim mạch... bị tác hại trực tiếp.

- **Nhiễm độc chì:** Chì vào cơ thể có xu hướng chiếm chỗ mọi kim loại khác sẵn có trong cơ thể. Ví dụ, chì sẽ chiếm chỗ của canxi trong xương, chiếm chỗ của kẽm và canxi trong các protein, chiếm chỗ của canxi trong các phản ứng truyền xung điện não, thay thế sắt trong máu... Tóm lại, chì gây rối loạn hoặc ngưng các phản ứng sinh hóa bình thường trong cơ thể. Nó làm trẻ bị còi xương, chậm lớn; làm người lớn bị cao huyết áp, tổn hại máu và xương, gây mất trí nhớ, giảm khả năng suy nghĩ, giảm chức năng của thận.

- **Nhiễm độc kẽm:** Người bệnh thường nôn mửa và có thể bị chảy máu đường ruột, giảm mức phản xạ tự nhiên, dẫn đến tê liệt.

- **Nhiễm độc Cadmium:** Dễ bị loãng xương, thiếu máu, suy gan thận, bị nhiều loại ung thư và thai nhi bị dị tật.

Nếu pin (dù đã dùng rồi) vứt vào thùng rác, pin sẽ bị đốt hoặc chôn; cách nào cũng gây ô nhiễm môi trường không khí, đất và nước. Một lượng nhỏ chất độc trong một viên pin đủ sức đánh gục cả một làng.

NÊN XỬ LÝ PIN ĐÃ DÙNG RỒI NHƯ THẾ NÀO?

Hãy chứa pin đã dùng rồi trong lọ thủy tinh hoặc hộp nhựa, đậy nắp kỹ, để ngoài tầm tay trẻ em. Dùng hộp gỗ, hộp giấy, khi pin bị chảy thì hóa chất có thể thấm ra ngoài. Khi nào có được một số lượng pin kha khá, bạn có thể gửi tới chương trình *Việt Nam Tái Chế*:



A. Tại **Hà Nội**, bạn gửi tới:

► số 45 Nghĩa Tân, Cầu Giấy
► số 17 Trung Yên 3, Trung Hòa, Cầu Giấy ► số 01 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm ► số 12-14 Phan Đình Phùng, Quán Thánh, Ba Đình ► số 09 Thành Công, Ba Đình.

B. Tại **TpHCM**, bạn gửi tới:

► số 132 Tôn Thất Thuyết, phường 15, quận Tư ► số 22 Nguyễn Văn Trỗi, phường 17, quận Phú Nhuận ► số 14 Phan Bội Châu, phường 2, quận Bình Thạnh ► số 82 Bà Huyện Thanh Quan, phường 9, quận Ba.

Bạn có thể tham khảo thêm thông tin về chương trình *Việt Nam Tái Chế* tại: <http://www.vietnamtaiche.com.vn/>

CẦN BIẾT CẦN LÀM

@ **Hiền huynh Phan Thành Lợi** (Bến Tre). Điện thư ngày 26-7-2018:

Vào trang nhà của bác sĩ **Đỗ Hồng Ngọc**,⁽¹⁾ tôi tình cờ đọc một bài huynh **Huệ Khải** viết về quyển **Như Thị**, ký tên **Nghê Dũ Lan**. Có chi tiết tôi thấy không thông, nên xin hỏi lại người viết. Có hai đoạn **Nghê Dũ Lan** viết như sau (chữ in **đậm** là tôi lưu ý):

“Hai nghìn mấy trăm năm trước **Lã Thị Xuân Thu** đánh rơi bốn chữ **Khắc chu cầu kiếm** và nó trôi, trôi mãi vào thiên cổ nhân gian. (...) Biết như thế, ắt **Hàn** sướng lắm, (...).

Nhưng thêm bảy trăm năm nữa thì **Hàn** đành ngậm ngùi chào thua rồi. (...) Thích Ca Mầu Ni hỏi nhỏ họ **Lã**: Ư ý vân hà? Ý ông thế nào? **Lã** cúi đầu, thưa khê: Mô Phật, thiện tai! Thiện tai!”

Tôi hiểu hai chữ **Lã** (in đậm) tức là **Lã Thị Xuân Thu**. Vậy thì hai chữ **Hàn** (in đậm) là ai vậy, thưa hiền huynh?

Huệ Khải: Chào hiền huynh, lẽ ra tề đệ đã trả lời thư hiền huynh trong *Đạo Uyển Thu 2018*, nhưng do sơ sót về... kỹ thuật (cười...) nên phần trả lời lại “lọt” qua tập *Đông 2018* này.

Thưa hiền huynh, hai đoạn dài huynh trích trong thư vốn ở trong một bài viết cũ của tề đệ. Số là bác sĩ **Đỗ** hơn mười năm trước có in quyển *Như Thị* (Nxb Văn Nghệ, tháng 1-

GIÓ BÓN PHUÔNG

Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8

2007), và nhân đó tề đệ viết bài giới thiệu trên tuần san *SGGP Thứ Bảy*. Điều này tề đệ có nói trong bài viết ấy như sau:

*Qua tuổi sáu lăm, ông **Đỗ** đánh dấu một năm nghỉ hưu bằng quyển sách **vuông vuông Như Thị**. Sách chưa phát ra, ông ưu ái lấy “nóng” cho tôi một cuốn, bảo hãy đọc chơi. Đọc sớm trước khi sách bày tràn kệ ngoài thị trường âu cũng là cái thú. Nhưng mới đọc đoạn mở đầu tôi bèn dừng lại, như vừa nhấp thử một hớp rượu ngon thì ngưng chén, để có cơ hội lắng nghe cái men thơm ngấm từ từ vào thể phách.*

Thật vậy, đọc hai câu hỏi ông viết liền nhau: Dòng sông có còn náu mãi bờ sông? Thả một hòn sỏi đánh dấu chỗ thuyền trôi? – thì không dám đọc thêm nữa. E “phai” mất đi cái men say lâng lâng đang thọ hưởng. Cả một bài thơ Đường có khi đánh đắm hồn mình chỉ tại bảy chữ một câu. Cũng như thế, hơn hai trăm trang sách mà mới vô đầu đã “trầm trọng” ở hai câu mười bảy chữ há đã là quá đáng! ⁽²⁾

Thưa hiền huynh, viết như đoạn trên là để ngầm giải thích vì sao cả một tập sách dày 214 trang mà tề đệ chỉ “động thủ” một chút xíu nơi đầu sách.

Bản thảo vừa viết xong, đang khoái chí, tề đệ bèn nhấp chuột, “meo” ngay cho bác sĩ **Đỗ** xem chơi. Viết bản thảo lúc đó, tề đệ nhớ mãi mại tích *khắc chu cầu kiếm* liên quan tới **Hàn Phi Tử**, nên viết nhầm. Hai chữ **Hàn** mà huynh in đậm trong thư chính là do đệ nhớ lầm.

May sao, trước khi gửi tới tuần san *SGGP Thứ Bảy*, đọc kỹ lại và kịp phát hiện ra, tề đệ bèn sửa thành **Lã**, tức **Lã Bất Vi**.

⁽¹⁾ <https://www.dohongngoc.com/web/huom-huom/nhu-thi-2/>

⁽²⁾ <http://www.sggp.org.vn/doc-nhu-thi-va-se-chia-nhu-the-102680.html>

Hiền huynh vào SGGP online thì thấy bản đã sửa như sau (trích):

Hai nghìn mấy trăm năm trước, họ **Lã** đánh rơi bốn chữ Khắc chu cầu kiếm và nó trôi, trôi mãi vào thiên cổ nhân gian. Khắc chu cầu kiếm. Vạch thuyền tìm gươm. Thế đấy, bốn chữ nhẹ hều, có gì trầm trọng mà có sao suốt từ Chiến Quốc còn chưa lắng chìm, còn bập bênh xuôi dòng trường giang, tràn sang đại hải, để từ Trung Nguyên phiêu dạt xuống phương Nam, rồi tấp vào bài kệ đời Trần của Trúc Lâm sơ tổ: Hữu cú vô cú, Phi hữu phi vô, Khắc chu cầu kiếm... Câu có câu không, Chẳng có chẳng không, Vạch thuyền tìm gươm... Biết như thế, ắt **Lã** sượng lắm, đâu dè sau một nghìn năm trăm năm vẫn còn giăng tay được với ông Thiền tổ trời Nam.

Nhưng thêm bảy trăm năm nữa thì **Lã** đành ngậm ngùi chào thua rồi. Không chào thua sao được khi Đỗ nhẹ nhàng “Thả một hòn sỏi đánh dấu chỗ thuyền trôi”! Hỡi ôi, lại một câu tuyệt cú! Thả một hòn sỏi đánh dấu chỗ thuyền trôi. Thích Ca Mâu Ni hỏi nhỏ họ **Lã**: Ý ý vân hà? Ý ông thế nào? **Lã** cúi đầu, thưa khế: Mô Phật, thiện tai! Thiện tai!

Phải. Cái sát phạt máu me và xương thịt tan tành thời Chiến Quốc khiến cho **Lã** đành nhắc tới kiếm, tới gươm. Khiến cho con thuyền của **Lã** không là thuyền thơ trắng gió.⁽³⁾

Cuối bài báo, tệ đệ có chú thích về họ **Lã** như sau:

Cuối thời Chiến Quốc, **Lã Bất Vi** (? - 235 trước Công Nguyên) chủ biên bộ sách “**Lã Thị Xuân Thu**” tập hợp các học thuyết thời Tiên Tần (từ thế kỷ 3 TCN trở về trước), trong đó

^{(3) (4)} Như chú thích ⁽²⁾.

có tích “Khắc chu cầu kiếm” như sau: Một người nước Sở đang qua sông vô ý đánh rơi thanh gươm xuống nước. Ông ta liền khắc dấu vào mạn thuyền và nói: “Đây là chỗ gươm rơi xuống nước”. Khi thuyền dừng lại, ông ta cứ noi theo dấu khắc trên mạn thuyền mà lặn xuống nước mò gươm. Nhưng thuyền đã đi quá xa chỗ đánh rơi gươm!⁽⁴⁾

Vài năm trước, khi biết bản thảo ban đầu (với sự nhầm lẫn) được dẫn lại nơi trang nhà của bác sĩ Đỗ, tệ đệ đã “meo” cho bác sĩ để nhờ sửa lại cho đúng. Nhưng có lẽ người sửa còn sót nên đã khiến hiền huynh có dịp gửi thư trao đổi với tệ đệ. Hoan hỷ thay! Xin cảm ơn hiền huynh quan tâm và cầu chúc hiền huynh cùng bửu quyến hằng an lạc.

*

@ **Hiền huynh Dương Như Quảng** (Suối Nghệ, Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu). Điện thư ngày 06-8-2018:

Thánh Truyền Trung Hưng (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2017), trang 552, có in lời dạy của Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn: “Chúng sanh sống trong cõi hữu hình vật chất có sẵn lòng bác ái trắc ẩn, tu ố chí tâm.” Xin hỏi: Có phải chí tâm là rất thành khẩn, là thành tâm, như khi nói chí tâm quy mạng lễ không? Và tu ố chí tâm nghĩa là gì?

Huệ Khải: Kính thưa hiền huynh, khi nói chí tâm quy mạng lễ thì **chí tâm** 至 心 có nghĩa là rất thành khẩn, thành tâm, đúng như hiền huynh hiểu.

Nhưng lời dạy của Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn là **tu ố chí tâm**. Bản in 2017 đã sai khi thêm dấu sắc thành **chí**.

Tu ố chí tâm 羞 惡 之 心 nghĩa là lòng hổ thẹn (the feeling

of shame). Tu và ố cùng có nghĩa là xấu hổ, hổ thẹn (ashamed). Bài thánh giáo của Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn đã được chú giải và in trong *Đại Đạo Văn Uyển*, tập Lợi (số 19) năm 2016, tr. 17-20.

Nhân đây xin nói qua về cấu trúc *tu ố chi tâm (A chi B)* mà chúng ta hay gặp khi học thánh giáo. Cấu trúc này hiểu theo tiếng Việt là **A → B**, tức là **A bổ nghĩa cho B**. Chẳng hạn: *thiên địa chi tâm* 天地之心 = lòng trời đất / *phụ tử chi tình* 父子之情 = tình cha con / *vũ trụ chi gian* 宇宙之間 = trong khoảng vũ trụ, v.v...

Trong các bài kinh cúng tứ thời, ta gặp: *Nhật, nguyệt, tinh thần chi quân* 日月星辰之君 = đấng cai quản mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao / *Thánh Thần, Tiên Phật chi chủ* 聖神仙佛之主 = đấng làm chủ (chúa tể) Thánh Thần, Tiên Phật / *nhứt khí chi trung* 一氣之中 = trong một khí / *song thủ chi nội* 雙手之 = trong hai tay / *cửu thập nhị tào chi mê muội* 九十二曹之迷昧 = sự mê muội của bọn chín mươi hai [ức nguyên nhân] / *Tất Viên, Phương Sóc chi bối* 漆園方朔之輩 = các ngài Tất Viên, Phương Sóc / *nhật nguyệt chi quang* 日月之光 = ánh sáng mặt trời, mặt trăng, v.v...

Xưa kia, tại thánh thất Từ Quang (Cẩm Phú, Điện Phong, Điện Bàn, Quảng Nam), Thứ Ba 04-12-1934 (28-10 Giáp Tuất), Đức Nam Cực Tiên Ông giảng cơ dạy:

*Nơi đây Thầy mới định từ
Tam Kỳ Phổ Độ khắp chư môn trùng
Vì chúng sanh ít dùng **Hán tự**
E khó phân khỏi sự lạc lầm*

*Nay đây truyền tiếng **quốc âm**
Ai ai cũng hiểu khó lầm khỏi sai.*

Chúng ta mừng quá, cứ ngỡ rằng Ông Trên sẽ không dùng chữ Nho khi dạy đạo nữa. Nhưng thật ra, khi dùng chữ quốc ngữ thì mấy mươi năm qua các Đấng vẫn không bỏ hẳn từ Hán Việt; các cấu trúc ngữ pháp chữ Hán vì thế vẫn có trong thánh giáo, thậm chí không ít thì bài toàn là từ Hán Việt.

Đọc thánh giáo tiếng Việt không phải lúc nào cũng hiểu dễ dàng, huống chi là từ Hán Việt, cấu trúc ngữ pháp chữ Hán. phần đông đạo hữu vì không hiểu đúng, tự ý sửa chữa, rồi sao chép hoặc in thánh giáo sai sót.

Không riêng từ Hán Việt, ngay cả từ thuần Việt (quốc ngữ) bà con đạo hữu chúng ta viết sai chánh tả chẳng ít. Ngày nay thử đọc những gì bà con tải lên Internet, thấy mà thương!

Chính Đức Tổng Lý Trần Hưng Đạo cũng “ngán” cho cái tật viết sai tiếng Việt của bốn đạo Cao Đài. Thế nên, giảng cơ tại thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận), Thứ Bảy 05-11-1955 (21-9 Ất Mùi), Đức Tổng Lý Vô Vi của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài đã dặn dò tiền bối Thanh Long Lương Vĩnh Thuật (1918-1982) về việc gán các câu chữ cho ngôi Trung Hưng Bửu Tòa tại Đà Nẵng. Đức Thánh Trần chẳng những không cho dùng chữ Nho (Hán tự) mà còn nhấn mạnh rằng “*trong và ngoài hoàn toàn dùng chữ Việt, **chính tả cho đúng***”.

Mỗi lần nhớ tới lời Đức Thánh Trần Hưng Đạo bảo “**chính tả cho đúng**”, tôi lại ngậm ngùi, vừa thương ngài, vừa thương kinh sách Đạo Thầy trải qua gần trăm năm vẫn chưa được con Thầy gắng sức thể hiện chữ nghĩa cho đúng đắn.

*

@ **Nguyễn Chánh Trị Sự Lê Thị Ánh Tuyết** (xã đạo Tam Kỳ, Trung Mỹ, Quảng Nam). Điện thư ngày 10-8-2018:

Chào đạo huynh Huệ Khải. Chủ Nhật vừa rồi tại thánh thất đệ muội ở Hoa Kỳ (thánh thất Cao Đài Houston / Houston Cao Đài Temple, Texas) thảo luận tìm hiểu về KINH CỨU KHỔ. Có hai vấn đề thắc mắc mà tất cả đạo tràng chưa tìm được giải đáp, nên hôm nay mạo muội nhờ đạo huynh giải thích.

1. Tại sao bài KINH CỨU KHỔ trong sách đạo huynh soạn ⁽⁴⁾ và một số nơi khác (như Kinh Tận Độ của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) bắt đầu là câu "Nam mô Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Cảm Quan Thế Âm Bồ Tát"; nhưng Cao Đài Tây Ninh và một số nơi khác lại là "Nam mô Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Quan Thế Âm Bồ Tát". Tại sao "Linh Cảm" lại rút gọn là "Linh"?

2. Trong Kinh Tận Độ (bản in 1995, tr. 145), câu niệm cuối bài KINH CỨU KHỔ là "Nam mô Đại Từ Đại Bi Tầm Thỉnh Cứu Khổ Cứu Nạn Linh Cảm Quan Thế Âm Bồ Tát". Trong Kinh Thế Đạo của Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh (bản in 1992, tr. 108) và trong sách của đạo huynh (đã dẫn) lại là "Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát."

3. Houston Cao Đài Temple là một thánh thất quy tụ tín hữu thuộc các Hội Thánh Cao Đài khác nhau (Tây Ninh, Truyền Giáo, v.v...), cho nên khi hội học, gặp phải một vấn đề gì thì đem ra thảo luận rồi tìm ý kiến thống nhất tối ưu. Giáo lý cao sâu, có rất nhiều điều toàn đạo hữu tại thánh thất chưa thông hiểu được. Nếu đạo huynh cho phép, trong thời gian tới,

⁽⁴⁾ Huệ Khải, *Kinh Cứu Khổ Trong Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2009, 2010, 2011.

đệ muội sẽ gửi câu hỏi để nhờ đạo huynh cho ý kiến. Rất mong đạo huynh giải thích tường tận, để đệ muội chia sẻ cùng đạo hữu tại thánh thất Houston. Vô cùng cảm ơn đạo huynh. Kính mến.

Huệ Khải: Kính thưa hiền tỷ, tôi vui lắm khi nhận được thư hiền tỷ. Một tái ngộ bất ngờ! Mới đó mà đã tám năm. Tôi vẫn nhớ dịp ra Tam Kỳ (Quảng Nam) lần thứ nhất vào trung tuần tháng 7 Canh Dần (2010) để dự đại lễ kỷ niệm 75 năm đưa đạo Cao Đài về Quảng Nam (1935-2010) và kỷ niệm 40 năm hình thành Thánh Đường Quảng Nam (1970-2010). Trong chương trình kỷ niệm có buổi hội ngộ đầu tiên giới thiệu kinh sách Chương Trình Chung Tay Ấn Tống với bốn đạo miền Trung. Buổi giới thiệu chiều hôm ấy đã thành công mỹ mãn, trong đó có công sức của hiền tỷ khi đảm nhiệm làm người dẫn chương trình rất duyên dáng. Tôi quay sang hỏi vị chức sắc Cơ Quan Phổ Tế ngồi cạnh, và được biết hiền tỷ là cô giáo dạy tiếng Anh.

Vừa rồi ấn tống quyển *Sự Nghiệp Trung Hưng* của Thượng Giáo Sư Phạm Văn Liêm (Nxb Hồng Đức 2018), tôi đã chuyển vào đó số tiền công quả của hiền tỷ với lòng thành hồi hướng giác linh song thân và cha chồng hiền tỷ. Nhân đây, Chương Trình Chung Tay Ấn Tống xin thắp nén tâm hương, cầu nguyện giác linh thân phụ hiền tỷ (Giáo Hữu Lê Minh Đức: 1929-2018) sớm được thọ hồng ân Thầy Mẹ nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

Về ba điểm hiền tỷ nêu ra, tôi tuần tự trình bày như sau:

1. Tại sao "Linh Cảm" lại rút gọn là "Linh"?

Câu niệm "Nam mô Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Cảm

Quan Thế Âm Bồ Tát” rất phổ biến xưa nay trong nhà Phật. Ai tụng *Bạch Y Thần Chú* cũng đều niệm như thế. Tôi vừa thử đưa câu niệm này (viết chữ Nho) vào Google thì trong vòng 0,24 giây có được khoảng 3.740 kết quả. Nhưng bốn chữ Cảm đi thì trong 0,28 giây chỉ có đúng 5 kết quả.

Như vậy, tôi nghĩ có lẽ do sao chép bị sót chữ mà *Linh Cảm* trở thành *Linh*, và có thể xưa kia các tiền bối ở Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh đã sử dụng một bản in sót chữ chăng?

Theo tôi, căn cứ vào tính phổ biến của *Linh Cảm* so với *Linh*, ta nên niệm theo truyền thống: “*Nam mô Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Cảm Quan Thế Âm Bồ Tát*”.

2. Về câu niệm cuối bài Kinh Cứu Khổ.

Trong sách đã dẫn của tôi, câu niệm hồng danh Thầy ở cuối bài Kinh Cứu Khổ là do tôi căn cứ theo Kinh Thế Đạo của Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh. Thỉnh thoảng đi cúng thời ở thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận), tôi nghe bốn đạo niệm khác. Xem lại Kinh Tận Độ thì thấy câu niệm là “*Nam mô Đại Từ Đại Bi Tầm Thỉnh Cứu Khổ Cứu Nạn Linh Cảm Quan Thế Âm Bồ Tát*”.

Tôi không biết ở các nơi khác còn có cách niệm nào nữa hơn không. Lý do phát sinh sai biệt thì tôi chưa rõ. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng nếu ở thánh thất hiền tử đang có hai cách niệm khác nhau mà chưa thống nhất được ý kiến, thì hãy thử dung hòa bằng cách trước niệm hồng danh Thầy, sau niệm tiếp hồng danh Đức Bồ Tát. Cốt sao chúng ta giữ được tình thân ái, hòa khí giữa đồng đạo. Bằng không, chúng ta đọc Kinh Cứu Khổ mà lại bất hòa chỉ vì bất đồng ở câu niệm cuối bài kinh thì biết đâu Đức Bồ Tát cũng phải than: “Khổ quá!

Cứu khổ cho chư hiền thiện là khó!”

3. Rất mong được đạo huynh giải thích tường tận, để đệ muội chia sẻ cùng đạo hữu tại thánh thất Houston.

Thưa hiền tử, đạo học thậm thâm mà tôi chỉ mới mon men, rón rén bước vào nhà Thầy. Những dịp đạo hữu gần xa nêu câu hỏi chính là các vị làm giáo viên ra đề kiểm tra cho tôi được dịp làm học trò “trả bài”; nhờ vậy tôi được ôn bài, được học hỏi thêm. Cho nên, tôi biết ơn tất cả quý đạo hữu ấy.

Từ nay, đã có địa chỉ e-mail của hiền tử, mỗi khi tải kinh sách ấn tống lên các *blogs* của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống, tôi sẽ chuyển đường *links* về hiền tử. Như vậy hiền tử có thể tham khảo và chia sẻ với các đạo hữu quan tâm; chúng ta giải quyết được trở ngại không gian ngăn cách khiến bất tiện gởi sách in qua Houston biểu thánh thất và quý đạo hữu.

Cầu chúc hiền tử và bửu quyến hằng an lạc trong hồng ân Thầy Mẹ.

*

@ **Hiền hữu Nguyễn Văn Hương** (Long Định, Long Kiến, Chợ Mới, An Giang). Điện thư ngày 11-8-2018:

*Tôi nghe bá tánh bảo rằng Đức Mạnh Tử khuyên: **Đọc sách mà tin hết vào sách thì tà không có sách. (Tận tín thư bất như vô thư.)** Xin hỏi: Thật sự Đức Mạnh Tử có khuyên như vậy không?*

Huệ Khải: Chào hiền hữu. Ngày 11-8-2018, vừa đọc thư hiền hữu xong, tôi thử dùng Google tìm kiếm câu hiền hữu hỏi, và lập tức thấy trong vòng 0,52 giây có liền 2.890 kết quả. Sợ chưa? Người Việt chúng ta dễ dãi sao chép lẫn nhau

không cần kiểm chứng và lan truyền một câu văn không chính xác rồi gán ngay cho Đức Mạnh Tử là tác giả.

Sách *Mạnh Tử* gồm bảy thiên 篇 (cũng như chương / chapter), chia làm hai quyển gọi là Thượng, Hạ. Quyển Hạ gồm bốn thiên. Thiên chót gọi là *Tận Tâm* 盡心 và chia làm hai phần, gọi là *Tận Tâm Thượng*, *Tận Tâm Hạ*. Theo bản *Mạnh Tử* của James Legge (1815-1897), trong *Tận Tâm Hạ*, ở đoạn đánh số 49 mở đầu như sau:

孟子曰：盡信《書》，則不如無《書》。(Mạnh Tử viết: Tận tín «THƯ», tắc bất như vô «THƯ».)

1. Trước hết, ta thấy, khi nói “*Tận tín thư bất như vô thư*”, người Việt đã bỏ sót chữ tắc (liên từ / conjunction, có nghĩa: thì, thì là). Thí dụ: *Bất tiến tắc thoái* 不進則退 (Không tiến là lùi). *Luận Ngữ*, thiên *Học Nhi*, có câu này: *Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc dĩ*. 弟子入則孝, 出則悌. (Con em ở trong nhà thì hiếu thảo [với cha mẹ], ra ngoài thì kính nhường [người lớn]).

2. Lại thấy, chữ THƯ 書 được James Legge đặt trong dấu ngoặc kép. Thì ra nó không có nghĩa chung chung là sách vở (books), mà là nhan đề một pho kinh trong Ngũ Kinh (*Dịch, Thư, Thi, Lễ, Xuân Thu*). Vâng, THƯ trong câu chữ Nho dẫn trên là Kinh Thư, còn gọi là THƯỢNG THƯ 尚書, ghi chép các sự kiện lịch sử Trung Quốc thời cổ (vua Nghiêu, vua Thuấn; ba nhà Hạ, Thương, Tây Chu).

James Legge dịch câu chữ Nho trên đây như sau:

Mencius said, “It would be better to be without the Book of History than to give entire credit to it.”

Nghĩa là: *Mạnh Tử nói, “Thà không có (Kinh) Thư còn hơn là tin hết vào (Kinh) Thư.”*

3. Tại sao Đức Mạnh Tử không cả tin vào Kinh Thư?

Kinh Thư có tới hai mươi lăm thiên ngụ tác (apocrypha), trong đó có thiên *Vũ Thành* 武成 (Thành Tụ Chiến Sự / *Successful Completion of the War*). Thế nên, sau khi nói “*tắc bất như vô thư*”, Đức Mạnh Tử lập tức giải thích lý do ngài chỉ tin (Kinh) Thư một phần nào:

吾於《武成》，取二三策而已矣。(Ngô ư «Vũ Thành», thủ nhị tam sách nhi dĩ hỹ.)

James Legge dịch câu chữ Nho trên đây như sau:

In the “Completion of the War,” I select two or three passages only, which I believe.

Nghĩa là: *Trong [thiên] Vũ Thành, ta chỉ chọn lấy hai hay ba đoạn mà ta tin tưởng.*

Trở lại với khoảng 2.890 trường hợp người Việt diễn dịch và trích dẫn không đúng câu nói của Đức Mạnh Tử, phải chăng đây là cái thói quen dễ dãi sao chép lẫn nhau bất cần khảo chứng của người Việt?

Cũng bởi thói quen này, phải chăng xưa nay người Việt chúng ta vô tình đã “vu khống” Đức Mạnh Tử khi cứ bảo rằng ngài từng nói câu “*Tận tín thư bất như vô thư*” theo nghĩa “*Độc sách mà tin hết vào sách thì thà không có sách.*”?

Thưa hiền hữu,

Nhân trả lời câu hỏi của hiền hữu, nói tới thói quen dễ dãi sao chép lẫn nhau bất cần khảo chứng của người Việt, xin

nhắc lại rằng mục *Gió Bốn Phương* trên *Đạo Uyển Thu 2018* (tr. 138-140), hiền hữu Lê Anh Minh cho biết câu đối “*Thời lai phong tống Đấng Vương Các / Vận khứ lôi oanh Tiến Phúc Bi*” vốn của người khuyết danh, không phải là hai câu thơ của Tô Đông Pha đời Tống; thế nhưng xưa nay người Việt vẫn cứ đề quyết là thơ của Tô Đông Pha.

Từ khi chủ biên Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, thỉnh thoảng tôi nhận được một số bản thảo của quý đạo hữu gần xa gửi về. Quý vị ấy hay trích thánh giáo. Tôi kiểm tra lại thì thấy hoặc là sai hồng danh Đấng giảng cơ, hoặc sai sót chữ nghĩa. Thậm chí, có vị trích dẫn bài thơ bốn câu mà hai câu trên vốn của Đức Lý, hai câu dưới vốn của Đức Mẹ, thế nhưng trong bản thảo lại ghi là “*Đức Chí Tôn dạy*”. Tôi đoán rằng khi trích dẫn, vị ấy chỉ chép theo trí nhớ chứ không chịu khó mở kinh sách ra dò lại cẩn thận.

Hiền hữu mến, ngoài câu hỏi thú vị trên đây, trong thư khá dài hiền hữu còn cho biết từng có ý muốn gửi bài về *Đạo Uyển*, nhưng lại ngại ngần, vì lẽ “*cảm thấy Ban Ấn Tống khó tánh quá xá!*” Vâng, chúng tôi tuy ráng kỹ lưỡng mà vẫn cứ không sạch hết lỗi lầm mỗi khi in sách. Nếu không “khó tánh quá xá” như hiền hữu bảo thì sách ấn tống của Chương Trình chúng mình in ra ắt sẽ tệ hại lắm. Nếu trót thế, chúng tôi tránh sao khỏi đắc tội vì thiếu trách nhiệm đối với công quả của quý ân nhân thương mến, tin cậy gửi gắm.

Vậy, rất mong hiền hữu sẽ gửi bài góp mặt với *Đạo Uyển*. Lỡ thấy bài không đăng, thì hãy vui vẻ tự nhủ: *Mình biết trước rồi mà. Mình nói có sai đâu hén!* Sau đó, hiền hữu vẫn hằng hái gửi thêm bài khác, rồi lại thêm bài khác nữa. Cười...

Xin cảm ơn hiền hữu nhiều năm qua vẫn luôn là bạn đọc

trung thành của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống. Chúc hiền hữu an lạc trong hồng ân Thầy Mẹ. Quý mến.

*

@ Hiền muội Phương Hà (Mang Thít, Vĩnh Long). Điện thư ngày 12-8-2018:

Đọc Đại Đạo Văn Uyển và Đạo Uyển, em thấy hay nhắc tới James Legge. Xin Ban Ấn Tống cho em biết về đạo nghiệp của vị này.

Lê Anh Minh: James Legge có phương danh chữ Nho là Lý Nhã Các 理雅閣. Ông là giáo sĩ của Hội Truyền Giáo London (*the London Missionary Society*), và là một nhà Hán học cự phách. Ông sinh ngày 20-12-1815 tại Huntly, Aberdeenshire, Tô Cách Lan (*Scotland*), và tạ thế ngày 29-11-1897 tại Oxford, nước Anh.

Ngày 10-01-1840, ông đến Malacca (ở Mã Lai) làm viện trưởng của Anh Hoa Học Viện 英華學院 (*Ying Wa College / the Anglo-Chinese College*). Năm 1843, ông từ Malacca đến Hương Cảng (*Hong Kong*) và cư trú ở đây suốt ba mươi năm. Vì vậy, ông đồng thời là đại diện của Hội Truyền Giáo London tại Malacca và Hương Cảng (1840-1873).

Từ năm 1876 cho đến lúc mất, ông dạy chữ Hán tại Viện Đại Học Oxford, nước Anh. Ông phiên dịch hầu hết những kinh điển trứ danh của đạo Nho sang tiếng Anh (như *Nho Giáo Thập Tam Kinh*) và một số kinh điển đạo Lão.

Những năm 1879-1891 ông cộng tác với triết gia Đức kiêm nhà Đông phương học Max Müller (1823-1900) cùng nhiều học giả khác hợp soạn bộ sách kỳ vĩ nhan đề *Sacred*

Books of the East (Kinh điển phương Đông, 50 quyển).

Một số tác phẩm của James Legge:

- *The Life and Teaching of Confucius with Explanatory Notes* (Cuộc đời và giáo huấn của Khổng Tử, chú giải Luận Ngữ), London, 1861.

- *The Religions of China* (Các tôn giáo của Trung Quốc), London, 1880.

- *The Shu-king* (Kinh Thư), Oxford, 1879.

- *The Yih-king* (Kinh Dịch), Oxford, 1882.

- *The Texts of Taoism: Tao-teh-king* (Đạo Lão kinh điển: Đạo Đức Kinh), Oxford, 1891.

- *The Writings of Kwang-zze in the Texts of Taoism* (Trang Tử), Oxford, 1891.

- *The Life and Works of Mencius with Essays and Notes* (Mạnh Tử, cuộc đời và tác phẩm có chú giải), London, 1875.

- *The Thai-shang Tractate of Actions and Their Retributions* (Thái Thượng Cầm Ứng Thiên), Oxford, 1891, v.v...

Nên biết thêm rằng năm 1815 Hội Truyền Giáo London thành lập một nguyệt san bằng Hán ngữ tại Malacca. Một người tiên phong trong lĩnh vực báo chí ở đây là Vương Thao 王韜 (1828-1897), nguyên là văn nhân, làm chủ bút tiếng



James Legge (1815-1897)



“Tiến sĩ Legge và ba môn sinh người Hoa”
tranh vẽ của Henry Room (1802-1850, người Anh)

Hán suốt những năm 1850. Vì bị nghi ngờ có liên lạc với loạn Thái Bình nên Vương Thao bỏ chạy sang Hương Cảng dưới sự che chở của người Anh. Mười năm sau đó ông giúp James Legge hoàn thiện công trình phiên dịch *Ngũ Kinh* sang tiếng Anh (lúc đó James Legge đã dịch xong *Tứ Thư* rồi). Sau đó James Legge và Vương Thao đã cư trú ở Scotland hai năm. Nhờ tiếp xúc rất nhiều với phương Tây và thông thạo ngành xuất bản, Vương Thao trở thành nhà báo độc lập trong những năm 1870 và tự thành lập một tờ nhật báo tại Hương Cảng. Như vậy, James Legge có những công trình phiên dịch kinh điển để đời cũng nhờ sự phụ tá của Vương Thao.

*

@ Cô giáo **Têrêsa Hải Đồng Giêsu Nguyễn Thị Thanh Thủy**, giáo xứ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, hạt Xóm Mới, Gò Vấp. Điện thư ngày 17-8-2018:

Chào bác Huệ Khải, bác có khỏe không ạ? Con vừa xem "Tản Mạn Chuyện Đạo" của tác giả Nguyễn Văn Nghĩa, sao con thấy bóng dáng mình trong đó. Có lúc mình bức bối gì đó làm buồn lòng người khác lại thấy xấu hổ... Con kính chúc bác luôn vui mỗi ngày. Con, Thanh Thủy.

Huệ Khải: Cô Thanh Thủy quý mến. Cô sắp trở lại bức giảng rồi nhỉ? Đã khá lâu tôi không viết thư thăm cô và gia đình. Hôm qua, sau khi đưa *Đạo Uyển Thu 2018* đi nhà in, tôi liền đăng các bài vào blog, rồi gởi đường dẫn tới một số đạo hữu. Lúc ấy bất chợt nghĩ tới cô, nên gởi luôn. Vậy nên cô là một trong số chừng mươi vị đạo hữu được xem *Đạo Uyển Thu 2018* rất sớm.

Bác Nguyễn Văn Nghĩa trong tuổi thất tuần, đang tu hành tại gia ở Tây Ninh. Nếu biết rằng "*Con vừa xem 'Tản Mạn Chuyện Đạo' của tác giả Nguyễn Văn Nghĩa, sao con thấy bóng dáng mình trong đó*", ắt bác ấy cũng vui vui và sẽ viết thêm bài mới để tiếp tục gởi tới Đạo Uyển.

Tháng 8 này các nơi, đặc biệt là trung tâm Đức Mẹ La Vang, đều dâng thánh lễ, dâng hoa, và hướng vọng về Đức Mẹ Maria. Tôi cầu nguyện Đức Mẹ ban ơn lành đến cô giáo và gia đình, phù trợ mọi đạo sự cô đang đảm đương nhiều năm nay tại giáo xứ.

*

❶ **Hiền huynh Long**, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Điện thoại ngày 21-8-2018:

*Trong Kinh Sám Hối có câu: "Nói năng mình chánh, lời ra phải **nhìn**." Nhưng đi cúng tôi thấy có nhiều nơi đọc: "Nói năng mình chánh, lời ra phải **gìn**." Vậy, chữ nào mới đúng?*

Huệ Khải: Chào hiền huynh, theo bản gốc từ Minh Lý Đạo (là nơi tiếp nhận Kinh Sám Hối), thì câu kinh đúng chính là: "*Nói năng mình chánh, lời ra phải **nhìn**.*"

Trong *Tìm Hiểu Kinh Cúng Tứ Thời* (Thanh Căn và Huệ Khải soạn chung, Nxb Tôn Giáo, 2011), tr. 56, chú thích 63, tôi viết: *Lời ra phải nhìn*: Nhìn nhận, không chối bỏ lời đã nói ra (*to keep one's word, to be true to one's word*).

Nay tôi bổ sung như sau: Chữ **nhìn** trong câu kinh dẫn trên là từ Việt cổ.

Trong *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* (quyển II, 1896, tr. 131, cột 2), Paulus Của giảng **Nhìn** có nghĩa: "*(...) nhận là của mình.*"

Trong *Chuyện Giải Buồn* (quyển hai, 1886), chuyện kể số 84 (nhân đề: *Tra án*), Paulus Của viết: "*Tên Châu (...) nói với vợ họ Cổ rằng: '(...) thôi trước nói làm sao, bây giờ phải **nhìn** lời.*" "Vậy, **nhìn lời** tức là giữ lời hứa.

Khi ban truyền Kinh Sám Hối, ngày 22-5-1925 (01-4 nhuận Ất Sửu), Đức Quan Thánh Đế Quân dạy: "*Nói năng mình chánh, lời ra phải **nhìn***", có nghĩa đã nói ra thì phải giữ lời hứa. Tín đồ đọc kinh, sửa lại là "*Nói năng mình chánh, lời ra phải **gìn***", tuy ý nghĩa không sai, nhưng không còn đúng nguyên văn, và lại làm mất đi một từ Việt cổ mà Đức Quan Thánh giúp chúng ta bảo tồn.

*

@ Cháu Trà Thị Biên Đình (Tân Biên, Tây Ninh). Điện thư ngày 06-9-2018:

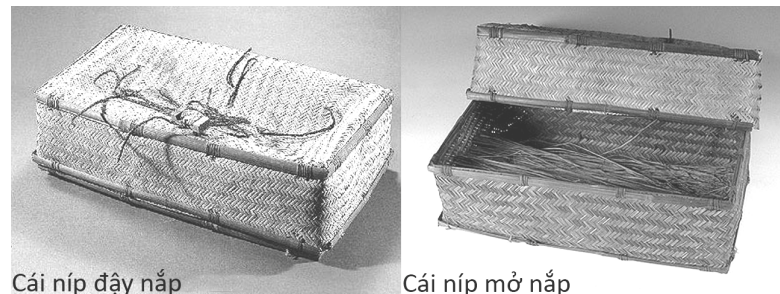
Theo “Đạo Sử Xâu Bàn” (quyển I) của Nữ Đầu Sư Hương Hiếu (bản ronéo, trang 24), ngày 13-11-1925 (27-9 Ất Sửu), Đức AẤA giải Nghĩa “Niếp tử” như sau: “**Niếp** là rương đựng sách. / **Tử** là thầy Đức Khổng Tử. / **Niếp tử**: là rương đựng sách của Đức Khổng Tử (...)” Cháu thấy chỗ này khó hiểu. Thử tra từ điển Hán Việt thì không thấy chữ Niếp nào hết. Xin bác Huệ Khải giải thích giúp cháu. Cháu cảm ơn bác.

Huệ Khải: Chào cháu Biên Đình. Nhìn thấy tên cháu, tôi không khỏi mỉm cười. Nhà cháu ở huyện Tân Biên, sát biên giới Campuchia, nên cha cháu đặt tên cháu là Biên Đình 邊庭 rất hay; và nó còn cho thấy cha cháu thích Truyện Kiều, ở mấy câu Nguyễn Du tả Từ Hải: *Bổng đâu có khách biên đình sang chơi / Râu hùm, cằm én, mày ngài / Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao / Đường đường một đấng anh hào / Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.*

Trả lại câu cháu hỏi; nói khó hiểu là đúng rồi, vì hai lẽ.

Một, có thể là vị đạo hữu làm công quả đánh máy giúp tiền khai Hương Hiếu gõ sót chữ chẳng? Trong bản ronéo tôi đang có, cũng như các bản điện tử trên Internet, đều viết giống như cháu trích dẫn: “*Tử là thầy Đức Khổng Tử.*”

Theo tôi, câu văn sẽ rõ nghĩa ngay nếu thêm dấu phẩy và viết: *Tử là thầy, ám chỉ Đức Khổng Tử.* Chúng ta biết, trong sách *Luận Ngữ*, thường chép Tử viết 子曰, nghĩa là Đức Khổng nói. Vậy, phải viết hoa chữ Tử (**Níp Tử**, thay vì *Niếp tử*; xem tiếp giải thích bên dưới).



Hai là chữ **Niếp**. Người đánh máy đã gõ sai chánh tả. Đúng ra là **Níp**. Đây là một từ Việt cổ, có nghĩa là cái rương (tráp, hòm) bằng tre, thường dùng đựng sách vở (mà đựng đồ vật khác cũng được). Như vậy, Đức AẤA giảng “**Níp** là rương đựng sách” thì đúng quá rồi.

Chữ Nho gọi **níp** là **cấp** 笈, ghép chữ *cập* 及 với bộ trúc 竹 nằm phía trên (vì níp làm bằng tre). **Cấp** dịch ra tiếng Anh là “trunks (for books)” (những cái rương đựng sách);⁽⁵⁾ hay là “square bamboo container for food or clothing” (cái vật chứa vuông vắn đan bằng tre dùng đựng thức ăn hay cất quần áo).⁽⁶⁾ Bởi vậy có thành ngữ **phụ cấp tùng sư** 負笈從師 (mang níp theo thầy), ý nói dốc lòng theo thầy học hành; hay **phụ cấp viễn du** 負笈遠遊 (mang níp đi chơi xa).

Nhắc lại, **níp** là từ Việt cổ. Ngày xưa, các cụ soạn *Tam Thiên Tự* dạy chữ Nho cho người Việt, có ba lần dùng chữ **níp** để giảng nghĩa ba chữ Nho khác nhau. Thật vậy:

- Mở *Tam Thiên Tự* 三千字 (Ba ngàn chữ) do Đoàn Trung

⁽⁵⁾ <https://www.yellowbridge.com/chinese/dictionary.php>

⁽⁶⁾ <https://www.mdbg.net/chinese/dictionary?page=worddict&wdrst=0&wdqb=%E7%AC%A5>

Còn in (Sài Gòn: Trí Đức Tùng Thư, 1959), trang 26, chữ thứ 1719 (xem chữ Nho hàng thứ bảy, từ trái đếm sang chữ thứ bảy), ta thấy chữ 笊 mà các cụ đọc là **cập**, giảng là **níp**. Nay các từ điển Hán Việt đọc 笊 là **cấp**.

- Cũng bản in của Đoàn Trung Còn, trang 25, chữ thứ 1642 (xem chữ Nho hàng thứ tám, từ trái đếm sang chữ thứ hai), ta thấy chữ 篋 mà các cụ đọc là **hiệp**, giảng là **níp**. Nay các từ điển Hán Việt đọc 篋 là **khiếp**. *Đẳng khiếp* 籐篋 là cái níp đan bằng mây, *thư khiếp* 書篋 là níp đựng sách. Chữ **khiếp** cũng viết với bộ trúc 竹 phía trên (vì khiếp làm bằng tre).

- Vẫn bản in của Đoàn Trung Còn, trang 13, chữ thứ 687 (xem chữ Nho hàng thứ tám, từ trái đếm sang chữ thứ bảy), ta thấy chữ 筭 mà các cụ đọc là **tư**, giảng là **níp**. Nay các từ điển Hán Việt đọc 筭 là **tứ**, tức là cái sọt tre vuông vức; tiếng Anh dịch là "square bamboo container for food or clothing" (cái vật chứa vuông vắn đan bằng tre dùng đựng thức ăn hay cất quần áo).⁽⁷⁾ Chữ **tứ** cũng viết với bộ trúc 竹 phía trên (vì tứ làm bằng tre).

*

❶ **Hiền hữu Nguyễn Trung Tín** (thánh thất Trung Dương, Đơn Dương, Lâm Đồng). Tin nhắn ngày 14 và 18-9-2018:

1. Trong *Đại Đạo Văn Uyển Tập Lợi* 2014, có câu thánh thi của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn: Hãy đến non Tiên tìm **Lão Hủ** / Mối tường đáy nước ẩn giao long. *Xin hỏi Lão Hủ là vị nào?*

⁽⁷⁾ <https://www.yellowbridge.com/chinese/dictionary.php>

2. Trong *Đại Đạo Văn Uyển Tập Nguyên* 2014, có câu: Giáng linh Hộ Pháp **Vi Đà** / Chuyển cây ma xử đuổi tà trục tinh. *Xin hỏi Vi Đà và Di Đà là một vị hay hai vị?*

Huệ Khải: Chào hiền hữu. Xin lần lượt trả lời như sau:

1. **Hủ 朽** (tính từ) là mục nát. Cái gì tồn tại mãi mãi được gọi là *bất hủ 不朽 (immortal)*. Khi nói về con người thì *hủ* nghĩa già yếu, suy nhược. Người già cả tự xưng *lão hủ 老朽* để ngụ ý mình tuổi già sức yếu; cũng là cách nói khiêm tốn. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn tự xưng **Lão Hủ** là theo ý này; chúng ta viết hoa để tỏ ý tôn kính ngài.

2. Hộ Pháp **Vi Đà** 韋陀 trong *Đại Đạo Văn Uyển Tập Nguyên* 2014 đã giải thích rồi và kèm theo hình minh họa, nên không nhắc lại nơi đây.

Di Đà là cách nói tắt hồng danh **Phật A Di Đà** (阿彌陀, *Amitābha*). Phật tử tu theo pháp môn Tịnh Độ luôn niệm *Nam mô A Di Đà Phật* để mãn kiếp trần được vãng sanh vào cõi Tịnh Thổ 淨土 (*Pure Land*) của Đức Phật Di Đà. Bên cạnh là hình vẽ Đức Phật Di Đà theo quan niệm của Phật Giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhism*).



Như vậy Hộ Pháp Vi Đà và Phật Di Đà là hai vị khác nhau. Có điều, phần đông đạo hữu miền Nam khi nói **Vi Đà** đều phát âm giống như **Di Đà**, không phân biệt **Vi** và **Di**.

*



KINH SÁCH MỚI IN

*“... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh
hiền truyện.”* Đức GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO

Vạn Quốc Tự, Sài Gòn, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Sách ấn tống quý Bốn năm 2018 liên kết Nxb Hồng Đức:

118-1. ĐỌC LẠI CHUYỆN GIẢI BUỒN (Huệ Khải, in 2.500 quyển) – Do công quả **13.400.000** đồng) của quý ân nhân: Gia đình ĐTr BẢO TIẾN (TTi Thanh Tịnh Đàn) / Gia đình ĐT BÙI THỊ CẢNH (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà) / ĐT DƯ THỊ BẢO HÒA (TT Bình Thạnh, HTCD Tây Ninh) / Gia đình ĐTr HIỆP NHƠN TÂM (TTi Thanh Tịnh Đàn) / ĐT HUỲNH NGỌC DỐI (TTi Thanh Tịnh Đàn) / Giác linh ĐT HUỲNH THỊ LỜI (84 tuổi, TT An Thạnh, Ban Chính Đạo) / ĐH NGUYỄN HOÀNG HOA (Phượng Thạnh, Càng Long, Trà Vinh) / ĐH NGUYỄN VĂN HƯỜNG (phường Phước Long B, quận 9, TpHCM) / ĐT TRẦN THỊ THU VÂN (TT Trung Thành).

ĐẠO UYẾN ĐÔNG 2018 (tập 28), in 2.000 quyển, do công quả **23.365.000** đồng của quý huynh tử phương danh như sau:

I. Quý đạo tâm ân nhân gần xa, công quả 950,000 đồng

01	TRƯƠNG THỊ LỆ THỊ. Đồng Thạnh, Cấn Giuộc. Hồi hướng bà nội (ĐT Nguyễn Thị Vẹ). Gởi đợt 50.	400,000
02	NGỌC BÍCH HƯƠNG (TTi Thanh Tịnh Đàn). Gởi đợt 138.	200,000
03	VÕ THỊ THẾ (TTi Thanh Tịnh Đàn). Gởi 14-8.	200,000
04	Đạo hữu ẨN DANH. Gởi ACB. Đợt 136, 138.	150,000

II. Quý ân nhân thuộc Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo, công quả 7,200,000 đồng.

05	PHẠM TRUNG QUỐC (TT Nhựt Chánh). Gởi đợt 113, 127, 131.	1,500,000
06	NGUYỄN THỊ MINH GIANG (TT Nhựt Chánh). Gởi đợt 127, 131.	1,000,000
07	TRẦN THỊ LỆ HẰNG (TT Long Phú): chung cư Botanic, Nguyễn Thượng Hiền, Phú Nhuận. Gởi đợt 114, 128.	1,000,000
08	LÊ THỊ Ê (TT An Thạnh). Gởi đợt 124.	500,000
09	Thánh thất NHỰT CHÁNH, Bến Lức. Gởi đợt 124.	500,000
10	PHẠM NHỰT TRƯỜNG (TT Nhựt Chánh). Gởi đợt 131.	500,000
11	PHẠM QUẾ TRÂM (TT Nhựt Chánh). Gởi đợt 131.	500,000
12	PHẠM THANH LONG (TT Nhựt Chánh). Gởi đợt 127.	500,000
13	PHẠM THỊ ANH THƯ (TT Nhựt Chánh). Gởi đợt 134.	500,000
14	PHẦN THÀNH TÂM (TT Nhựt Chánh). Gởi đợt 134.	500,000
15	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC (tự Út Thắm, TT Phước Đông). Hồi hướng chơn linh thân phụ (ĐH Phạm Văn Măng). Gởi đợt 114.	200,000

III. Quý ân nhân thuộc Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo, công quả 4,500,000 đồng.

16	TRẦN AN (Mỹ). Hồi hướng cha mẹ (ĐH Trần Sum, ĐT La Liên). Gởi đợt 132, 135, 132.	1,500,000
17	LÊ THỊ TÚ PHONG (An Xuyên, Cà Mau). Gởi đợt 125, 132.	750,000
18	TỬ VĂN AN (An Xuyên, Cà Mau). Gởi đợt 125, 132.	750,000
19	NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàn). Gởi đợt 138. Hồi hướng giác linh ĐH Nguyễn Văn Mới, giác linh ĐT Võ Thị Quán, giác linh Lê Sanh Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang).	500,000
20	NGUYỄN THỊ TỬ PHƯỢNG (Mỹ). Gởi đợt 132, 135.	400,000
21	TỬ THANH TOÀN (TT Thiên Lý). Gởi đợt 138.	200,000
22	TỬ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đàn). Gởi đợt 138.	200,000
23	HỒ QUỐC HÙNG (TT Thành Tâm Đàn). Gởi đợt 138.	100,000
24	NGUYỄN TẤN TRIỀU (TT Thành Tâm Đàn). Gởi đợt 138.	100,000

IV. Quý ân nhân thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh, công quả 10,715,000 đồng

25	AN TRẦN, HỒNG NGUYỄN, PHƯỢNG HỒ (Hoa Kỳ): Gởi đợt 117. Mỗi vị 200,000.	600,000
26	NGUYỄN THÁI DŨNG. Phường 4, TP.Tây Ninh. Gởi đợt 111, 112, 114, 118, 135, 136.	550,000
27	Thông Sự NGUYỄN THÀNH HỒNG (TT Phường 6): Trà Vinh. Gởi đợt 73, 76, 80, 85.	550,000
28	HUỲNH VĂN MẬT (TT Khố Hiến Trang). Tiền Giang. Gởi đợt 133.	500,000
29	LÊ THỊ SÁU tức Sáu Hà (TT Khố Hiến Trang). Tiền Giang. Gởi đợt 133.	500,000
30	LÊ THỊ VÂN. Đường Lê Niêm, Tân Phú, TpHCM. Gởi đợt 133.	500,000
31	LÊ KIM BỬU, LÊ NGUYỄN HOÀNG TIẾN (TIẾN?): (TT Sài Gòn): Chung cư Chợ Quán. Hồi hướng cữu huyền thất tổ. Gởi đợt 12, 23, 34.	465,000
32	TRẦN THỊ KIM SON. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 136, 139.	400,000
33	TRẦN VĂN MINH (TT Thạnh Trị). Gởi đợt 71, 85.	400,000
34	NGÔ KIM LOAN. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 108, 114, 115 (hai lần).	390,000
35	PHAN MINH TRUNG (TT Trường Tây). Trường Phước, Trường Tây, Hòa Thành. Hồi hướng cố PTS Nguyễn Thị Chở (83 tuổi). Gởi đợt 30, 40, 77.	300,000
36	TRẦN THỊ KIM HUỆ. Hiệp Bình, Hiệp Ninh, Tp Tây Ninh. Gởi đợt 129.	300,000
37	TRƯƠNG VĂN ĐỨC. Long Vĩnh, Bến Cầu, Tây Ninh. Gởi đợt 111, 112.	250,000
38	BÙI THỊ SON. Phước Ninh, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi đợt 130.	200,000
39	NGUYỄN HỒNG THÚY. Trường Tây, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 133.	200,000
40	NGUYỄN THỊ NGỌC EM. Long Bình, Long Thành Nam, Hòa Thành, TN. Gởi đợt 133.	200,000
41	NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIẾP (TT Sa Đéc): Phú Mỹ Hưng. Gởi đợt 66.	200,000
42	NGUYỄN THỊ OANH (ĐTPM Sóc Trăng): Lê Duẩn, Tp Sóc Trăng. Gởi đợt 117.	200,000
43	NGUYỄN THỊ TIẾT (TT Hiệp Ninh): Hồi hướng cữu huyền thất tổ. Gởi đợt 65.	200,000
44	NGUYỄN THỊ TRÚC: Kha Vạng Cân, Hiệp Bình Phước, Thủ Đức. Hồi hướng cữu huyền thất tổ. Gởi đợt 54.	200,000
45	NGUYỄN TRUNG HÒA: Phước Đông, Phước Chỉ, Trảng Bàng. Hồi hướng thân phụ (Nguyễn Phước Tường, Hộ Vụ TT Bình Thạnh). Gởi đợt 48A.	200,000

46	NGUYỄN VĂN ĐỂ (TT Long Định): Bình Đại, Bến Tre. Gởi đợt 44.	200,000
47	NGUYỄN VĂN SANH. Phường 3, Tp Tây Ninh. Gởi đợt 118.	200,000
48	PHẠM THANH THUY: Tân Quý, Tân Phú. H/h cứu huyền thất tổ. Gởi đợt 123, 129.	200,000
49	TRẦN HỮU LỢI (TT Sài Gòn). Gởi đợt 88.	200,000
50	TRẦN KHÁNH VY. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 136.	200,000
51	TRẦN THỊ NGUYỆT CƯƠNG: Ninh Thuận, Bàu Năng, Dương Minh Châu. Gởi đợt 106.	200,000
52	TRƯƠNG MỸ LÊ: Long Vĩnh, Bến Cầu, Tây Ninh. Gởi đợt 111.	200,000
53	TRƯƠNG THỊ MỸ: Long Vĩnh, Bến Cầu, Tây Ninh. Gởi đợt 111.	200,000
54	PTS TRƯƠNG THỊ NHẪN (TT Long Khánh): Suối Cát, Xuân Lộc. Gởi đợt 72.	200,000
55	VÕ THỊ PHƯƠNG: Long Thành Bắc, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 129.	200,000
56	PTS VÕ THỊ XUÂN HOA (TT Thạnh Phú): Thạnh Phú, Bến Tre. Gởi đợt 25, 71.	200,000
57	VÕ VĂN LÂM: Ninh Diên, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 120.	200,000
58	LÂM THỊ CHUM. Ninh Diên. Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 118, 120.	150,000
59	NGUYỄN HOÀNG YẾN. Ninh Sơn, TX Tây Ninh. Gởi đợt 131, 133.	150,000
60	NGUYỄN THỊ NGÀ. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 131, 135.	150,000
61	NGUYỄN THỊ UYÊN PHƯƠNG. Long Thành Trung, Hòa Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 133.	150,000
62	TRẦN THỊ HỒNG: Long Thuận, Bến Cầu, Tây Ninh. Gởi đợt 111, 112.	150,000
63	VÕ VĂN KHANG. Long Vĩnh, Châu Thành, TN. Gởi đợt 125.	100,000
64	VÕ VĂN TỬU: Tổ nghi lễ Gia An, (TT Võ Xu), Đức Linh, Bình Thuận. Đợt 42.	100,000
65	TRẦN THỊ BÉ: Bình Thủy, Cần Thơ. Gởi đợt 115.	40,000
66	NGUYỄN THỊ ÚT: Bàu Năng, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi đợt 120.	20,000

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ ÂN NHÂN CÔNG QUẢ ẤN TỔNG

Đợt Một Trăm Ba Mươi Tám: Từ ngày 01-8-2018 đến ngày 31-8-2018

Môn sanh, đạo tâm:

01	Đạo hữu ẨN DANH. Gởi ACB ngày 27-8.	50,000
02	Gia đình ĐT LÊ THỊ KIẾU OANH. Thần Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang. Gởi 22-8.	500,000
03	ĐT TRẦN NGỌC HƯỜNG (TT Calgary, Alberta, Canada). Gởi 12-8. (100\$Can)	1,790,000

THÁNH TỊNH THANH TỊNH ĐÀN (TIỀN GIANG)

04	Gia đình ĐTr BẢO TIẾN (TTi Thanh Tịnh Đàn): Gởi 10-8.	1,000,000
05	Gia đình ĐTr HIỆP NHƠN TÂM (TTi Thanh Tịnh Đàn). Gởi 10-8.	1,200,000
06	ĐT HUỖNH NGỌC DỐI (TTi Thanh Tịnh Đàn): Gởi 18-8. Hồi hướng ĐH Nguyễn Hồng Hiếu.	2,000,000
07	ĐT NGỌC BÍCH HƯƠNG (TTi Thanh Tịnh Đàn). Gởi 22-8.	200,000
08	Gia đình ĐT NGỌC VĂN HƯƠNG (TTi Thanh Tịnh Đàn). Gởi 14-8.	500,000
09	ĐT PHẠM THỊ THANH LAN (TTi Thanh Tịnh Đàn). Gởi 18-8. Hồi hướng giác linh song thân (ĐH Phạm Văn Sáu và ĐT Đinh Thị Mùi).	500,000
10	ĐT VÕ THỊ THẾ (TTi Thanh Tịnh Đàn). Gởi 14-8.	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

11	ĐH NGUYỄN HOÀNG HOA (Phước Thạnh, Càng Long, Trà Vinh). Gởi ACB 13-8. Hồi hướng giác linh phụ mẫu (cổ Lễ Sanh Thượng Sóc Thanh [Nguyễn Văn Sóc] 97t; cổ Thông Sự Trần Thị Lành, 93t; nhạc mẫu Nguyễn Thị Nuôi, 71t, thuộc HTCD BCD).	2,000,000
12	ĐH NGUYỄN THIÊN DUY (TT An Thạnh). Gởi 12-8.	500,000
13	ĐH NGUYỄN VĂN HƯỜNG (phường Phước Long B, quận 9, TpHCM). Gởi 21-8. Hồi hướng giác linh phụ mẫu (cổ Lễ Sanh Thượng Sóc Thanh [Nguyễn Văn Sóc] 97t; cổ Thông Sự Trần Thị Lành, 93t, họ đạo Phước Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, thuộc HTCD BCD).	2,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO (CÀ MAU)

14	ĐH HỒ QUỐC HÙNG (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 08-8.	100,000
15	ĐT NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 08-8. Hồi hướng giác linh ĐH Nguyễn Văn Mới, giác linh ĐT Võ Thị Quán, giác linh Lễ Sanh Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang).	500,000
16	ĐH NGUYỄN TẤN TRIỀU (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 08-8.	100,000
17	ĐH TRẦN AN (Hoa Kỳ). Gởi 08-8. Hồi hướng cha mẹ (ĐH Trần Sum, ĐT La Liên).	500,000
18	ĐH TỬ THANH TOÀN (TT Thiên Lý). Gởi 08-8.	200,000
19	ĐT TỬ THỊ NHUNG (TT Thành Tâm Đàn). Gởi 08-8.	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

20	ĐT DƯ THỊ BẢO HÒA (TT Bình Thạnh). Gởi 05-8.	1,000,000
----	--	-----------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIỀN THIÊN

21	Gia đình ĐT BÙI THỊ CẢNH (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà). Gởi 31-8. Hồi hướng cứu huyền thất tổ.	1,000,000
----	--	-----------

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

22	ĐT LÊ THỊ THẮNG (TT Trung Hải, Bình Định). Gởi 11-8.	200,000
23	Giáo Hữu NGỌC KHÁNH THANH (đại diện HT Truyền Giáo tại Lâm Đồng). Gởi 11-8.	200,000
24	Hành Thiện NGUYỄN LỢI (TT Từ Văn, Phú Nhuận). Gởi 11-8.	500,000

Tổng cộng: **16,940,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Ba Mươi Chín: Từ ngày 01-9-2018 đến ngày 26-9-2018

Môn sanh, đạo tâm:

01	Đạo hữu ẨN DANH. Gởi ACB 13-9.	50,000
02	ĐH PHAN VĂN THÂN. Ấp Cái Bát, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Hồi hướng giác linh thân phụ (ĐH Phan Ngọc Yến) và thân mẫu (ĐT Hồng Thị Tư). Gởi 18-9.	2,000,000
03	Gia đình cố đạo trưởng THIÊN ĐỨC Nguyễn Văn Kiêm (Cơ Quan PTGL Đại Đạo) và cố đạo huynh R.B. DAVID. Công quả ấn tống <i>THÁNH THỊ TRÍCH LỤC</i> . Gởi 11-9.	5,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

04	ĐT LÊ THỊ HỮU, ĐT LÊ THỊ NỖ. Tân Quới Hưng, Trường An, Vĩnh Long. Gởi 22-9. Hồi hướng giác linh thân mẫu (ĐT Bùi Thị Xy, 1920-2013) và giác linh bào muội (ĐT Lê Thị Mảnh, 1951-2013).	5,000,000
----	--	-----------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

05	ĐT LÊ THỊ BẠCH YẾN. Bàu Nặng, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 07-9.	100,000
06	ĐT NGUYỄN THÁI PHƯƠNG ANH. Phường 4, Tp Tây Ninh. Gởi 07-9.	50,000
07	ĐT NGUYỄN THỊ NGÀ. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi 07-9.	100,000
08	ĐT NGUYỄN THỊ VÂN. Chà Là, Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 07-9.	100,000
09	ĐT TRẦN THỊ KIM SƠN. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi 07-9.	200,000
10	ĐT TRƯƠNG THỊ ĐỂ. Long Vĩnh, Châu Thành, Tây Ninh. Gởi 07-9.	100,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIỀN THIÊN

11	ĐH NGÔ VĂN HAI (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà) và các em: NGÔ VĂN BIẾT, NGÔ THỊ ĐIỀU, giác linh ĐH NGÔ VĂN BÀNH, giác linh ĐH NGÔ VĂN DẦU. Gởi 10-9. Hối hướng cứu huyển thất tổ.	30,000,000
----	--	------------

Tổng cộng: **42,700,000 VNĐ**

► Các địa chỉ liên lạc để thỉnh kinh sách ấn tống (kính biểu):

Bà Rịa - VT:	TĂNG NHƯ HẸN	☎ 0907663832
Cà Mau:	NGUYỄN HỒNG TỪ PHƯỚC	☎ 0916028939
Đà Nẵng:	LỄ SANH TRẦN THANH TỪ	☎ 0912949657
	ĐỖ THỊ KẾT	☎ 0985780369
	NGUYỄN THỊ LANG	☎ 0905008999
Lâm Đồng:	NGUYỄN QUANG TÍN	☎ 0976505639
Long An:	PHẠM TRUNG QUỐC	☎ 0913780123
Long Khánh:	NGUYỄN VĂN ĐẠO	☎ 01693113723
Tam Kỳ,	Giáo Hữu THƯỢNG THUẦN THANH	☎ 0905870081
Quảng Nam:	TRẦN THANH TẠO	☎ 0945057595
	CHÂU THỊ KIM TƯƠI	☎ 0914730595
Tây Nguyên:	NGUYỄN SANH	☎ 0902573623
Tây Ninh:	NGUYỄN VĂN NGHĨA	☎ 0987524949
TpHCM:	MINH QUANG Trần Văn Quang	☎ 0913613653
	LÊ THỊ THANH LOAN	☎ 0938479912
Vĩnh Long:	LÊ THỊ HỮU	☎ 0969263264

► Quý đạo hữu gần xa muốn nhận các kinh sách do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo xuất bản, được gởi biểu qua bưu điện, xin gởi e-mail về: daidaovanuyen@gmail.com

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

65 Trảng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

ĐẠO UYỄN ĐÔNG 2018

HUỆ KHẢI chủ biên

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in: Diệu Nguyên, Lê Anh Minh
Vẽ bìa & Trình bày: Ngô Bái Thiên

In 2.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ 028.38153971 – Fax: 028.38153297.

Số XNĐKXB: 3030-2018/CXBIPH/43-66/HĐ

Số QĐXB của NXB: 1209/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 25-9-2018.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-5150-4

*Thư từ, bài viết... xin gởi về: daidaovanuyen@gmail.com
Bản điện tử trên Internet, xem tại: daidaovanuyen.blogspot.com*